

**TÔNG PHÁI
PHẬT GIÁO
NHẬT BẢN**



THÍCH BẢO LẠC dịch



**TÔNG PHÁI
PHẬT GIÁO
NHẬT BẢN**



Nguyên tác bằng Nhật ngữ:

S. Hanayama và K. Tamura

Chuyển sang Việt ngữ:

Thượng tọa Thích Bảo Lạc

Lời nói đầu

Việc dịch tác phẩm viết về Phật Giáo bằng ngoại ngữ sang tiếng Việt cho đến nay vẫn còn cần thiết và hữu ích, vì ba tạng kinh điển của Phật Giáo hầu như còn nằm trong nhiều loại văn tự khác như tiếng Hán, tiếng Nhật, tiếng Sanskrit, tiếng Pali v.v...

Nhận thấy sự cần thiết ấy trong việc tìm hiểu các tông phái Phật Giáo Nhật Bản, sau khi đọc xong tác phẩm, chúng tôi nghĩ cần phải dịch sao cho dễ hiểu - nhất là phần giáo lý mang tính chất triết - công hiến quý vị món ăn tinh thần bổ ích trong việc nghiên cứu giáo điển Phật Đà. Những đặc điểm của sách này gồm có:

- Ngắn gọn rõ ràng
- Nhận xét riêng từng tông phái ở mỗi thời kỳ khác nhau: và ở phần cuối cuốn sách còn ghi rõ:
- Niên biểu lược sử Phật Giáo Nhật Bản
- Bảng tóm lược tổng số các tông phái, số tín đồ PG, v.v...
- Phần câu hỏi gợi ý, do dịch giả tự đưa thêm vào giúp người đọc cần phải lưu ý và nhớ tới những điểm nào thật quan trọng đã đọc.
- Cung ứng cho việc sưu tầm, nhất là đối với những vị nào muốn nghiên cứu sâu vào lãnh vực chuyên môn dễ dàng trong việc tra cứu.

Bản dịch này cũng đã đăng tải trong các số báo đặc san Pháp Bảo, từ số 2, tháng 5 năm 1982 và còn tiếp tục đăng tải cho đến nay. Loạt bài đăng trong báo sẽ được chấm dứt trong vài kỳ báo nữa, vì các phần sau tuy cần thiết đối với người muốn nghiên cứu, nhưng lại trở nên khô khan với người ít quan tâm tới sử liệu Phật Giáo. Đó là lý do quý vị chỉ tìm thấy bản dịch được đầy đủ chỉ có trong sách này.

Trong khi dịch tác phẩm, cũng như trong khoảng thời gian còn tòng học tại Nhật Bản, chúng tôi tự nghĩ: không hiểu sao Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ thứ 2, thứ 3 mà mãi cho tới nay vẫn chưa có được những cuốn sách ghi đầy đủ các chi tiết như bộ “Các tông phái Phật Giáo Nhật Bản” mà quý vị đang có trong tay. Điều mong mỏi của chúng tôi là Phật Giáo Việt Nam trong tương lai cố sao tránh bớt vấp phải những thiếu sót tư liệu như trong quá khứ dài hơn 1500 năm lịch sử truyền thừa! Để có thể thực hiện được điều này, cần đòi hỏi giới Tăng Già phải đi tiên phong trong việc trước tác, dịch thuật... mới mong lưu lại được cho hậu thế những tài liệu tham khảo chính xác về thực tế Phật Giáo trong quá trình phát triển.

Xin đa tạ Thầy Tổ, song thân, bằng hữu, chư Thiện Hữu Tri Thức và Giáo Hội đã cho tôi cơ hội ra học được ở nước ngoài mới làm quen với ngôn ngữ Nhật và công hiến quý vị dịch phẩm khiêm tốn này.

SYDNEY, mùa Báo Hiếu 1984
THÍCH BẢO LẠC

Lời dịch giả

Cũng như Phật Giáo các nước thuộc vùng Đông Á, Nhật Bản sớm chịu ảnh hưởng từ Phật Giáo Trung Quốc ở vào thế kỷ thứ 6 Tây lịch. Trải qua trường kỳ lịch sử hơn 1400 năm, các tông phái Phật Giáo Trung Quốc đã được truyền sang Nhật Bản và biến thái dần để phù hợp với dân tộc tính. Đó cũng là tính chất đặc biệt theo như tinh thần khế lý và khế cơ (hợp với chân lý và trình độ căn cơ của mỗi người) nơi giáo lý đạo Phật.

Nihon no Bukkyo Shuha là một tác phẩm viết bằng tiếng Nhật của hai tác giả là S.Hanayama và K.Tamura, đã được hội truyền đạo Phật Giáo Nhật Bản xuất bản vào tháng 1 năm 1981.

Dịch giả hy vọng sẽ giúp quý vị tìm hiểu thêm các tông phái Phật Giáo Nhật Bản qua những dữ kiện: thành lập, niên đại, Tổ khai sáng, số tín đồ, tự viện, những ngôi Tổ đình, cũng như sự phát triển của mỗi tông phái ra sao. Còn một điều nữa cũng cần thưa trước là trong khi dịch, chúng tôi không chú trọng sát đúng với chánh văn miễn sao lột tả được mạch ý câu cho dễ hiểu hầu giúp quý độc giả nắm được trọn vẹn các yếu tố cần thiết mà thôi.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

CÂN CHỈ
THÍCH BẢO LẠC

MỤC LỤC

Lời nói đầu	trang	5
Lời dịch giả		7
Mục lục		8
Các tông phái Phật Giáo Nhật Bản		10
Buổi bình minh của lịch sử Phật Giáo Nhật Bản		11
Thời kỳ Heian – Lý do của việc phân chia tông phái		12
Việc duy trì		14
* TÔNG THIÊN THAI		17
- Tổ khai sáng – Danh hiệu		17
- Đức Phật tôn thờ - kinh điển		18
- Lịch sử - Giáo pháp		19
- Việc duy trì		21
* TÔNG CHÂN NGÔN		23
- Tổ khai sáng – Đức Phật tôn thờ		23
- Kinh điển		24
- Lịch sử và việc phân phái		25
- Giáo thuyết		26
* TÔNG TỊNH ĐỘ		30
- Tổ khai sáng		30
- Đức Phật chính và kinh điển		31
- Lịch sử - Giáo thuyết		32
- Việc duy trì – việc phân phái		34
* THỜI TÔNG		35
* TÔNG DUNG THÔNG NIỆM PHẬT		37

* TỊNH ĐỘ CHÂN TÔNG	40
- Đức Phật tôn thờ - Giáo lý – Phật giáo tại gia	42
- Nguyên nhờ tha lực	43
- Lòng tin là yếu tố chính	44
- Hiện tại không lui sụt – Bài trừ mê tín	45
- Việc duy trì	46
* TÔNG LÂM TẾ	47
- Lịch sử	48
- Danh hiệu – Đức Phật – Kinh điển	49
- Giáo pháp	50
- Việc tu hành	53
- Việc duy trì	54
* TÔNG TÀO ĐỘNG	55
- Tổ khai sáng	55
- Danh xưng	56
- Đức Phật tôn thờ - Kinh điển – Lịch sử	57
- Giáo thuyết	58
- Việc phân phái – Việc duy trì	60
* TÔNG NHỰT LIÊN	62
- Tổ khai sáng	62
- Kinh điển – Giáo thuyết	63
* NIÊN BIỂU LƯỢC SỬ PHẬT GIÁO NHẬT BẢN	69
* CÁC HỆ PHÁI	74
* TỔNG SỐ CÁC TÔNG PHÁI VÀ TÍN ĐỒ PGNB	88
* Các hệ phái tại Nara	97
* Những hệ phái khác	98
* Câu hỏi gợi ý	99
* Hai bài khảo luận:	
- VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ THỜI GIAN	101
- TÂM LÝ HỌC & CON NGƯỜI THEO QUAN NIỆM PG	113

CÁC TÔNG PHÁI PHẬT GIÁO NHẬT BẢN

Nihon no Bukkyo Shuha

Danh từ tông phái là tiếng rất phổ thông đã được nhiều người biết tới; còn về ý nghĩa giữa “Tông” và “Phái” cũng hoàn toàn khác biệt nhau.

Trước thời đệ nhị thế chiến, Phật Giáo Nhật Bản chia thành 13 tông với 56 phái khác nhau. Ví dụ: Tịnh Độ Chân Tông, phái chùa Bồn Nguyệt (Hongan-ji) hay tông Lâm Tế, phái Diệu Tâm tự (Myoshin-ji) v.v... Chữ Tông dùng để chỉ cho sự phát triển về chiều sâu, còn việc phân phái là những trường hợp thông thường chỉ chiều rộng mà trong mỗi tông đều có chia ra thành nhiều phái khác nhau. Tuy nhiên, tông Tào Động và tông Hoàng Bá lại không có phân phái. Sáu tông ở thời kỳ Nara (thế kỷ thứ 8) và nhất là sau thế chiến thứ II việc phân phái lại càng rõ rệt hơn như: Thánh Đức tông (tổ đình là chùa Pháp Long (Honryu-ji, Kyoto), Hòa tông (tổ đình là chùa Tứ Thiên Vương (Shiten O-ji) và Thánh Quan Âm tông (tổ đình là chùa Thiển Thảo (Asakusa-ji, Tokyo). Như vậy giữa tông và phái hoàn toàn khác nhau như đã nói trên.

Trước thế chiến (đệ II) PGNB chia ra thành 13 tông, theo như sử liệu và thời kỳ thành lập, các tông phát triển theo thứ tự sau đây:

Pháp Tướng – Hoa Nghiêm – Luật tông: thời kỳ Nara (710-794)

Thiên Thai – Chân Ngôn – Dung Thông Niệm Phật (thời kỳ Heian (794-1192)

Tịnh Độ – Lâm Tế – Tịnh Độ Chân Tông – Tào Động – Nhật Liên – Thời Tông: Thời kỳ Kamakura (1192-1333)

Hoàng Bá: thời kỳ Eido (thế kỷ thứ 17)

BUỔI BÌNH MINH CỦA LỊCH SỬ PHẬT GIÁO NHẬT BẢN

Thời kỳ Nara (Nai Lương: 710-794)

Phật Giáo lần đầu tiên được truyền vào Nhật Bản khoảng thế kỷ thứ 6 Tây lịch, tức vào năm 538, nhưng mãi cho tới thời kỳ Nara (gần 2 thế kỷ), các tông phái Phật Giáo vẫn chưa thành hình rõ rệt.

Thánh Đức Thái Tử (574-622) đã đem tinh thần Phật Giáo vào guồng máy hành chánh bằng cách ban chiếu phục hưng Tam Bảo (594) và thành lập bản Hiến pháp gồm 17 điều (604) thấm nhuần tư tưởng Phật Giáo cho việc trị quốc an dân.

Mặt khác, chính Thánh Đức Thái Tử cũng đã chú thích ba bộ kinh căn bản như: Pháp Hoa, Duy Ma và kinh Thắng Man; tuy nhiên, Thái Tử không phải là nhà tu hành nên không thể lập ra được một tông phái Phật Giáo nào cả.

Mãi cho đến thời kỳ Nara mới có 6 tông phái Phật giáo từ Trung Quốc truyền sang. Đó là Pháp Tướng, Tam Luận, Hoa Nghiêm, Luật Tông, Thành Thật và Câu Xá Tông. Song các tông này mãi về sau lại đứng biệt lập và khác nhau ở chỗ sự tồn tại của tông là một học phái riêng hoặc phần lớn các tăng sĩ của mỗi tông đều giữ một lẽ lối sinh hoạt trong phạm vi tông môn. Tuy vậy, phần tinh túy của các tông đều đã cống hiến cho sự nghiên cứu và tìm hiểu mới là điều đáng lưu tâm hơn cả.

Trong 6 tông vẫn còn duy trì liên tục cho tới nay mà chủ yếu là những ngôi chùa tổ đình như: Pháp Tướng tông với chùa Dược Sư, chùa Vạn Phước, chùa Thanh Thủy gọi là Bắc Pháp Tướng (vì phát triển mạnh ở mạn phía Bắc kinh đô) và chùa Pháp Long (lập năm 621) gọi là Thánh Đức tông thuộc hệ phái của Thánh Đức Thái Tử). Tông Hoa Nghiêm với chùa Đông Đại tự (lập năm 740), Luật Tông với chùa Đường Chiêu Đế (lập năm 759).

Tương cũng cần nói rõ thêm là PGNB thuộc Đại Thừa hay còn gọi là Bắc phương Phật Giáo, nhưng ở vào thời kỳ này trong số 6 tông lại có 3 tông là Luật, Thành Thật và Câu Xá thuộc về tiểu thừa Phật Giáo vẫn được lưu hành và mãi cho tới nay Luật tông là một tông duy nhất vẫn tồn tại.

THỜI KỲ HEIAN (BÌNH AN: 749-1192)

Ở cuối thời kỳ Bình An, giáo pháp Tịnh Độ với tông Dung Thông Niệm Phật được thành lập và Phật Giáo lưu hành trong suốt thời kỳ này được khoảng 400 năm và có các bậc cao tăng như Truyền Giáo Đại Sư tên là Tối Trừng (Saicho: 767-822) lập tông Thiên Thai và Ngài Hoằng Pháp Đại Sư hiệu là Không Hải (Kukai: 774-835) thành lập tông Chân Ngôn.

Hai tông này do chính người Nhật sáng lập và là một đặc điểm nổi bật trong việc hình thành các tông phái PGNB.

THỜI KỲ KAMAKURA (KIÊM THƯƠNG: 1192-1333)

Có thể gọi đây là thời kỳ Mạt Pháp, vì Phật Giáo đã tới hồi suy thoái rõ rệt. Theo đó 3 trào lưu tân tiến của Phật Giáo lại hình thành, và cho tới nay cả ba đều giữ vai trò chính yếu trong hệ thống Phật Giáo Nhật Bản.

Ba trào lưu Phật Giáo ở thời kỳ này là: Tịnh Độ, Thiền và Nhật Liên tông. Tịnh Độ giáo thịnh hành ở vào cuối thời kỳ Heian, Ngài Lương Nhẫn (Ryonin: 1072-1132) lập tông Dung Thông Niệm Phật, Ngài Pháp Nhiên (Honen, hiệu Nguyên Không: 1133-1212) cũng xiển dương tông Tịnh Độ và Ngài Thân Loan (Shinran: 1173-1262) là tổ khai sáng Tịnh Độ Chân Tông. Ngoài ra còn có các Ngài Trí Chân (1239-1289) lập Thời tông. Ngài Vĩnh Tây (Eisai: 1141-1215) truyền bá tông Lâm Tế, Ngài Đạo Nguyên (Dogen: 1200-1253) là tổ khai sáng Thiền Tào Động và Ngài Nhật Liên (Nichiren: 1222-1282) thành lập tông Nhật Liên.

Tới thời kỳ Eido Ngài Ân Nguyên (1592-1673) từ Trung Quốc đến Nhật truyền tông Hoàng Bá và đó là thời kỳ thành hình của tông này tại Nhật Bản.

LÝ DO CỦA VIỆC PHÂN CHIA TÔNG PHÁI

Phật Giáo do đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni khai sáng, trải qua hơn 2500 năm và mãi cho tới nay việc phân chia tông phái đã thành hình rõ rệt.

Hiện tại, ngoài Nhật Bản, các nước trong vùng Đông Nam Á cũng tôn sùng Đạo Phật. Hai hệ phái lớn trong Phật Giáo đã và đang phát triển không ngừng, đó là Nam Phương Phật Giáo (hay Tiểu Thừa hoặc còn gọi là Thượng Tọa Bộ) và Bắc Phương Phật Giáo (hay Đại Thừa hoặc Đại Chúng Bộ). Trên danh nghĩa tuy có phân chia Tiểu Thừa hay Đại Thừa song về mặt tu chứng, tất cả đều nhằm tới mục đích sau cũng là thành Phật hay đạt đến sự giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Muốn đạt đến giác ngộ trước hết hành giả phải gia công tu tập trải qua nhiều kiếp để chuyển nghiệp trong kiếp luân hồi, là cả một chuỗi thời gian liên tục kéo dài ở trong 3 giai đoạn:

- Trước hết với lập luận cho rằng lịch kiếp thành Phật (lịch là trải qua) hoặc là 3 kiếp thành Phật (3 kiếp là tiểu kiếp, trung kiếp và đại kiếp, xem thêm quyển Kiến Thức Căn Bản PG của tác giả, trang 110-111, Phật Học viện Quốc Tế, Hoa Kỳ, xuất bản tháng 4 năm 1982) tức là trong khoảng thời gian dài chuẩn bị ấy, hành giả phải tu hành tích công bồi đức mới đạt thành mục đích sau cùng là chứng Phật quả. Còn tức thân thành Phật, tức là do nơi thân thể này từ cha mẹ sinh ra và cũng chính ở ngay trong đời này có thể thành Phật (Quan niệm tức thân thành Phật) do Ngài Không Hải đại sư chủ trương vào thời kỳ Kamakura) và còn một lối lập luận khác thì cho rằng vãng sanh về cảnh giới Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà sau khi lìa bỏ xác thân ở cõi đời này.

Sở dĩ có sự phân chia thành nhiều tông phái, vì trong giáo pháp của Phật có tới 8 vạn bốn ngàn pháp môn tu. Vì thế mà có nhiều cách phân phái khác nhau cũng là việc dễ hiểu cho sự tu hành được thích hợp và kết quả vẫn là thành Phật. Vì thế trong kho tàng pháp bảo của Phật Giáo có chia ra 3 tạng là Kinh, Luật và Luận. Trong 3 tạng giáo điển ấy đều căn cứ vào kinh tạng, luật tạng và luận tạng để chia thành Kinh, Luận là những phần giáo lý căn bản; còn luận phần nhiều đều căn cứ vào các bộ kinh ruột để phân chia. Căn cứ vào trong cùng một tạng Kinh làm điểm tựa cho phần giáo lý cơ bản. Còn về việc phân phái dựa vào sự khác biệt của cách giải thích về văn cú nơi các kinh mà thành. Nói một cách khác, Phật Giáo có phân ra tam Học là Giới, Định, Huệ mà phần thực tiễn của các tông đều dựa vào đó mà thành hình việc phân chia khác nhau. Tuy nhiên, theo

Nam Phương Phật Giáo, nếu gọi là Phật thì chỉ có một đức Phật Thích Ca là Tổ khai sáng Phật Giáo mà thôi; còn đối với Đại Thừa Phật Giáo lại có một quan niệm phóng khoáng hơn nhiều, như đức Phật bao gồm cả 3 thân: Pháp Thân (thân chân thật bao gồm cả thế giới), Báo Thân (với thân người để gần gũi hầu dễ dàng trong việc cứu độ chúng sanh) và Ứng Thân (tức là thị hiện ra đời giáo hóa chúng sanh, như Đức Phật Thích Ca). Trong 3 thân: Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân ấy dựa vào thân nào của đức Phật cho việc phân chia thành các tông phái?

Đó là những lý do chính khiến có nhiều tông phái khác nhau. Tuy nhiên, đức Phật vì muốn ứng bệnh cho thuốc (Obyo yoyaku) tức là tùy theo căn bệnh mà chẩn mạch cho toa thuốc khác nhau. Ngoài ra, các tông phái Phật Giáo lại còn phân biệt giữa Tông và Phái hoàn toàn có sự khác nhau. Vì Tông và Phái không thể nói có chỗ hơn kém mà phải luận rằng, tùy theo căn cơ và trình độ của mỗi người mà áp dụng cho thích ứng những lời Phật dạy mới là điều thiết thực cho việc tu chứng.

VIỆC DUY TRÌ (CÁC TÔNG PHÁI PHẬT GIÁO)

Theo như thống kê của bộ Văn Hóa giáo dục (1973) thì dân số Nhật Bản có trên 110.000.000 người; trong đó số tín đồ thuộc các tông phái Phật Giáo đã được ghi nhận với tổng số là: 7.500.000 người (7 triệu năm trăm ngàn người).

Con số này nếu đem so sánh với số tín đồ của các tôn giáo khác như ở Âu Mỹ thì lại hoàn toàn khác hẳn. Vì tại Nhật số người tin theo Thần Đạo (Shinto, cũng kể như Phật Giáo đã lên đến trên 7.700.000 người). Nếu đem so với tổng số nhân khẩu thì số tín đồ Phật Giáo đã vượt quá xa, bởi vì một phần lớn người Nhật không có một ý niệm rõ ràng nào về tôn giáo mình theo cả. Nếu đem 7.500.000 người của khối tín đồ Phật Giáo tách biệt riêng hẳn ra thuộc mỗi tông khác nhau, ta sẽ thấy con số khá rõ rệt như sau:

Hệ phái Nhật Liên tông (gồm 37 tông phái)	3.000.000
Tịnh Độ Chân tông (10 phái)	1.400.000
Chân Ngôn tông (48 phái)	1.200.000
Tào Động tông (không phân chia thành phái)	550.000
Tịnh Độ tông (6 tông phái)	470.000

Thiên Thai tông (20 tông phái)	450.000
Lâm Tế tông (15 phái)	300.000

Tổng cộng: 7.370.000

Và sau đây là bảng liệt kê các ngôi chùa trong toàn quốc thuộc các tông:

Tịnh Độ Chân tông	độ	21.000	ngôi chùa
Tào Động tông	,	15.000	
Chân Ngôn tông	,	12.000	
Tịnh Độ tông	,	8.000	
Nhật Liên tông	,	6.500	
Lâm Tế tông	,	6.000	
Thiên Thai tông	,	4.000	

Tổng số: 72.500 ngôi chùa

Tổng cộng số tín đồ và số chùa của 7 tông vừa nêu trên với một con số khá chính xác. Số còn lại độ 130.000 người và số chùa độ 2500 ngôi thuộc 6 tông khác. Tuy nhiên, trong số 7 tông tương đối có số tín đồ đông và nhiều chùa nhất như vừa nêu trên thì tông Lâm Tế với số tín đồ ít nhất chỉ độ 300.000 người và hệ phái Thiên Thai thuộc tông Thiên Thai chỉ có độ 4000 ngôi chùa. Ngoài ra, còn lại 6 tông trong số 13 tông là Pháp Tướng, Hoa Nghiêm, Luật, Dung Thông Niệm Phật, Thời tông và Hoàng Bá; kể cả số tín đồ và số tự viện hiện nay không đông và nhiều như chúng ta đều đã biết.

Nếu căn cứ vào số tín đồ và số chùa với tầm ảnh hưởng của xã hội mà xét thì khó có sự chính xác được. Vì trên thực tế, 6 tông còn lại cũng có tầm ảnh hưởng không nhỏ đối với người Nhật Bản kể cả số chùa chiền nữa, nhưng trong phạm vi của cuốn sách nhỏ này, chúng tôi chỉ liệt kê khái lược con số tổng quát; còn việc đi sâu vào các chi tiết của mỗi tông, xin để nhường lại cho các nhà chuyên môn khảo cứu thì mới tường tận và chính xác.

Cũng cần nói thêm rằng tông Nhật Liên, đặc biệt số tín đồ khá đông thuộc Sáng Giá Học Hội (Shoka Gakkai), tức là Nhật Liên Chánh tông, Linh Hữu Hội (Reiyuukai) và Lập Chánh Giáo Thành Hội (Risso Koseikai) với số tín đồ tăng rất nhanh sau đệ nhị thế chiến, trong số gồm cả các phái Tân Hưng nữa.

Sau hết là các ngôi tổ đình được chọn những ngôi chùa chính trong toàn quốc của 13 tông như sau:

Tông Pháp Tướng: chùa Dược Sư, Hưng Phước, Thanh Thủy và chùa Pháp Long (hầu hết đều ở tại Kyoto)

Tông Hoa Nghiêm: chùa Đông Đại tự (vùng Nara-Kyoto)

Luật tông: chùa Đường Chiêu Đế

Tông Thiên Thai: chùa Diên Lịch, Tứ Thiên Vương, Thiên Thảo, chùa Viên Thành (hay còn gọi là chùa Tam Tĩnh)

Tông Chân Ngôn: Kim Cương Phong tự (thuộc huyện Wa-Kayama-ken), chùa Đông tự (Kyoto)

Tông Dung Thông Niệm Phật: chùa Đại Niệm Phật (Osaka)

Tông Tịnh Độ: Tri Ân viện, Tăng Thượng tự v.v.

Tông Lâm Tế: chùa Diệu Tâm, chùa Nam Thiên, chùa Kiến Trường, Đại Đức tự v.v.

Tịnh Độ Chân Tông: chùa Đông Bản Nguyên (phái Otani), chùa Tây Bản Nguyên (phái Hongan-ji) v.v.

Tông Tào Động: chùa Vĩnh Bình (Ehei-ji, thuộc tỉnh Phúc Kuy) và chùa Tổng Trì (Soji-ji).

Tông Nhật Liên: chùa Cửu Viễn (Kuon-ji hay Shinen-ji)

Thời Tông: chùa Thanh Tịnh Quang, chùa Du Hành

Tông Hoàng Bá: chùa Vạn Phước (thuộc Vũ Trị)

TÔNG THIÊN THAI

1-TỔ KHAI SÁNG

Tổ sáng lập tông Thiên Thai là ngài Tối Trừng (Saicho: 767- 822) sanh vào cuối thời kỳ Nara, niên hiệu Thần Hộ Cảnh Vân nguyên niên (767) tại làng Cổ Thi, huyện Shiga (nay là Otsu-shi, Sakamoto-Shiga-ken) và viên tịch ngày mồng 4 tháng 6 năm thứ 13 niên hiệu Hoàng Nhân (822) tại một ngôi chùa ở núi Tỷ Duệ. Ngài lúc nhỏ tên là Quảng Giải, sau khi viên tịch, đến đời Thiên Hoàng Thanh Hòa năm Trinh Quán thứ 8 (866) Ngài là người đầu tiên được vua sắc phong chức Đại Sư hiệu là Truyền Giáo Đại Sư (Dengyo-Taishi).

2-DANH HIỆU

Tông Thiên Thai thuộc Phật Giáo Nhật Bản gốc do Tông Thiên Thai của Phật Giáo Trung Quốc, tại Trung Quốc đời Nam Bắc triều. Ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư (538-597) đã cho thiết lập đạo tràng giảng kinh luận đạo tại phủ Đài Châu, tỉnh Chiết Giang, thuộc núi Thiên Thai, nên người đời tôn xưng Ngài là Thiên Thai Đại Sư và chính Đại Sư đã tận lực phát huy tông yếu về sau gọi là tông Thiên Thai.

Mãi cho đến đời nhà Đường (TH), vị tổ thứ 6 của tông Thiên Thai là ngài Trạm Nhiên (711-782) mới bắt đầu nghĩ tới việc phục hưng tông môn.

Còn tại Nhật Bản, tông Thiên Thai do Ngài Tối Trừng năm Diên Lịch thứ 23 (804) đã đến Trung Quốc để học đạo và đồng thời Ngài cũng học được pháp Thiền của Ngài Thiên Thai, Đại thừa Bồ Tát giới và Mật Giáo nữa. Do đó có thể nói viên (Thiên Thai), Thiền, Giới và Mật bao hàm cả 4 tông: Thiên Thai tông, Luật tông, Thiền và Chân Ngôn tông.

Sau khi trở về nước vào năm Diên Lịch thứ 25 (806) Ngài lập tông Thiên Thai tại Nhật Bản: Ngài cũng bắt đầu thu nhận đệ tử xuất gia và tận lực phát triển tông môn.

Ở vào thời kỳ Nara không những chỉ có tông Thiên Thai mà có cả các tông khác như: Hoa Nghiêm, Luật tông, Tam Luận, Pháp Tướng, Thành Thật v.v. cũng được xiển dương giáo nghĩa. Song tông Thiên Thai lúc bấy giờ vẫn đứng biệt lập.

Nguồn gốc chính của tông Thiên Thai, cũng chính là tông Pháp Hoa, vì y cứ vào bộ kinh Pháp Hoa để lập tông vậy.

3-ĐỨC PHẬT TÔN THỜ

Căn cứ vào phẩm Như Lai thọ lượng, quyển thứ 6 của bộ kinh Pháp Hoa, có thuyết minh rằng đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành Phật trải qua nhiều kiếp (từ quá khứ lâu xa đức Phật đã chứng ngộ thành Phật), do đó đối với chư Phật, các đức Thế Tôn, Đức Phật Thích Ca tùy cơ duyên ứng hiện ra đời và gần gũi với mọi người nên được tôn sùng kính ngưỡng. Tuy nhiên trong số khoảng 3000 ngôi chùa thuộc tông Thiên Thai, trong đó có tới một phần ba thờ đức Phật A Di Đà. Các chùa khác thờ đức Phật Thích Ca, đức Đại Nhật Như Lai, Phật Dược Sư, Quan Thế Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Bất Động Minh vương, Tỳ Sa Môn Thiên Vương, Hoan Hỷ Thánh Thiên v.v. cũng được tôn thờ như những vị Phật chính.

4-KINH ĐIỂN

Tông Thiên Thai chọn bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa làm kinh chính yếu, còn các kinh A Di Đà, kinh Phạm Võng Bồ Tát giới, kinh Đại Nhật... đều được chọn trong số những kinh điển Đại Thừa bổ sung vào giáo pháp của tông. Ngoài ra Ngài Thiên Thai Đại Sư và Ngài Truyền Giáo Đại Sư còn làm ra những bộ sách chỉ nam cho việc hành trì nữa.

Tương cũng cần nói thêm rằng nghi thức thọ trì vào thời kinh buổi sáng là kinh Pháp Hoa sám pháp và nghi thức tụng vào buổi tối là “Liệt thời tác pháp”.

5-LỊCH SỬ

Tổ khai sáng tông Thiên Thai là ngài Truyền Giáo Đại Sĩ (Dengyo-Taishi). Ngài đến Trung Quốc vào đời nhà Đường và thụ giáo với hai môn đệ của Ngài Trạm Nhiên (tổ thứ 6 của tông Thiên Thai) là Ngài Đạo Toại và Ngài Hành Mãn. Đồng thời Ngài cũng theo học với Ngài Tiêu Nhiên chùa Thiên Lâm về pháp Thiền, rồi thọ Bồ Tát giới với Ngài Đạo Thúy. Chính Ngài Thuận Hiểu chùa Long Hưng cũng truyền cho Ngài Truyền Giáo về Mật Giáo nữa.

Về sau có Ngài Viên Nhân hiệu là Từ Giác Đại Sư, tổ thứ tư vào năm Thừa Tri thứ 5 (838) đã sang Trung Quốc học pháp môn Niệm Phật ở chùa Trúc Lâm thuộc núi Ngũ Đài sơn.

Tóm lại, tông Thiên Thai tại Nhật Bản truyền được tới năm 1176 và đã áp dụng những lời giáo huấn của Ngài Thiên Thai Đại Sư như là tâm tủy; còn giới luật, thiền, Mật Giáo hay pháp môn Niệm Phật... cũng được tham cứu. Tông Thiên Thai giữa Phật Giáo Trung Hoa và Triều Tiên đều mang một sắc thái đặc biệt và đến khi truyền sang Nhật Bản lại càng mang tính chất nổi bật hơn, vì tầm ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa Nhật Bản.

Còn việc truyền thừa Tông Thiên Thai tại Nhật có các vị tổ kế nghiệp như ngài Nghĩa Chân, trú trì chùa Diên Lịch là người thứ nhất; kế thừa liên tục còn các Ngài: Viên Trung, Viên Nhân, Viên Trân, An Huệ và cho tới nay là đời thứ 253 là Ngài Huệ Đế.

6-GIÁO PHÁP

Tông Thiên Thai căn cứ vào lời dạy “Nhất thừa” trong kinh Pháp Hoa làm điểm tựa, nhất là về khả năng thành Phật. Chúng ta phải tự tin nơi chính mình và đồng thời phải thực hành theo hạnh Bồ Tát để giáo hóa chúng sanh, như việc nỗ lực cứu giúp nhân loại, tận dụng phát triển văn hóa quốc gia để thực hiện cho được đức Phật tự tâm, rồi lập nên cảnh giới Phật, như nỗ lực vận dụng trong chiều hướng phát triển tôn giáo nhân gian làm tôn chỉ. Y cứ vào lời dạy của tổ sư, tông chỉ được kế truyền liên tục, nhờ sự dung hợp phẩm Nhất Thừa của bộ kinh Pháp Hoa mà thành tựu: Viên, Mật, Thiền, Giới hay Niệm Phật (Thiên Thai Viên Giáo,

Mật Giáo, Thiên Tông, Luật Tông, Tịnh Độ tông) và đó là điểm thực tiễn của tông để duy trì và phát triển.

Tông Thiên Thai chọn nội dung bộ kinh Pháp Hoa làm chính nên có thể gọi là Viên Giáo, vì kinh Pháp Hoa do đức Thích Tôn thuyết mà trong ấy đã bao hàm ý nghĩa chân thật, được xem là bộ kinh cốt tủy trong các kinh như Ngài Thiên Thai Đại sư đã chọn. Ngài Thiên Thai y cứ vào kinh Pháp Hoa, rồi làm ra kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Pháp Hoa Văn Cú. Ngoài ra, còn bộ “Ma Ha Chỉ Quán”, Ngài đều dựa vào các phép thực tiễn trong bộ Pháp Hoa để hành đạo. Với lập trường như vậy gọi là Pháp Hoa Viên Giáo mà Ngài Truyền Giáo Đại Sư y cứ vào đó để truyền bá tông Thiên Thai tại Nhật Bản.

Sự lưu truyền tông Thiên Thai cho đến giữa thời kỳ Hei-an lại có Ngài Lương Nguyên kế tục. Sau đó còn có các Ngài: Giác Vân, Nguyên Tín lập ra các bộ “Vãng Sanh tập” và chia ra hai phân: Đàn Na Lưu và Huệ Tâm Lưu.

Tông Thiên Thai chịu ảnh hưởng sâu đậm từ Mật Giáo nên gọi là Thai Mật (Tức Thiên Thai Mật Giáo) và phát xuất từ Trung Quốc truyền sang. Kế tục có Ngài Từ Giác Đại Sư hiệu là Viên Nhân và Ngài Trí Chủng Đại Sư hiệu là Viên Trân, sau đó Ngài An Nhiên triển khai tông yếu để duy trì đạo mạch. Như thế nếp sinh hoạt của các vị Tổ đều căn cứ nơi giới đức của hàng Đại Thừa Bồ Tát, gọi là Viên Đốn Bồ Tát giới.

Theo truyền thống này, đến đời Ngài Tối Trừng và Ngài Nghĩa Chân lại còn phân ra làm hai hệ thống. Hệ phái Ngài Tối Trừng có Ngài Lương Nhẫn, truyền bá tông Dung Thông Niệm Phật làm giới mạch. Còn tông yếu Thiên Thai với Ngài Pháp Nhiên lại là tông Tịnh Độ. Một mặt, hệ phái của Ngài Nghĩa Chân, từ đời Ngài Viên Chân trở xuống, truyền lưu theo nhánh chùa Tam Tĩnh. Mặt khác, theo sự lưu truyền đặc biệt của tông Thiên Thai, còn có Thanh Minh Đạo, Hồi Phong Hạnh, Tu Nghiệm Đạo, Thần Phật Tập Hợp v.v. Thanh Minh Đạo chuyên về mặt âm nhạc Phật giáo rất nổi tiếng. Đời tổ thứ tư, Ngài Từ Giác Đại Sư, truyền nhạc khúc Phật Giáo của Trung Quốc sang. Đệ tử Ngài Từ Giác là Tương Ứng Hòa Thượng còn lập ra “Hồi Phong Hạnh” và mãi đến nay vẫn còn được duy trì liên tục.

Ngài Trí Chứng còn nghĩ tới lối sinh hoạt Thiên Lâm bằng chú thuật, áp dụng cho những ngôi chùa tọa lạc trên núi non hẻo lánh, gọi là Tu Nghiêm Đạo. Ngoài ra còn có sự dung hợp giữa Thần-Phật cũng phát sinh. Nhưng cho đến đời vua Minh Trị Thiên Hoàng vào năm thứ nhất (cuộc cải cách toàn diện: 1868) mới tách biệt hẳn ra giữa Phật Giáo và Thần Đạo (Shinto).

7-VIỆC DUY TRÌ

Chùa tổ đình của tông Thiên Thai tại núi Tỳ Duệ do Ngài Tối Trừng thiết lập ở đó một đạo tràng để dạy đạo cho tông môn, không phân biệt Tăng sĩ hay Cư sĩ tại gia; hễ người nào có ý chí và tâm nguyện, cũng như có cơ duyên, đều có thể theo học được cả. Về cách tổ chức thì có một vị chủ trì coi sóc tổng quát, và một ban điều hành thuộc chùa Diên Lịch gồm có 6 bộ môn khác nhau. Cơ quan này nay có một tông trưởng trông coi 4 bộ môn và chia ra làm 25 khu vực khác nhau để tiện việc điều hành. Những việc trọng đại đều do một cơ quan nghị quyết trong kỳ đại hội. Ngoài ra còn có một ban Cố Vấn, ban kiểm soát và một trung tâm khuyến khích việc tu học. Đặc biệt hơn cả, về mặt hoằng pháp, tại các khu vực địa phương đều được bổ nhiệm tới một vị giảng sư lưu động. Những vị này gần gũi thọ giáo trực tiếp từ vị chủ trì hoặc bằng miệng hoặc bằng văn thư, hoặc bằng những hình ảnh sinh hoạt. Riêng về mặt giáo dục, các cơ sở được thiết lập như trường đại học Taisho (Đại Chánh) do sự hợp tác chắc chắn của tông Thiên Thai với hai phái Tào Sơn và Trí Sơn của tông Chân Ngôn, cùng với tông Tịnh Độ lập vào năm Taisho thứ 15 (1925). Học viện tại tổ đình thuộc núi Duệ sơn, đạo tràng Tỳ Duệ sơn. Ngoài ra còn có các cơ sở nghiên cứu khác thuộc hội Bảo Dục hội thanh niên Phật tử, hội phụ nữ học Phật, hội hướng đạo sinh Phật tử và các hoạt động từ thiện xã hội như việc hướng nghiệp cũng được nỗ lực vận động. Hội còn phát hành tờ nguyệt san Tỳ Duệ sơn thời báo, đăng tải những sinh hoạt cần thiết, hầu cung ứng cho độc giả món ăn tinh thần hữu ích.

Số tự viện trong toàn quốc gồm có 3176 ngôi, với số tín đồ gần 600,000 người. Ngoài ngôi tổ đình chùa Diên Lịch ra, còn có

các ngôi chùa khác như: Luân Vương tự (thuộc Ueno-Tokyo), chùa Luân Vương (tỉnh Nikko: Nhật Quang), chùa Diệu Pháp (Kyoto), viện Tam Thiên (Kyoto), chùa Mạn Thù (Kyoto), viện Tỳ Sa Môn, viện Thanh Liên (Kyoto), viện Shiga (thuộc tỉnh Shiga), chùa Khoan Vĩnh (Tokyo), chùa Thiền Quang (tỉnh Nagano), chùa Trung Tôn (tỉnh Iwate), viện Hỷ Đa - chùa Vô Lượng Thọ (tỉnh Kawaetsu), chùa Lập Thạch (tỉnh Yamagata), chùa Viên Giáo (tỉnh Himeji), chùa Quan Thế Âm (tỉnh Fukuoka) v.v...



TÔNG CHÂN NGÔN

1-TỔ KHAI SÁNG

Tổ khai sáng tông Chân Ngôn là ngài Hoằng Pháp Đại sư hiệu Không Hải (Kobo Taishi-Kukai) mà đa số người Nhật đều biết đến. Ngài sinh năm 774 và tịch năm 835; đồng thời với tông Thiên Thai, Ngài là tiêu biểu cho các nhà truyền bá Phật Giáo tại Nhật Bản vào thời đại Bình An (Heian: 794-1192).

Ngài lúc nhỏ theo học đạo nho, đạo Lão, cho tới tuổi thành niên lại hăng say chú tâm vào việc học Phật và nuôi chí nguyện xuất gia, cũng như thích sống cảnh u tịch nơi chốn núi rừng để tu tập rèn luyện chí. Vì thế trong các sinh hoạt rộn ràng, Ngài lưu tâm đặc biệt tới Mật Giáo, tức tông Chân Ngôn, hơn cả.

Vào đời Đường Ngài sang Trung Quốc học về Mật Giáo. Tông này vốn từ Ấn Độ truyền sang, ngài Đạo Quả kế tục duy trì đạo mạch, theo hai chiều hướng gọi là Kim Cương giới và Thai Tạng pháp, cũng với Kim Cang biến chiếu gọi là Quán Đảnh, rồi Ngài trở về Nhật. Sau khi về nước, Ngài đặt địa bàn hoạt động tại chùa Đông Tự, núi Cao Hùng thuộc vùng Kyoto, và từ đó Ngài lo việc phát triển tông môn cũng như lấy Mật Giáo làm mạng mạch; một thời gian sau, Ngài dời về chùa Kim Cang Phong, núi Takano để nhập Thiền Định vĩnh viễn tại đó cho tới khi tịch. Ngài thọ được 62 tuổi.

2- ĐỨC PHẬT TÔN THỜ

Các chùa thuộc tông Chân Ngôn, về cách tôn trí chư Phật rất đa dạng. Đức Đại Nhật Như Lai là giáo chủ của tông, nhưng trên thực tế chỉ có một số ít các ngôi chùa tôn thờ mà thôi.

Nói chung đức Phật Dược Sư, Phật A Di Đà cùng với chư Phật và các vị Bồ Tát như: Quan Âm, Văn Thù, Phổ Hiền; các vị minh vương như: Bát Động Minh Vương, Ái Nhiễm Minh Vương, cũng như chư thiên: Hoan Hỷ thiên, Đại Hắc thiên... đều được tôn sùng tất cả. Sự tin kính này do ý niệm sùng bái chư Thần mà thành, rồi đưa tới sự dung hợp trong Phật Giáo. Nhưng tựu trung đức Phật tôn thờ vẫn là đức Đại Nhật Như Lai, như là bậc chí tôn, vì trong cái đối tượng của sự tôn sùng ấy đã thể hiện một cách cụ thể là chư Phật, Bồ Tát, Minh Vương và chư thiên đều có liên hệ với đức Đại Nhật Như Lai.

Ngoài ra, Ngài Không Hải Đại Sư được tôn thờ như đức Phật, và đó là sự tôn kính đặc biệt của tông Chân Ngôn đối với bậc Tổ, cho nên thông thường mọi người hay quen gọi là Ngài Đại Sư một cách thân thiết.

3-KINH ĐIỂN

Về kinh điển của tông Chân Ngôn, đặc biệt đều căn cứ vào hai bộ kinh Đại Nhật và Kim Cang danh, vì đó là hai bộ kinh trọng yếu được tôn sùng hơn cả.

Phần giáo lý gồm có: Mạn Đà La, Ấn, Chân Ngôn (Mật chủ) đều là những phép tắc cần hành, nhưng phương pháp quán tưởng đã được qui định rõ ràng minh bạch. Đọc và hiểu được các pháp cần hành này, không những hiểu rõ được tông yếu mà còn thể nghiệm trong việc tu chứng cụ thể hơn, như vị thầy giỏi giúp ta học hỏi được lý đạo nhiệm mầu, và đồng thời cũng rút tỉa lấy cho mình điều thực tiễn cần thiết vậy.

Theo như bộ kinh Đại Nhật thì nền tảng của các pháp gọi là “Thai Tạng Pháp” mà trong ấy nội dung gồm có: Mạn Đà La, gọi là Đại Bi Thai Tạng Sanh Mạn Đà La (hay Thai Tạng giới Mạn Đà La); còn theo kinh Kim Cang danh thì có Kim Cang giới Pháp hay còn gọi là Kim Cang giới Mạn Đà La. Kinh thường dùng hằng ngày tại các chùa thuộc tông Chân Ngôn vào hai thời công phu sớm - tối là kinh Bát Nhã Lý Thú, tức căn cứ vào bộ kinh Bát Nhã rồi luận tới cái lý Chân Không: đó là lập trường tích cực theo giá trị quan trong Mật Giáo. Lập trường khẳng định tuyệt đối của Mật Giáo là tư tưởng Bát Nhã Chân Không vậy.

4-LỊCH SỬ VÀ VIỆC PHÂN PHÁI

Mật Giáo từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc, rồi Ngài Không Hải mang truyền tới Nhật Bản, bằng cách dựa vào giáo lý Chân Ngôn để hình thành Chân Ngôn Mật Giáo. Còn đối với các tông khác, thì đây là hệ tư tưởng biệt lập rất rõ rệt. Sự biệt lập không những của một tôn phái đã hình thành tại Ấn Độ, Trung Quốc mà còn ngay cả tại Nhật Bản nữa, và Mật Giáo là một tông có sớm nhất tại đây.

Mật Giáo được các đoàn truyền giáo thuộc phái Đại thừa truyền từ Ấn Độ đến các nước thuộc vùng Đông Nam Á, điển hình nhất là trong nền văn hóa Tây Tạng, hiện nay còn một giáo phái mang tên Lạt Ma Giáo, là một nhánh của Mật Giáo vậy.

Đến thời Trung Cổ, việc phân phái lại trở nên phức tạp hơn, do đó trong giới Phật Giáo Nhật Bản, từ buổi đầu đa phần chia thành các phái nhỏ. Tuy nhiên, chỉ có hai phái lớn nhất là Cổ Nghĩa và Tân Nghĩa là đáng kể hơn cả. Phần Tân Nghĩa thịnh hành nhất vào cuối thời đại Bình An. Người đi tiên phong tận lực vận động canh tân Chân Ngôn tông là Ngài Hưng Giáo Đại Sư hiệu là Kakuban, thuộc hệ phái Phong Sơn, tổ đình là chùa Trường Cốc tự (Hase-ji) và viện Trí Tích ở Kyoto là địa bàn hoạt động của phái Trí Sơn, cũng như chùa Căn Lai (Negoro-ji) ở Kỳ Châu là tổ đình của phái Tân Nghĩa. Ngoài ra, vùng Quảng Đông thuộc Tokyo, với sự nỗ lực của các đoàn truyền giáo, nên tông Chân Ngôn còn duy trì mãi cho tới nay. Ngược lại, phái Cổ Nghĩa lại đặt địa bàn hoạt động nhắm tới vùng Quảng Tây (Kyoto) và đó cũng là truyền thống lâu đời của việc hình thành nhiều hệ phái khác nhau.

Ngoài ra, chùa Đông Tự còn là căn cứ hoạt động xã hội lớn mạnh của ngài Không Hải; nơi đây không những là trung tâm của tông Chân Ngôn mà còn là tổ đình thờ ngài Không Hải nữa. Việc tôn sùng Ngài được phái Cao Dã Sơn (Koyasan) cổ võ. Đến đời vua Khoan Bình (Kanbyo) mới lập chùa Nhân Hòa (Ninna-ji) làm tổ đình cho phái Ngự Thất (Omuro). Sau đó ngài Thanh Bảo (Shobo) khai cơ lập ra Tu Nghiệm Đạo với phái Đề Hồ (Daigo); vua Tha Nga cũng rời khỏi hoàng cung lập ngành Hoa Đạo; còn về mặt tu luyện có phái chùa Đại Giác rất nổi tiếng. Ngài Tuấn Nhung

Shunjyo) cũng lập cơ sở tu tập trong hoàng cung là chùa Tuyên Dũng (Sennyu-ji). Chùa này sau trở thành trung tâm của phái Sennyu. Nơi ngài Không Hải chào đời có phái Thiên Thông, giáo phái lưu truyền liên tục đến chùa Quán Tu ở Kyoto là trung tâm của phái Sơn Giai (Yamashina); còn các tông như Luật, Chân Ngôn Luật tông đều là những hệ phái của tông Chân Ngôn. Ngoài các phái kể trên, còn có phái Đại Tự là trung tâm cho việc hình thành những phái nhỏ khác trong tông Chân Ngôn.

Nếu xét về mặt lịch sử thì những ngôi chùa Tổ là nơi duy trì, tiếp nối truyền thống đạo lâu đời; còn về phương pháp áp dụng thì Tông đương nhiên giữ vai trò chỉ đạo cho hàng tín đồ.

5-GIÁO THUYẾT

Mật Giáo là một tông phái mang tính chất hết sức đặc biệt ở Đông Phương, có lẽ một phần do sự hỗn hợp mà thành, nhất là về mặt giáo lý và nghi lễ của tông Chân Ngôn. Ngay tại Ấn Độ, Trung Quốc và kể cả Nhật Bản cũng đều chịu ảnh hưởng một phần không nhỏ từ nền văn hóa của các dân tộc đó hay từ các tôn giáo khác. Ngay cả lập trường hỗn hợp giữa Thần-Phật và Linh Địa đã phát hiện từ trong giáo lý của Chân Ngôn hoặc trong lịch sử cũng đã có sự liên hệ chắc chắn này. Điểm này giáo thuyết của Chân Ngôn chọn lựa miễn sao phù hợp với thực tế và đúng với cái nhìn thuần nhất là được mà các tông phái thời kỳ Kamakura là điển hình hơn cả. Tính cách hỗn hợp và bao dung này, một mặt đã có nơi tông Chân Ngôn, mặt khác do sự kết hợp tài tình giữa quần chúng tạo thành.

Trước thực tế, tông Chân Ngôn đã nghĩ ngay đến những lợi ích thiết thực cho đời này qua một điểm then chốt, nhất là niềm tin của quần chúng hướng về tôn giáo. Còn về quan điểm của giới trí thức lúc bấy giờ thì cho rằng, điều lợi ích hiển nhiên cho đời này qua lãnh vực tôn giáo là điều cần nên suy nghĩ, và chính trong giáo lý của Chân Ngôn cũng giải thích điểm này đã có sự lầm lẫn. Tuy nhiên, Mật Giáo ngay từ thời cổ tại Ấn Độ xử dụng tới bùa phép hay nghi lễ tôn giáo, rồi sau chịu ảnh hưởng bởi văn hóa của các dân tộc Á Đông, hoặc cũng có thể do từ tín ngưỡng địa phương thâm thấu vào. Điều đó cũng chưa hẳn nằm trong tư tưởng Phật giáo để đạt tới một trình độ cao hơn. Song Mật Giáo một khi đã

thừa nhận tín ngưỡng bình dân rồi, đối với con người, tới một giai đoạn nào đó phải nhìn về khía cạnh tồn tại lâu dài để thăng tiến cứu cánh vẫn là lập trường hướng thượng làm phương châm dẫn đạo. Chẳng hạn như những việc lợi ích thông thường có mục đích dựa vào tín ngưỡng, cũng như mục tiêu sau cùng là mong đạt đến sự tự giác và mở rộng tinh thần lợi tha vào mọi hoạt động xã hội, là hướng đi lên mà tông Chân Ngôn chủ trương. Về điểm này, nếu đem so sánh giữa dục vọng của con người với điều lợi ích của tôn giáo, dĩ nhiên đều đã có một đường lối nhất định.

Ngài Không Hải đương thời muốn duy trì tính chất bao hàm của Mật Giáo, và có thêm vào một phần tư tưởng đã được chuẩn bị sẵn sàng. Đối với tín ngưỡng bình dân tại Trung Quốc, Ấn Độ, Ngài đã đem truyền sang cho các phái Phật Giáo tại Nhật Bản thừa nhận cái giá trị đích thực. Theo lập trường của Chân Ngôn, đặt ở vị trí tất định, qua 10 giai đoạn do hệ tư tưởng này chi phối. Cuối cùng, Mật Giáo chủ động trong việc kiện toàn lại toàn bộ Phật Giáo và sắp đặt lại có hệ thống hẳn hoi. Việc kiện toàn này là một trong những tác phẩm của Ngài, luận về 10 chỗ trụ tâm (Thập trụ tâm luận). Trong mỗi phần luận đều có thuyết minh về “Bí Tàng Bảo Dược” (Hizohoyaku (phương thần dược bí ẩn)).

Về mặt tư tưởng, Mật Giáo cho rằng thế giới này tồn tại gồm hai phần là sinh vật và vô sinh vật. Vì thế, tất cả lễ nghi, tư tưởng, tập quán v.v. là một điều hiển nhiên không thể nào phủ nhận. Dục vọng của con người khó mà nhận biết hết được. Về bản chất của dục vọng, nếu nhìn theo con mắt của tôn giáo, chúng có thiên hình vạn trạng và tồn tại trong mọi chiều hướng.

Trong Phật giáo có hai phần là Hiền Giáo và Mật Giáo mà ưu điểm của Mật giáo là chủ trương “Luận Hiền, Mật hai bên” (Biên Hiền, Mật nhi giáo luận). Theo đó mà suy luận, thì tông Chân Ngôn trên căn bản nhắm tới mục đích tối hậu là vượt lên khỏi tư tưởng của Hiền giáo, cũng như đem so với kinh điển thì Mật giáo đã có sự bao hàm tất cả. Quan trọng hơn hết có sự sai biệt giữa Hiền và Mật ở chỗ là trình độ tự giác nơi mỗi người sâu cạn khác nhau. Hiểu một cách tổng quát thì kinh điển của Hiền giáo nhắm tới chiều sâu; còn ngài Không Hải chủ trương thì ngoài ý nghĩa sâu xa, còn thể hiện cả tính chất bí mật nữa, và chính những điểm này, như ta đã thấy, đều nằm trong kinh điển Mật giáo.

Theo ngài Không Hải, Mật giáo khác với Hiển giáo ở nhiều điểm mà điểm nổi bật hơn cả là tư tưởng tức thân thành Phật và pháp thân thuyết pháp. Gọi là pháp thân, tức là đề cập tới chân lý do thân Phật biến hóa ra. Theo Mật giáo, Phật thân do Đại Nhứt Như Lai biến hóa ra để nói pháp. Vĩ lại, Phật giáo mãi cho đến nay, nếu đem so sánh với sự vật thì Đức Phật đã thành Phật từ lâu mà muốn đạt được phải đòi hỏi thời gian hay phương pháp thể hiện đúng lập trường của các Ngài.

Đối với Hiển giáo, muốn thành Phật phải mất một thời gian lâu dài; còn việc thực hành cũng phải nghiêm chỉnh là lẽ thường. Song theo ngài Không Hải, con người với cái nhìn về Mật giáo bằng con mắt khách quan thì ở đời, phiền não ở ngay trong thân xác này, một khi diệt hết phiền não, tức có thể thành Phật ngay.

Tư tưởng “Tức Thân thành Phật” là điểm rất đặc biệt của tông Chân Ngôn. Để đạt được mục tiêu đó, hành giả phải thể nghiệm ở ngay chính đời sống thực tiễn của tôn giáo. Người thực hành theo Mật giáo phải vận dụng cả ba yếu tố: thân thể, ngôn ngữ và tâm niệm mà Đại Nhứt Như Lai chính là sự đồng nhất ấy để cho sự thể nghiệm tôn giáo được chắc chắn hơn. Nhưng để đạt tới cùng một thể với Đại Nhứt Như Lai, tay phải bắt ấn, miệng niệm chú Đà La Ni, tâm nghĩ tưởng Đại Nhứt Như Lai. Trong lúc hành trì cả ba (tam mật) đạt tới chỗ hiển hiện Phật, Bồ Tát và Minh Vương.

Thực hành “Tam Mật” cần có sự nghiêm trì, nhờ đó được sự gia hộ của đức Đại Nhứt Như Lai. Với ý nghĩa đó, việc thực hành theo Chân Ngôn có khác với “lực ngoại tại” của giáo phái Tịnh Độ, cũng như có khác với sự tự lực của phái Thiền. Chính tự hành giả phải thực hành Tam Mật để phát sanh ra công đức, và cũng nhờ vào sự gia hộ của đức Đại Nhứt Như Lai, để đồng thời đạt được mục đích thành Phật và đó cũng chính là khả năng của tư tưởng “tức thân thành Phật”. Ngài Không Hải đề xướng ra như thế, đã ghi đậm nét trong giới tăng sĩ thời kỳ Nara để giữ gìn mối liên hệ chắc chắn, và chính các vị trụ trì những ngôi chùa: Đông Đại tự, Đại An và ngay cả chùa Hưng Phước với hội Kỳ Nguyên cũng đều thực hành theo và cả đến phái cựu Mật giáo biến thể cũng đã luận về tư tưởng này rất nhiều.

Trong sự nghiệp của ngài Không Hải, có một điểm không thể nào phai mờ là chú tâm tới các hoạt động xã hội. Tại Nhật, buổi đầu trong hệ thống giáo dục, dân chúng cũng đã có trường huấn nghệ tổng hợp, gọi là “học viện huấn nghệ” (Shugei-shu-chi-in), môn

sử thế giới cũng có đề ra và đã được bàn thảo rất kỹ càng. Ngài Không Hải cũng còn là mạng mạch cho triều đình. Ngài rất khéo tay trong kỹ nghệ đồ gỗ, đã tạo nên một thắng cảnh tại cố hương của Ngài, gọi là Mãn Nùng Trì (Manno-ike) đến nay vẫn còn.

Ngài chủ trương hoạt động xã hội là nhằm tới sự an lạc cho dân chúng, và làm thế nào không đi xa với lý tưởng. Còn đi sát vào thực tế của xã hội, đối với tất cả chúng sanh phải mở rộng lòng yêu thương vô hạn về cả hai mặt: vật chất và tinh thần để cứu độ, tức là đã thực hành theo phương tiện của trí tuệ Phật. Đó là giá trị rất cao thượng trong tư tưởng Mật giáo đã thể hiện rõ rệt.

Trong lịch sử Nhật Bản thời kỳ Kamakura, các ngài Shunjyo, Eison, Ninsei mở đầu các công tác xã hội và mãi cho tới nay còn có nhiều tăng sĩ đang thực hiện công tác này một cách hăng say. Tưởng cũng cần nói thêm rằng, tông Chân Ngôn với sự liên hệ sâu xa giữa cuộc sống, hẳn không thể nào cho rằng việc làm xã hội chỉ là việc ngẫu nhiên.

KẾT LUẬN

Chân Ngôn có thể nói là một tông phái luận về chiều rộng cũng rất rộng; xét về chiều sâu cũng thật sâu vô cùng. Người thực hành theo Chân Ngôn, từ lúc bắt đầu cho tới khi thuần thục, phải trải qua các giai đoạn hành trì đều được chuẩn bị sẵn trước.

Tâm nguyện và khả năng của hạnh giả là muốn giải thoát cho bản thân và cứu giúp tha nhân và đó cũng là niềm mong ước hết sức thông thường trong hiện tại. Các phép thần bí và nhiệm màu của nghi lễ tôn giáo, mãi về sau trong Đại thừa Phật giáo có tư tưởng “tẩy luyện” cũng đang còn rất huyền bí. Các ngôi chùa của tông Chân Ngôn đều giữ tính chất đặc biệt, nhất là việc lễ bái rất phức tạp. Có lẽ phức tạp hơn cả là việc đọc thần chú để nhờ một cơ duyên nào đó phát tâm Bồ Đề và tay bắt ấn để đạt sự linh diệu? Trong vấn đề lễ bái đã có sự thống nhất, còn về nguyên lý và mục tiêu là một điểm khó đạt được, nhưng nhờ vào sức bao dung và tích cực trong lý tưởng, nhất là sự tôn trọng cá nhân trong các hoạt động xã hội, là điểm đặc biệt của tông Chân Ngôn.

Sau cùng, tông Chân Ngôn với các đặc điểm trên, thật quả xứng đáng được tồn tại để thêm phần hào hứng cho thời đại. Vì thời đại như con bệnh của xã hội; còn phương pháp trị bệnh có hiệu quả hay không đều tùy thuộc vào những kế hoạch tốt được ứng dụng.

TÔNG TỊNH ĐỘ

TỔ KHAI SÁNG

Cách đây khoảng 800 năm, vào đời Thừa An năm thứ 5 (1175) Ngài Pháp Nhiên (Honen: 1133-1212), đạo hiệu là Nguyên Không, sáng lập tông Tịnh Độ. Ngài người huyện Cương Sơn (Okayama-ken), quận Cữu Mễ. Năm lên 9 tuổi cha mất Ngài phát tâm tu hành tại núi Tỳ Duệ. Đến năm 43 tuổi Ngài muốn phổ biến pháp môn Niệm Phật, nên hạ sơn đến Kyoto để thuyết giảng đạo lý. Ngài bắt đầu thành lập tông Tịnh Độ từ đó. Ngài độ được rất đông đệ tử; chẳng bao lâu tông Niệm Phật phát triển lớn mạnh, nên cả hai phái Phật giáo núi Tỳ Duệ và vùng Nara không mấy có thiện cảm, đã mua chuộc Ngài rồi tìm mọi cách để chèn ép. Ngài chủ trương, người Niệm Phật phải phát khởi niềm tin vào sự cứu độ của Phật. Dù đạo đức kém đến đâu, nếu biết niệm Phật cho đến khi thuần thục, tội chướng đều tiêu trừ. Ngài chủ trương: ngừng câu niệm Phật, không thể đoạn trừ được tội chướng đối với tăng sĩ kém đạo đức, và đó cũng chính là tội báo mà Ngài đã đề cập đến trên đây.

Ngài có mỗi một tội là hứa trở lại Kyoto nhưng lại hủy bỏ lời hứa, cuối cùng vào năm Kiến Lịch năm đầu (1211) lại trở về nơi **THẢO AM** tại Yoshimizu (Kiết Thủy), và đến ngày 25 tháng giêng năm 1212, Ngài tịch tại đó, thọ được 80 tuổi. Ngôi chùa mang tên Viện Tri Ân đến nay vẫn còn tại đó.

ĐỨC PHẬT CHÍNH VÀ KINH ĐIỂN

Tông Tịnh Độ thờ đức Phật A Di Đà, hai bên tượng Phật A Di Đà, còn có hai vị Bồ Tát là Quan Âm và Thế Chí cũng được thờ chung gọi là Tam Tôn.

Tông Tịnh Độ phổ cập được ở khắp mọi nơi. Tông chủ trương trì tụng ba bộ kinh: Phật thuyết Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà. Kinh Vô Lượng Thọ thuyết minh nguyên do bốn nguyện của đức Phật A Di Đà. Kinh Quán Vô Lượng Thọ thuyết về bi kịch tại thành Vương Xá, qua sự tích con vua A Xà Thế là bà Vi Đề Hy bị phế vị. Trong lúc buồn khổ đó, bà tới nghe đức Thế Tôn thuyết pháp và muốn phát nguyện sanh về cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà. Đây là thể kinh theo lối vấn đáp. Đức Thế Tôn thuyết minh rõ về cách quan sát cảnh giới Cực Lạc, và những nghi vấn mà bà Vi Đề Hy đã nêu ra là, nếu người không tập trung được tinh thần thì làm sao vãng sanh Cực Lạc được? Phật trả lời nên tin sâu vào lời nguyện của đức Phật A Di Đà và thành tâm niệm: Nam Mô A Di Đà Phật, chắc chắn sẽ được vãng sanh Cực Lạc. Do đó, Ngài chỉ dạy phương pháp duy nhất, Niệm Phật. Kinh A Di Đà là bộ kinh ngắn nhất phân ra làm hai phần: phần đầu thuyết minh cảnh trí cực kỳ trang nghiêm đẹp đẽ của cõi Cực Lạc. Hành giả muốn sanh về cõi đó phải chí tâm niệm Phật, từ một đến 7 ngày cho được nhất tâm; phần sau thuyết minh: chư Phật ở 6 phương đều chứng minh rằng người nào chuyên tâm trong việc niệm Phật, đều được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Điều đó chắc chắn nhất định.

Ngoài ba bộ kinh ấy, Ngài Thế Thân (người Ấn Độ) còn làm ra bộ “Vãng Sanh luận” (phần kệ phát nguyện của Ưu Bà Đề Xá trong kinh Vô Lượng Thọ) trong đó cả ba bộ kinh đều được sử dụng cho việc luận giải này. Trong phần lý luận cũng có giải thích rõ cõi Cực Lạc. Vì thế, ngài Pháp Nhiên cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều về tư tưởng này.

LỊCH SỬ

Trong số đệ tử ngài Pháp Nhiên, có ngài Thánh Quang Phòng Biện Trường (1162-1238) truyền bá tông Tịnh Độ tại vùng Cữu Châu (Kyushu) và lập ra phái Trân Tây; phái này trở thành phái chính của tông Tịnh Độ ngày nay. Ngài là tổ thứ 2 của tông Tịnh Độ, người kế truyền là ngài Lương Trung (Ryuchu: 1199-1287) sáng lập chùa Quang Minh ở Kamakura, là tổ thứ ba.

Việc trước thuật của hai Ngài sau này đối với tông Tịnh Độ, rất đáng kể. Mặt khác, đệ tử ngài Pháp Nhiên là ngài Chứng Không có lập ra một phái gọi là Tây Sơn, và đồng thời Ngài là sơ tổ của phái Tịnh Độ Tây Sơn ngày nay. Sau có ngài Thân Loan (Shinran: 1173-1262) lại ra sức xiển dương tông Tịnh Độ tại vùng Bắc Lục rồi tới vùng Quảng Đông (Tokyo). Cuối cùng Ngài trở lại Kyoto để hoạt động, mãi tới nay còn lưu truyền lại phái Tịnh Độ Chân Tông. Sau ngài Lương Trung, tông Tịnh Độ bị suy tàn một thời gian, cho tới tổ thứ 7 là ngài Thánh Nghệ (Shogei: 1341-1420) mới phục hưng tông phái trở lại. Ngài là vị Tổ được nhiều người ngưỡng mộ trong thời kỳ trung hưng (thế kỷ 15). Về sau, vào thời Mạc Phủ Đức Xuyên quy y theo Phật giáo, cho nên vào thời kỳ Edo (thế kỷ 17) có nhiều ngôi chùa đã mở rộng cho việc nghiên cứu và đào tạo Tăng tài, nhờ đó tông Tịnh Độ đã phát triển lớn mạnh.

Thời cận đại, ngài Lương Kỳ Biện Minh (Ryoki-Benmei: 1859-1920) lập ra hội Quang Minh. Ngài Trung Vỹ Biên Khuông (Chio-Benku: 1876-1971) lập hội Cộng Sanh và có thể nói đây là một cuộc vận động rất tích cực trong việc hoằng pháp lợi sanh.

GIÁO THUYẾT

Tịnh Độ tông y cứ vào lời dạy của đức Phật A Di Đà có phát 48 lời nguyện, nguyện cứu độ chúng sanh nào thành tâm niệm: Nam Mô A Di Đà Phật. Nhờ đó cho dù có tội căn sâu dày cũng được cứu độ.

Hiện tại, mỗi ngày ta giữ tâm trong sáng, sẽ đạt đến chân hạnh phúc và sau khi chết có thể được vãng sanh về cõi Tịnh Độ. Lời dạy ấy, chính ngài Pháp Nhiên, năm 43 tuổi đã đọc được trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Sở của đại sư Thiện Đạo, đời Đường (618-907). Việc nhất tâm chuyên niệm đức Phật A Di Đà trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, đều giữ câu niệm Phật không rời, thì nghiệp lực sẽ chuyển trong chánh định, chắc chắn “nguyện của Phật và của hành giả sẽ ứng hợp nhau. Đó là những lời nguyện thâm thiết, dù hành giả có thiếu sáng suốt đi chăng nữa, một khi đã tin sâu vào lời nguyện của đức Phật A Di Đà, liền niệm Nam Mô A Di Đà Phật, ngoài ra không nghĩ gì khác, chính lúc đó ta cũng đã có sự tự giác rồi. Căn cứ vào những lời nguyện đó, ngài Pháp Nhiên mỗi ngày đều không quên câu niệm Phật, nên sau khi rời khỏi núi Tỳ Duệ đến Kyoto, Ngài cũng dạy phương pháp niệm Phật ấy. Sự giáo huấn của Ngài, một phần do chiến tranh liên tục, người tin ở vào thời kỳ mạt pháp và hầu hết đều là giới bình dân, nên rất phù hợp với phương pháp ấy trong khi thực hành đều không có sự cách biệt. Sự giáo huấn ấy đặt trên căn bản, theo những điều trước thuật của Ngài trong “Tuyển trạch bốn nguyện niệm Phật tập” đều chỉ dạy đầy đủ rõ ràng. Ngoài ra, Ngài còn đề cập đến pháp môn niệm Phật trong tập di chúc “Nhất mai khai thỉnh văn” (Ichimai Kosho bun).

Có thể nói người đời cần phải bỏ mọi tạp niệm, chuyên nghĩ tới sự cứu độ của đức Phật, cũng như phải tin vào tha lực, bằng cách niệm Nam Mô A Di Đà Phật, sẽ được thành công như ý nguyện. Ngoài ra, tông Tịnh Độ cũng còn dạy rằng, nhờ vào tha lực là cách để thực hành, nên tin sâu vào sự cứu độ của đức Phật A Di Đà do lời thệ nguyện của Ngài. Nếu người nào niệm thành tâm, thân tâm được an ổn trong lúc làm việc, cũng như hiện đời được thư thái, nhẹ nhàng. Bất cứ lúc nào ta cũng vừa niệm Phật, vừa nghĩ đến cuộc đời vô thường hữu hạn, chung cục sẽ được bình yên; sau khi chết sẽ được vãng sanh về cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà. Đó là ta biết nghĩ đến điều lợi ích thiết thực cho đời này và đời sau.

VIỆC DUY TRÌ

Sau thế chiến thứ hai, vào năm Chiêu Hòa (Sowa) thứ 21 (1946), tông Tịnh Độ còn chia ra một phái biệt lập nữa là Hắc Cốc Tịnh Độ mà ngôi chùa chính là Kim Giới Quang Minh tự. Năm Chiêu Hòa 22 lại còn có sự tách biệt hẳn giữa tông Tịnh Độ thuộc phái Xã Thế với ngôi chùa chính là Viện Nhất Tâm lại chia thêm một phái riêng nữa. Mãi đến năm Chiêu Hòa 37, giữa tông Tịnh Độ và Tịnh Độ Chân tông hợp nhất trở lại thành một. Viện Tri Ân được dùng làm trụ sở chính, còn các ngôi chùa khác như Tăng Thượng, Bách Vân Biển Tri Ân viện, Thanh Tịnh Hoa viện, chùa Thiện Đạo, chùa Quang Minh và chùa Thiền Quang được xem như là những ngôi tổ đình tại địa phương. Chùa Liên Hoa thuộc huyện Shiga cũng xem như là một tổ đình.

Về số tự viện, có vào khoảng 7000 ngôi chùa, trong đó bao gồm luôn các trung tâm chính của tông phái. Riêng tại hải ngoại như Hoa Kỳ, Ba Tây v.v. đều có thiết lập đạo tràng để truyền bá chánh pháp. Cũng như tại đảo Okinawa có chùa Đãi Trung cũng đã được phục hưng trở lại. Trong toàn quốc chia thành 8 khu vực để cho công cuộc hoằng pháp được dễ dàng hữu hiệu. Trụ sở chính là Viện Tri Ân đã tận lực vận động, gần 3000 ngôi chùa đều tích cực tham gia vào cuộc vận động phục hưng này. Ngoài ra, tông còn thành lập được nhiều Đại học và các trường Cao Đẳng khác, nhằm hướng tới việc giáo dục cho con em. Ở hầu hết các ngôi chùa đều có mở trường dạy cho trẻ em. Về mặt xã hội cũng hoạt động phát triển lớn mạnh đáng kể.

VIỆC PHÂN PHÁI

Sự giáo hóa của ngài Pháp Nhiên được nhiều đệ tử thừa hành, trong số đó cũng có ít nhiều sai biệt tại các địa phương trong việc truyền giáo. Trong số này có ngài Chứng Không với phái Tây Sơn, lại chia ra nhiều phái khác nữa. Đến đời các ngài: Thánh Đạt, Nhất Biển đều tiếp tục công cuộc thừa truyền, song lại gọi là Thời Tông.

Ngoài các Ngài ra, còn có sự hoạt động biệt lập của ngài Chứng Nhập với phái Đông Sơn; ngài Chứng Huệ với phái Tha Nga, ngài Du Quán với phái Bản Sơn và đệ tử ngài Tịnh Âm là Liễu Âm với phái Lục Giác, cùng với hai đệ tử khác nữa là Quán Trí với phái Tây Cốc và ngài Lập Tín với phái Thâm Thảo. Vào đời Minh Trị năm thứ 9 (1876) hai phái vừa kể trên nhập chung làm một gọi là phái Tây Sơn. Đến năm Đại Chánh (Taisho) năm thứ 8 (1919) các phái thuộc chùa Quang Minh, Thiên Lâm và Thâm Thảo lại tách biệt hẳn, nhưng đến năm Chiêu Hòa thứ 16 (1941) cả ba phái trên hợp lại thành một gọi là phái Tây Sơn. Song mãi cho tới nay, cũng còn có sự phân chia, như phái Tây Sơn với ngôi chùa Quang Minh (Kyoto). Phái Tây Sơn với chùa Thiên Lâm và đồng thời cũng là ngôi tổ đình Thiên Lâm; còn phái Thâm Thảo Tây Sơn với ngôi tổ đình là chùa Thệ Nguyên cũng tại Kyoto.

Các phái trên có vào khoảng 1300 ngôi chùa, trong đó bao gồm những trung tâm chính.

THỜI TÔNG

Thời Tông do ngài Nhứt Biến Trí Chân (1239-1289) khai sáng căn cứ vào lời nguyện của đức Phật A Di Đà chỉ dạy phương pháp niệm Phật là Nam Mô A Di Đà Phật. Mỗi người chuyên niệm Nam Mô A Di Đà Phật cho đến khi được nhất tâm, thì ở ngay trong thế giới này cũng đã có nhân duyên được đức Phật A Di Đà, cùng với chư Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ, sau khi lâm chung. Vì thế, Thời Tông khuyến hành giả chí thành niệm Phật để được vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc.

Đức Phật chính là Phật A Di Đà và Tổ khai sáng, Ngài Nhứt Biến đã chỉ dạy việc trì niệm danh hiệu Phật một cách cụ thể. Ngài cũng đã tận lực khuyến khích việc niệm Phật bằng cách đi khắp đó đây. Khắp trong toàn quốc, nơi nào Ngài cũng đặt chân đến và mỗi người đều được phân phát thẻ tre dùng vào việc niệm Phật, hầu tiến dần lên những giai đoạn cao hơn. Truyền thống này được kế thừa với ngài Du Hành Thượng Nhon (Yukyo-Jyonin) và mãi còn liên tục tồn tại cho tới ngày nay.

Một đặc điểm nổi bật của tông này là việc kinh hành niệm Phật (vừa đi nhiễu quanh tượng Phật vừa niệm danh hiệu). Kẻ phàm phu do vô minh làm mờ tối linh thức, nhờ câu niệm Phật tìm được niềm vui an ổn. Do đó, tại các nơi, mỗi năm đến mùa lễ Vu Lan, điệu múa Kinh Hành Niệm Phật (Odori Nembutsu) được lưu diễn.

Ngài Nhất Biến theo học với các ngài Hoa Đài và Thành Đạt, môn hạ phái Tây Sơn thuộc tông Tịnh Độ. Niên hiệu Văn Vĩnh năm thứ 11 (1274) ngay trong hoàng cung Kumano và sau khi ngộ được nghĩa thâm huyền của phương pháp niệm Phật trong suốt 16 năm. Ngài chuyên phân phát thẻ niệm Phật, dấu chân hồng hóa của Ngài in khắp nơi trong toàn quốc. Năm Minh Trị 19 (1886) có thiết lễ truy niệm 600 năm ngày Ngài tịch rất trọng thể. Sau đệ tử Ngài kế tục duy trì và làm cho tông môn có niềm tin vững chắc. Mãi đến đời Thất Minh Mạc Phủ, Thời Tông phát triển rất mạnh, nhưng đến thời kỳ chiến tranh, việc đi lại trong nước gặp nhiều khó khăn, các tầng lớp võ sĩ đạo đều bị diệt, và tôn giáo vì thế cũng bị đình đốn.

Thời kỳ Đức Xuyên (1600-1866), ngài Pháp Chủ của tông đã đi đến khắp nơi trong toàn quốc để kêu gọi phục hưng tông phái và khuyến khích pháp môn niệm Phật. Ngài Du Hành Thượng Nhân thuộc giới bình dân thấu triệt được lý đạo của bốn sư được lên kế thừa. Từ thời kỳ Minh Trị trở đi (thế kỷ 17-19) Thời Tông cũng không phát triển được mấy. Căn cứ vào ba bộ kinh chính yếu của tông Tịnh Độ, thì phần cốt tủy chính là kinh A Di Đà. Trụ sở chính của tông hiện nay là chùa Thanh Tịnh Quang tại Fujisawa. Các chùa trong toàn quốc có vào khoảng 415 ngôi, kể cả các ngôi chùa đã bị thiêu hủy trong thời kỳ phân chia các phái đời Đức Xuyên (Tokugawa). Từ tổ Nhất Biến truyền đến ngài Du Hành, pháp mạch tồn tại liên tục. Ngoài ra, việc giáo dục đào tạo Tăng Tín đồ tại các tự viện cũng được đặc biệt lưu tâm.

Năm Chiêu Hòa 50 (1975) có thiết lễ kỷ niệm lần thứ 700 của Thời Tông rất trọng thể. Các vị kế thừa tông môn là ngài Hiển Chương và Tông Nghĩa đều ra sức xiển dương giáo nghĩa một cách đặc lực.

TÔNG DUNG THÔNG NIỆM PHẬT

Một chi nhánh của tông Tịnh Độ đang lưu hành là tông Dung Thông Niệm Phật. Tông này trên danh nghĩa cũng đã thể hiện rõ được tông yếu là việc niệm Phật của một người và của nhiều người đều hỗ tương với nhau trong sự dung thông. Cái “Một” đơn độc, hẳn không thể nào tồn tại được, nếu không có sự hỗ tương giữa “nhân” và “duyên” liên hệ chặt chẽ với nhau mà thành.

Nếu đem cái “Một” ấy phân tích, ta sẽ thấy “tất cả” đều bao hàm trong đó. Ngược lại, trong cái toàn thể cũng có cái “Một” vậy. Cho nên công đức của một người niệm Phật, và của nhiều người niệm Phật đều có tác dụng riêng. Vì công đức của nhiều người niệm Phật, so với của một người đều có sự khác biệt nhau. Điều đó không những chỉ có việc niệm Phật mà còn phải kể cả hành vi thiện của cái “một” ấy nữa. Có ý nói rằng trong ấy đã có sự dung thông với những hành vi thiện khác. Vì lẽ, hành vi thiện của một người, cũng chính là hành vi thiện của tất cả, trong ý nghĩa dung thông này vậy. Thật vậy, hành vi thiện của một người và của một vạn người đều được dung thông, theo một lực vô hình rộng lớn. Đây quả là một cách dạy pháp môn niệm Phật đầy đủ và phổ cập đến khắp mọi nơi.

Tổ khai sáng là ngài Lương Nhãn (Byonin: 1072-1132), vào niên hiệu Vĩnh Cửu (Eikyu) thứ 5 (1117) tại Obara (Đại Nguyên) -Kyoto-, đã ngộ được pháp môn niệm Phật qua danh hiệu của đức Phật A Di Đà, Ngài có xuất một bài kệ văn cho việc khai tông như sau:

Một người là tất cả
Tất cả chỉ là MỘT.
Một hạnh là tất cả,
tất cả là MỘT HẠNH,
Nhờ tha lực được vãng sanh,
Mười cõi một niệm đều dung thông.
Niệm niệm đến một triệu lần,
Công đức viên mãn thập phần.

Đức Phật được tôn thờ là hình họa “Thập nhưt tôn Thiên Đắc Như Lai” mà ngài Lương Nhãn đề cập tới trong bài kệ trên lúc truyền pháp, và đồng thời cũng do đức Phật A Di Đà truyền trao bức họa ấy. Chính đức Phật A Di Đà là trọng tâm của hàng Bồ Tát, bao gồm trong 10 loài khác nhau: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, người, Trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật gọi chung là 10 cõi. Trong một niệm cũng có thể đã bao hàm được tất cả 10 cõi. Vì “thập giới” có trong một niệm, nên miệng xưng danh hiệu Phật, công đức ấy chu biến khắp cả vũ trụ. Đồng thời, toàn thể vũ trụ, cũng có trong công đức của một người niệm Phật. Việc niệm Phật vì thế, công đức thật vô lượng vô biên, hoàn bị cho việc thành Phật, phải nhờ tha lực mới vãng sanh được.

Ngài Lương Nhãn chỉ dạy: một người cho đến một vạn người, nếu quyết tâm niệm Phật, đều cần phải có một cuốn sổ khuyến tu, ghi đầy đủ danh tánh người hành trì, và Ngài cũng còn nhấn mạnh là công đức của một người cũng là của tất cả. Ngay trong hiện tại, cách thức ghi chép vào sổ khuyến tu là để cho được rõ ràng và khỏi có sự lầm lẫn mà thôi.

Về kinh điển, tông Dung Thông Niệm Phật y cứ vào những bộ kinh như: Hoa Nghiêm, Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Phạm Võng. Chính ngài Lương Nhãn đã học được pháp “Gyozan Ryushomyo” (Ngự Sơn lưu Thanh Minh) ngay tại núi Tỳ Duệ, do tổ Thanh Minh Nghiệp Trung Hưng chỉ dạy.

Vào niên hiệu Nguyên Trị năm đầu (1124), Ngài rời khỏi Kyoto vào tận cung vua mở ra hội Niệm Phật, độ cho Thiên Hoàng Điều Vũ thọ giới quy y. Sau đó dấu chân hoàng húa của Ngài đặt đến khắp nơi trong toàn quốc, để khuyến khích việc niệm Phật. Sau khi tịch 640 năm (1772) Ngài được Thiên Hoàng

Đào Viện sắc phong đạo hiệu là Thánh Ứng Đại Sư. Đời thứ 6 là Ngài Lương Tấn, và kế tiếp, tông môn duy trì được chừng 140 năm là dứt. Vào niên hiệu Nguyên Hưởng năm thứ nhất (1321) có ngài Pháp Minh Lương Tôn tìm cách phục hưng tông phái trở lại, nhưng mãi đến thời đại Nguyên Lộc (thế kỷ 17) có ngài Đại Thông Dung Quán (1649-1716) phục hưng trở lại pháp mạch. Trở lên là ba vị được tôn sùng như 3 bậc Tổ của tông.

Hiện nay tại Osaka, chùa Đại Niệm Phật là tổ đình và đồng thời cũng là trụ sở chính của tông phái nữa. Ngoài ra, còn vào khoản 357 ngôi chùa khác được sử dụng vào công cuộc hoằng pháp. Mỗi năm vào hai tiết xuân, thu có tổ chức linh đình rước lễ Gokaizai (Ngự Hồi Tại) hình tượng đức Thiên Đắc Như Lai tại Tổ đình. Vào dịp này, tại các tự viện và tư gia đều có tổ chức hành lễ tưởng niệm. Ngoài ra, về mặt an sinh xã hội cũng được xem như những hoạt động cần thiết.



Tượng Phật Thích Ca Đản sanh thờ
tại chùa Đông Đại Tự Nara-Kyoto-
Nhật Bản

TỊNH ĐỘ CHÂN TÔNG

TỔ KHAI SÁNG:

Ngài Thân Loan (Shinran: 1173-1262) là Tổ khai sáng Tịnh Độ Chân tông, nhưng cách gọi như thế e không được đúng với bản nguyện của Ngài, vì chính Ngài không có ý định trở thành là Tổ khai sáng một tông phái. Đúng hơn, Ngài chỉ là người mở đường cho Chân Tông có lẽ thích hợp hơn. Điều này chính ngài Thân Loan cũng xác nhận là không thấu nhận đệ tử. Ngài căn cứ vào những lời dạy của đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni, theo đúng truyền thống Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa cũng như Nhật Bản để làm sáng giá cho Phật Giáo.

Ngài sanh trưởng trong một gia đình quyền thế thuộc dòng dõi Fujibara (Đẳng Nguyên), hệ phả Hinokei (Nhật Giả gia). Ngài xuất gia năm lên 9 tuổi và tu hành tại núi Tỷ Duệ. Nhưng tại đó Ngài vẫn cảm thấy còn nhiều nghi vấn chưa được giải đáp thỏa đáng. Năm lên 29 tuổi, Ngài tự ý rời khỏi núi Tỷ Duệ và trong khoảng thời gian đó được xem như một chuyển biến quan trọng nhất trong đời tu hành của Ngài.

Trước hết, lúc rời khỏi núi, Ngài đến vùng Yoshimizu (Kiết Thủy) thuộc Kyoto thuyết pháp môn niệm Phật và cũng chính tại đó, Ngài đã gặp được ngài Pháp Nhiên. Từ đó trở đi sự hình thành của giáo đoàn niệm Phật bắt đầu, đã khiến cho nhiều người trong cựu giáo đoàn không mấy có cảm tình, nên tìm cách gây áp lực, ngăn cản người niệm Phật Ngài Pháp Nhiên (Honen: 1133-

1212) phải lánh sang vùng Dosaku (Thổ Tá); còn ngài Thân Loan thì lưu lạc đến vùng Ichigo (Việt Hậu). Một thời gian sau, tình sự đê viễn cách ngăn. Ngài Thân Loan khi lưu lạc tại Ichigo đã thay đổi cách sinh hoạt một cách quan trọng đáng kể. Đó là việc Ngài kết hôn với ni cô Huệ Tín, tạo lập nếp sống gia đình và sinh con đẻ cái. Chính trong giới Phật Giáo lúc bấy giờ cũng chưa hề nghĩ tới việc cải cách như vậy có thể thực hiện được, vì quá đột ngột, mới mẽ. Song ngài Thân Loan vẫn bạo dạn vượt qua tất cả, đề xướng ra Phật giáo tại gia. Công việc được tiến hành trong thời gian 5 năm, và cũng chính trong thời gian đó thầy bổn sư Pháp Nhiên tạ thế. Ngài suy tính muốn trở về lại Kyoto. Tuy nhiên, năm 42 tuổi Ngài cùng với vợ con là Tín Liên di chuyển tới vùng Hitachi (Thượng Lục).

Lúc đó tại vùng Quảng Đông-Tokyo-là thời kỳ thuộc chính quyền Kamakura mới vừa thành lập. Giai cấp võ sĩ có thể lực mạnh chi phối tất cả, nên sinh hoạt của giới bình dân gặp rất nhiều khó khăn. Cũng chính tại đó, Ngài thực hiện được công cuộc truyền đạo một cách đáng kể. Lúc 52 tuổi, Ngài viết bộ “Giáo Hạnh Tín Chứng” (Kyogyo Shinsho) gồm 6 cuốn. Tín đồ Tịnh Độ Chân tông đều dựa vào bộ sách ấy để hành trì và tôn quý như kinh điển chính. Khi bộ sách hoàn thành được xem như ngày thành lập Chân Tông vậy.

Gót chân hoẵng hóa của Ngài tại vùng Quảng Đông ngót gần 25 năm, và rồi năm trên 60, Ngài mới trở lại Kyoto. Nhưng vào những năm cuối cùng của cuộc đời, Ngài không có được những chuỗi ngày thanh thản, bình an. Từ lúc 80 tuổi, Ngài còn phải lặn lội trải qua 5 năm tại vùng Quảng Đông, vì những người niệm Phật bị đàn áp, trong số có hai đệ tử là Tánh Tín Phòng và Chân Phật Phòng đều bị bắt đưa về vùng Kamakura. Việc này Ngài biết rõ, chính người con trai là Thiện Loan đã can dự vào, nên không nhìn nhận là con nữa. Đối với những sự tranh chấp giữa những người niệm Phật như thế, thỉnh thoảng Ngài có viết thư khuyên giải họ. Việc làm này mãi đến nay còn lưu lại trên 40 bức thơ liên hệ do chính Ngài viết.

ĐỨC PHẬT TÔN THỜ

Chân Tông thờ hình Đức Phật A Di Đà (bức họa hay tôn tượng) là vị Phật chính. Ngài Thân Loan cũng thường hay viết danh hiệu ấy cho các đệ tử thọ trì.

Danh hiệu đức Phật A Di Đà có ba hình thức khác nhau là: Nam Mô A Di Đà Phật gồm trong 6 chữ, Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai gồm 10 chữ và Nam Mô Bất khả tư nghì Quang Phật, 8 chữ. Nhưng danh hiệu 10 chữ và 8 chữ đã bao hàm danh hiệu 6 chữ, chúng ta chỉ nương vào sự cứu độ của đức Phật A Di Đà để thọ trì cũng đầy đủ vậy.

GIÁO LÝ

Phương pháp dạy đạo của ngài Thân Loan có phần khác biệt với lối thông thường, vì Ngài nhắm thẳng vào giới Phật tử tại gia hơn. Trong thâm tâm Ngài tự cho rằng không có gì khác biệt giữa Tăng và Tục cả. Điều này có thể suy ra được từ chữ Toku (trong chữ Gotoku: ngu ngốc) có ngay nơi tự tánh. Sự thật, ngay khi rời khỏi núi Tỷ Duệ, Ngài đã nghĩ tới giữa Tăng sĩ và người thế tục không còn có sự khác biệt nhau nữa. Bỏ nhà cửa, bỏ cả sự ham muốn, vượt qua mọi chướng duyên xuất gia vào trong núi sâu rừng thẳm chưa hẳn đã là Tăng. Dù chủ trương như thế, Ngài vẫn không rời xa Phật pháp. Con người sống ở đời chỉ có hai điều ham muốn là danh dự và cái lợi chi phối, phải đắm chìm trong bi thương oán hận. Trong sinh hoạt của nhân thế, không có sự thống khổ nào bằng, từ lúc mới sinh ra cho đến khi được bảo bọc lớn khôn, đầy đủ. Vì thế đức Phật dạy rằng con người phải tự tìm lấy một phương cách để sống trong sự chân thật.

Ngài Thân Loan đã hình thành được mấy điểm thật đặc sắc cho việc giáo huấn của Ngài. Sau đây là 5 điểm chính yếu:

1-PHẬT GIÁO TẠI GIA: Trong trường kỳ lịch sử Phật Giáo, Ngài Thân Loan chỉ mong làm sao để cụ thể hóa những công việc trọng đại này, một mình Ngài không thể nào làm nổi mà phải nhờ các nhà chuyên môn Phật học trợ lực, cũng như nhờ sự tiếp

tay của Thánh Đức Thái Tử (Shotoku Taishi: 574-622) qua bộ sách “Tam kinh nghĩa sở”, với một số ý niệm rõ ràng cho hàng Phật Tử hấp thụ được dễ dàng. Thánh Đức Thái Tử luận rằng, trong các sinh hoạt hàng ngày, đó chính là đạo Phật, và đó cũng là tinh thần nhập thế của Đại thừa Phật giáo. Nhờ tiếp dung được tư tưởng phóng khoáng này của Đại Thừa nên con người hiện hữu của ngài Thân Loan chính là con người thật như thế. Thường thường trong giới học Phật cứ nghĩ rằng, chỉ có người xuất gia mới là đệ tử chân chính của đức Phật, còn người tín đồ tại gia thua kém xa về nhiều mặt. Nhưng ngài Thân Loan lại cho rằng, xuất gia không những chỉ trên hình thức mà còn phải có tâm niệm xuất gia nữa mới là điều đáng quý. Ngài chủ trương con người chưa hẳn được cứu độ, vì bị phiền não che lấp bản tánh. Muốn được cứu độ phải thích ứng trong sự giáo huấn, và đó cũng chính là hạnh nguyện hay bổn nguyện của đức Phật A Di Đà. Như thế, ta không nên phân biệt giữa người xuất gia với người tại gia; cũng như người hiền và người ác, song chỉ có sự cứu độ bình đẳng nên ngài Thân Loan không đưa ra lập trường của kẻ chỉ đạo mà chỉ đưa vào bổn nguyện của đức Phật A Di Đà. Hành giả không cần biết đến thân thế, sự nghiệp làm gì mà chỉ nên tiếp xử với bằng hữu, với người đồng hành hay với tất cả mọi người trong bình đẳng chân chính.

Vượt ra ngoài phạm vi quốc gia, khu phố, thôn xóm, cần có sự hỗ trợ tương kính lẫn nhau trong tin yêu hòa hợp, nhất là làm thế nào cho tâm tự thể hiện được tinh thần hòa kính ấy.

2-NGUYỆN NHỜ THA LỰC: Phải nương vào nguyện lực của Phật A Di Đà cầu được độ thoát với ý niệm hướng thượng, không thể sai lầm được, ví như một vật từ dưới thấp được nâng lên cao. Đó không phải là con đường cao cả của sự cứu độ là gì? Tha lực ở đây xin đừng hiểu lầm là trông cậy hoàn toàn vào sự may rủi không đâu! Theo ngài Thân Loan, tha lực chính là hồi hướng nguyện lực như trong lời thệ nguyện của đức Phật A Di Đà mà hàng ngày đã thể hiện nơi ta. Tha lực ấy cũng chính là trí tuệ Phật, là lòng từ bi vô lượng tỏa rạng nơi ta, cho nên trong số chúng ta lúc đầu cần xác định rõ cái chủ thể chân thật, sau mới không có sự giao động, nhờ đó sự tự giác sẽ phát sinh.

3-LÒNG TIN LÀ YẾU TỐ CHÍNH: Như đã nói, muốn có được tự giác phải có lòng tin thật kiên cố như kim cương. Muốn thành Phật chúng ta phải so sánh công đức không thể nghĩ bàn của đức Phật A Di Đà đối với chúng sanh. Từ đó, chúng ta mới tin theo lời nguyện ấy được. Lòng tin là chất liệu cần thiết làm hành trang để đạt đến giác ngộ tối thượng.

Các tông phái Phật giáo đều chỉ dạy rằng, muốn thành tựu Phật quả, chúng ta không thể không lập hạnh nguyện sâu bền. Đối với nguyện lực này, ngài Pháp Nhiên đưa ra việc niệm Phật cầu được vãng sanh, dựa vào những lời nguyện của đức Phật A Di Đà làm minh chứng. Niệm Phật là xưng danh hiệu, niệm được nhiều chừng nào, kết quả sẽ tốt đẹp chừng ấy. Nhưng niệm Phật không phải chỉ có việc trì chú không thôi, cũng lại chưa hẳn miệng chỉ đếm niệm được một số danh hiệu Phật là đủ. Ngài Thân Loan phân tích rõ nội dung của việc niệm Phật như sau: niệm Phật là phải chọn danh hiệu Phật, phát lòng tin và xưng danh hiệu cho thật rõ ràng mới được. Đức Phật A Di Đà phát nguyện cứu độ chúng sanh, nên chỉ có công đức niệm Phật mới hồi hướng được như trong lời nguyện của đức Phật mà tiêu biểu nhất là “Nam Mô A Di Đà Phật”. Vì bị phiền não che lấp chân tâm, chúng ta không thể thấy rõ Phật tánh được. Đức Phật Thích Ca chỉ dạy ta cách xưng danh hiệu đức Phật A Di Đà để làm hiển lộ Phật tánh nơi mỗi người. Nếu niệm với sự thành tâm, chắc chắn sẽ được vãng sanh. Cái công đức trì danh niệm Phật ấy là của chính chúng ta, chứ không phải hoàn toàn do quyền năng của Phật. Vì thế, ngài Thân Loan chủ trương, niệm danh hiệu Phật A Di Đà là điều rất dễ hiểu. Danh hiệu Phật A Di Đà có thể niệm ở bất cứ nơi đâu, cũng như trong khi làm bất cứ công việc gì, trong sinh hoạt hàng ngày cũng đều niệm được cả; quý hồ là phải nhớ niệm luôn luôn để được gần gũi đức Phật. Điều đó chứng tỏ rằng cái giá trị thực tiễn của người Phật Tử tại gia lại càng cần thiết hơn nữa.

Lòng tin tưởng niệm danh hiệu Phật để trí tuệ Phật hiển lộ, vì việc tu hành của chúng ta là làm sao cho cái giá trị Phật tánh ấy được phát triển mãi. Căn cứ vào đó, ngài Thân Loan cho rằng nếu tin tưởng, chắc chắn sẽ được thành Phật, và ngoài ra không còn cần phải hướng tâm niệm cao thượng nào khác.

4-HIỆN TẠI KHÔNG LUI SỤT: Trở lên bên trên là xác định lòng tin. Khi muốn đạt đến sự giác ngộ tối thượng, thì ngay trong đời này phải phát lòng tin mãnh liệt. Ngài Thân Loan căn cứ vào lòng tin, nêu ra những việc lợi ích thiết thực ngay trong đời này, nếu con người muốn vượt lên cao hơn.

Tông Tịnh Độ chỉ dạy phương pháp cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc sau khi chết. Hành giả phải nương vào mục đích tối thượng này, chắc không thể sai lầm vậy. Trong bộ “Giáo Hạnh Tín Chứng”, Ngài Thân Loan nêu ra 10 điều lợi ích thiết thực ở ngay trong đời hiện tại. Chẳng hạn, muốn được sự cứu độ của Phật, chính ta phải phát lòng tin trong sáng để xác định là chủ thể đã có sự tự giác. Làm như vậy cũng chứng tỏ rằng có sự tiến triển được ghi nhận rất thực tiễn.

5-BÀI TRỪ MÊ TÍN: Như trên đã nói về sự lợi ích hiện tại có liên quan tới những điểm then chốt cần phải suy nghĩ. Vì thế ngài Thân Loan luôn nhấn mạnh tới những sự lợi ích ở ngay trong đời này. Vấn đề vật chất hay phước báu không do sự mong cầu Phật Thánh mà được. Do đó, Ngài cương quyết bài trừ mê tín và nhấn mạnh; nếu muốn cầu cho tai họa tiêu, phước báu đến hoàn toàn có sự sai lầm. Thậm chí đến những sự tin nhầm thần núi, thần sông, thân cây cỏ, ngày tốt xấu, coi bói, xem tướng, nói về vận mạng v.v. Ngài đều phủ nhận tất cả. Ở đời hễ khi nào điều bất hạnh xảy đến, con người lại tin vào Thần linh, bói toán. Nếu đạt được như nguyện, tức chuyển họa thành phước, sự mê tín lại càng trở nên mãnh liệt hơn. Nhưng ta quên rằng, điều đó đang phá hoại một phần lớn đời sống của ta thật tai hại vô cùng! Còn như đối với hạnh phúc, nếu cho rằng cầu nguyện Thần Thánh được sự ban phước, thì sự cố gắng của con người, cũng như vấn đề giáo dục trở thành không còn cần thiết nữa. Ngược lại nó càng làm cho con người trở nên đọa lạc trầm luân! Điều mà ai cũng nhận thấy rằng, sự mê tín làm cho con người không còn một lối thoát. Chính đó là lý do tại sao, ngài Thân Loan cương quyết bài trừ mê tín vậy.

Phật giáo dựa theo lý nhân duyên, và chính ta phải chịu trách nhiệm về những hành vi thiện ác của mình; cho dù có gặp

khó khổ cũng phải cố gắng vượt qua để chứng tỏ nỗ lực của mình. Chỉ có sự quyết tâm và nỗ lực ấy mới củng cố niềm tin thêm vững vàng mà thôi.

Khi nghe niệm Nam Mô A Di Đà Phật, ta phát khởi lòng tin, bao nhiêu chướng nạn mê lầm đều tiêu tan để đạt đến mục đích tối thượng là con đường giải thoát. Ngài Thân Loan tin rằng, con người có thể sanh về cõi Tịnh Độ chắc chắn; nên muốn báo ân Phật chỉ còn một cách hữu hiệu là niệm danh hiệu Phật cầu cho nhân loại hòa bình, cho những lời Phật dạy được truyền bá rộng rãi. Muốn được như vậy, cần đòi hỏi ở sự nỗ lực nơi mỗi chúng ta nhiều hơn.

VIỆC DUY TRÌ

Hiện tại Tịnh Độ tông chia thành các phái như: chùa Tây Bản Nguyên (Nishi Hongan-ji), phái Đại Cốc (Otani) thuộc Đông Bản Nguyên (Higashi Hongan-ji), phái chùa Phật Quang, phái Cao Điền, phái Mộc Biên, phái Hưng Chánh, phái Xuất Vân Lô, phái Sơn Nguyên, phái chùa Thành Chiêu và phái Ba Môn Đồ là 10 phái cả thảy. Đó là những ngôi chùa chính; ngoài ra, mỗi phái đều có các chùa chi nhánh làm trung tâm cho việc truyền bá Phật pháp. Chính ngài Thân Loan không có ý định lập thành một tông, nhưng sau khi Ngài tịch rồi, hàng môn đệ căn cứ vào những lời giáo huấn của Ngài lập thành một giáo đoàn nhằm tới sự phát triển lâu dài. Đến đời thứ 8 là ngài Liên Như, giáo đoàn cơ hồ bị suy thoái rõ rệt, nhưng Ngài đã nỗ lực trong cuộc vận động đó đây, đã đem lại phần nào sáng sủa hơn trước. Ngài còn lưu lại bộ “Ngự Văn Chương” (Gobunsho) là những bài thuyết giảng đạo lý thực tiễn, rõ ràng được phổ biến khắp trong toàn quốc, có ảnh hưởng rất sâu rộng trong quảng đại quần chúng.

Đến đời thứ 11 là ngài Hiền Như, hai phái Đông và Tây Bản Nguyên lại tách biệt hẳn ra cho tới nay. Trong mỗi phái như vậy còn có khoảng 10 ngàn ngôi chùa khác nhau. Nếu so với dân số Nhật Bản, tông Tịnh Độ chiếm một số tín đồ khá đông đảo vậy.

TÔNG LÂM TẾ (Linzai- Shu)

Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá là ba tông thuộc hệ phái Thiền Nhật Bản. Có thể nói được rằng từ thời kỳ Kamakura (Kiêm Thương: 1192-1333) đến đầu thời kỳ Edo (Giang Hộ, thế kỷ 17) có nhiều vị tăng sĩ người Trung Quốc đã đến Nhật, hợp tác cùng tăng sĩ người Nhật, song tông Lâm Tế hoàn toàn do tăng sĩ Nhật Bản sáng lập. Cũng như tông Tào Động do chính ngài Đạo Nguyên (Dogen: 1200-1253) khai sáng. Xét theo khía cạnh lịch sử và tông phái thì tông Tào Động mới thật sự thành hình do chính người bản xứ; còn nếu đem so sánh với tông Lâm Tế lại là một trong số 10 tông còn mang tính chất Thiền Phật giáo Trung Quốc mãi cho tới ngày nay. Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền (Linzai Gigen: ?--866) đời nhà Đường, là Tổ khai sáng tông Lâm Tế. Đến đời nhà Tống lại có thêm phần ngữ lục của các vị Thiền sư, cũng như việc đạt ngộ Thiền đều do từ hình thức công án vấn đáp mà người hành Thiền phải theo đúng phương pháp tu tập này.

Tông Hoàng Bá đã phát triển sớm hơn tại vùng Đại Lục trong khi đó tông Lâm Tế truyền đến Nhật chậm hơn, do ngài Ấn Nguyên Long Kỳ (Ingen Ryuki: 1592-1673) đưa tới, và cũng chính Ngài khai sáng tông Lâm Tế tại Nhật, vì thế trong những sinh hoạt Tăng viện hàng ngày đều rập theo phương thức của Trung Quốc rất nhiều.

LỊCH SỬ

Tổ khai sáng là ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền, sinh tại đất Tào Châu thuộc miền Nam Hoa (huyện Kinh Châu, tỉnh Sơn Đông), xuất gia tu học Phật lúc tuổi thanh niên, nhưng Ngài cảm thấy không thỏa mãn với phương pháp cố hữu. Sau Ngài tìm đến đất Giang Tây, theo học ngài Mã Tổ Đạo Nhứt. Ngài Mã Tổ truyền xuống cho ngài Bách Trượng Hoài Hải, cho đến đời ngài Hoàng Bá Hy Vận là ba đời tổ kế tiếp đã khai sáng ra Tân Phật Giáo. Tân Phật giáo y cứ vào chỗ “Giáo ngoại biệt truyền”, tức không dựa vào 3 tạng Thánh điển: kinh, luật, luận trong việc đạt ngộ mà chỉ y cứ vào nơi cái TÂM chư Phật đã nói ra để thành lập. Cái TÂM ấy chính ta phải thể nghiệm trực tiếp trong việc tu tập. Ngài Nghĩa Huyền đã thể nghiệm được Tâm ấy, đạt đến chỗ cứu cánh cũng phải mất 3 năm tu luyện tại đất Giang Tây, vẫn không đạt đến kết quả. Lúc đó Ngài phải thay đổi pháp tu và nói rằng, khi ta chưa ngộ, trong tâm và ngoài cảnh đều hoàn toàn còn đen tối; ngày tháng lưu chuyển không ngừng, bụng trống lòng lo biết lấy gì cầu đạt ngộ được đạo? Giáo pháp và việc tu hành dù đã hình thành, Ngài vẫn hoàn toàn cảm thấy chưa được thỏa mãn. Ngay lúc ấy Ngài liền nghĩ tới vị tiền bối có thể đến tham học được là ngài Hy Vận, liền đến vấn đạo. Ở cuối cuộc vấn đáp hóc búa, Ngài hốt nhiên đại ngộ. Đại ngộ có nghĩa là phá bỏ cái nghi ngờ trong tự thể, đạt tới cái bản lai diện mục của chính mình. Tông Lâm Tế lấy sự đạt ngộ của tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền làm phương châm dẫn dắt cho nhiều người tu thể nghiệm lấy chính mình. Thể nghiệm còn có nghĩa là do tự chính mình thực hành và như vậy, chắc chắn sẽ có sự mâu thuẫn với giáo pháp không ít vậy.

Ngài Nghĩa Huyền khi trở về cố hương có lập nên một trung tâm lấy tên là Viện Lâm Tế tại tỉnh Hà Bắc, quy tụ được người theo học, đem áp dụng việc tu hành bằng sự thể nghiệm của việc đại ngộ ấy. Những bài pháp của Ngài còn lưu lại một tập tựa đề là “Lâm Tế lục” (Linzai Roku). Trong tập này có ghi đầy đủ những gương tu chứng đạt ngộ. Tông Lâm Tế đều căn cứ vào bộ sách ấy, coi như khởi điểm về lịch sử cũng như về giáo lý.

DANH HIỆU TÔNG

Lâm Tế trở thành tên của tông là do ngài Nghĩa Huyền, vào những ngày vẫn niên đã ở trong một ngôi chùa nhỏ mang tên “Lâm Tế”, bên bờ sông Hồ Đà, nơi tiếp giáp với phía nam vùng Chánh Định. Ngôi chùa ấy hiện nay vẫn còn tại Hà Bắc. Riêng tông Hoàng Bá tại tỉnh Phúc Kiến, thuộc ngoại ô châu thành Phước Thanh, nay vẫn còn ngôi chùa Vạn Phước tại núi Hoàng Bá. Nơi đây ngài Ân Nguyên tiếp tục việc hành đạo của Ngài.

Thiền Lâm Tế tại Nhật Bản do ngài Minh Am Vinh Tây (Myo-an-Eisai: 1141-1215) truyền sang. Năm lên 19 tuổi, Ngài vào núi Tỳ Duệ tu theo Thiên Thai và Mật Giáo, nhưng sau Ngài sang Trung Quốc học đạo Thiền vào đời nhà Tống, và cũng nhờ đó Ngài trực nhận được con đường cải cách tôn giáo là điều cần thiết. Ngài còn trước tác những bộ sách như: “Xuất Gia đại cương”, “Hưng Thiên hộ quốc luận”, trong ấy có sự dung hợp giữa Thiền với các tông phái khác như Chân Ngôn, Thiên Thai v.v... thuộc về phái cựu Phật giáo. Ngài cũng còn sáng lập chùa Thọ Phước tại vùng Kamakura, chùa Kiến Nhân tại Kyoto.

ĐỨC PHẬT TÔN THỜ

Đức Phật cho riêng tông Lâm Tế phải nói là không có, nhưng với yếu chỉ của Thiền thì có với sự ứng hợp theo cơ duyên, tức là chỉ tôn thờ những vị Phật, Bồ Tát gần gũi nhất như tôn tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật Dược Sư, đức Đại Nhật Như Lai, đức Quán Thế Âm Bồ Tát; và ngoài ra có sơ tổ Thiền: ngài Bồ Đề Đạt Ma, cũng như chư tổ thuộc dòng Lâm Tế đều được tôn thờ tất cả.

KINH ĐIỂN

Thiền như ta biết, vốn chủ trương: giáo ngoại biệt truyền. Ngoài kinh điển ra, Thiền sư còn truyền đạt xuống hàng đệ tử tâm tủy của đạo Thiền trong việc đạt ngộ, đó mới là điều quan

trọng. Vì kinh điển không được xem là chính mà phải có thêm phần ngữ lục của Thiên bồ túc mới đầy đủ và trọn vẹn được Nói một cách khác, tông Lâm Tế không có kinh điển nào khác hơn là những bộ kinh thường được trì tụng hàng ngày. Tuy nhiên, trong thực tế, các kinh điển cần hành là những bộ như: kinh Kim Cang, kinh Đại Bát Nhã, chú Lăng Nghiêm, Bồ Đề Hòa Tán, Tọa Thiên Hòa Tán v.v., và những bộ ngữ lục của chư tổ như: Lâm Tế lục, Bích Nham lục, Vô Môn Quan v.v. là được suy cứu hơn cả.

GIÁO PHÁP

Khởi nguyên từ sự giáo huấn của chư Phật, cũng như từ sơ tổ Thiên truyền xuống đến tổ Bồ Đề Đạt Ma, và mãi đến đời ngài Nghĩa Huyền cũng đều chỉ dạy sự đạt ngộ giống nhau qua pháp môn tọa thiền. Về cách suy nghĩ của Thiên cũng chính là đặc điểm của Đại Thừa Phật giáo: phiền não tức Bồ Đề hay là không diệt sạch phiền não, không thể có được sự an lạc. Tính chất đặc biệt ấy của Thiên tông Trung Quốc là dùng phương pháp thể nghiệm dẫn tới cái cụ thể của sức mạnh tự ngã, bằng cách nhận chân ra được ngay chính mình. Như câu chuyện cầu đạo của ngài Huệ Khả với tổ Bồ Đề Đạt Ma sau đây:

-HK: Tâm con không an, xin thầy an tâm cho con?

-Tổ: Người đem tâm đến ta sẽ an cho?

-HK: Con tìm mãi Tâm vẫn chưa được.

-Tổ: Như thế thầy đã không vì con mà an tâm cho con rồi đó sao?

Ngài Huệ Khả cảm thấy tâm bất an và muốn ngộ được Tâm ấy; như ta biết đâu phải dễ, nếu không nhờ vào tinh thần của Đại Thừa Phật giáo. Những bộ kinh có đề cập tới cái Tâm là: kinh Bát Nhã, kinh Duy Ma Cật đều có chỉ dạy rõ ràng.

Nếu tổ Đạt Ma đã không đến Trung Quốc, ngài Huệ Khả cũng không thể cầu đạo nơi sư tổ được, Ngài Huệ Khả trong hơn 40 năm tận lực nghiên cứu tư tưởng Lão Trang-Nho giáo và ngay cả giáo lý Đại thừa cũng như Tiểu thừa Phật giáo nữa. Nhưng tất cả các triết lý của các học thuyết đều không thể giúp giải quyết được chỗ bất an tâm cho Ngài.

Giới luật và Thiền trong Phật giáo cần phải có sự gia công nỗ lực thực hành; còn phương pháp thì tại Ấn Độ cũng như tại Trung Quốc đều có sự khác biệt về phong tục tập quán, cũng như nền văn minh tại mỗi quốc gia. Phật giáo Ấn Độ về phương diện thực hành có phần khá phức tạp. Đó là chưa kể đến việc đạt đến giác ngộ, hầu như đưa đến tuyệt lộ vậy. Ngài Đạt Ma mở đầu con đường Thiền bằng tư tưởng Đại thừa; ngoài ra không còn bất cứ một tư tưởng nào khác mới mẽ hơn nữa cả. Đại thừa mang tính chất cụ thể và thực tiễn bằng phương pháp trực ngộ chân tâm theo khả năng của chính mình. Ví thế, Phật giáo Thiền tông có đủ hấp lực mạnh hơn cả. Tổ Đạt Ma chỉ cho ngài Huệ Khả chỗ bắt an tâm; tuy nhiên, nếu hiểu theo cách lý luận “không” trong cái nghĩa “trống không” thì ngay cả da thịt của ta đây cũng đều không. Trên thực tế, Tổ Đạt Ma chỉ cho ngài Huệ Khả thấy rõ cái Tâm “Không-Một-Vật” ấy, hoàn toàn khác hẳn với sự trống không của sự vật. Câu chuyện đối đáp giữa hai thầy trò đã đưa tới một phương pháp cụ thể và không còn cách nào khác hơn được cả. Có thể nói, Lục Tổ Huệ Năng không biết chữ, cũng không gặp được Phật pháp mà vẫn ngộ được đạo, cũng chỉ là một người quê mùa mà thôi. Ngộ được đạo mới là điểm chính của cái toàn thể từ bên trong, thể hiện được nguyên lai của tự ngã. Và chính cái toàn thể ấy mới là sức mạnh tinh thần vậy. Ngài Huệ Năng, bậc Thiền giả của chính cái tự nhiên ấy. Chỉ có triết lý vi diệu thâm thâm của Đại thừa Phật giáo mới thấu suốt được tới chỗ tận cùng của sự vật mà thôi. Chính ngài Thần Tú có uy thế rất lớn lúc đó mà cũng chỉ nói lên được cái **TÂM** là mặt kiếng phẳng lặng đã bị bụi bặm bám dính vào lâu ngày, cần phải năng lau chùi, kiếng mới sáng soi được. Ngược lại, ngài Huệ Năng cho rằng: vốn từ vô thủy, cái **TÂM** ấy vốn không-một-vật thì làm gì bụi bặm có thể bám dính vào được nữa! Tuy nhiên, điều suy nghĩ của ngài Thần Tú chưa hẳn đã sai, nếu đứng trên quan điểm Đại thừa nhìn vấn đề có hoàn toàn hợp lý hay không mà thôi. Vấn đề là có đạt được tới chỗ rốt ráo hoàn toàn hay không. Chủ trương của ngài Thần Tú thì Thiền “Vốn Không”. Mục đích của Thiền là vừa nghiên cứu môn thuốc trị bệnh, vừa ra sức duy trì sức khỏe cho con bệnh. Sức khỏe và bệnh trạng không nằm

trong ý thức tương đối. Vì sức khỏe vốn sẵn có trong tự bản thể của chính ta, đã có tự do sáng tạo phát ra hành vi, ngôn ngữ, và chính đó là bản chất của Thiên vậy. Nếu không mắc phải bệnh hoạn, phương thuốc cũng trở nên vô dụng: cũng như nếu không mê lầm, cũng không thể có được giác ngộ. Chủ trương của ngài Huệ Năng cũng là của ngài Mã Tổ Đạo Nhứt trước kia cho rằng: nhứt cử nhứt động hàng ngày đều là đạo hay tâm bình thường cũng đều là đạo, từ đó nảy sinh ý tưởng: đạo có một lý tưởng cao xa khó tìm cầu, nhất là trong mấy việc tầm thường hàng ngày như vấn đề ăn mặc, chỗ ở... vốn phát xuất từ tư tưởng cổ điển Trung Quốc hoặc nơi các tôn giáo bình dân của người Tàu, đều đã thể hiện được bản chất của Thiên rồi vậy.

Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền truyền đến đời thứ tư là ngài Mã Tổ, cũng đều thuyết minh rằng, giá trị và sự tự do của thân thể thể hiện ngay nơi cá nhân hiện thật. Cá nhân hiện thật đạt đến chỗ tối thượng. Ngài Nghĩa Huyền đã lập thành hệ triết học cũng như luân lý; nếu đem so với đạo hưởng lạc của người nhàn thì có phần khác hơn. Vì con người đã bị duyên trần ràng buộc, chỉ có Phật Tổ là bậc tối tôn, vì những lời dạy của các Ngài đều thành kinh điển cả. Tông Lâm Tế xem kinh điển cũng như việc phủ bụi trên tờ giấy cũ và chủ trương: gặp Phật thì giết Phật, gặp Tổ thì giết Tổ, mới tìm ra con đường giải thoát được. Chỉ trong mỗi một câu này cũng đủ chứng minh được cái **KHÔNG** mà Lâm Tế chủ trương.

Tôn giáo vốn xuất hiện từ chỗ không kinh điển, không giáo pháp và ngay cả không đức Phật nữa. Chính con người thấy rõ được điều đó. Ngài Lâm Tế chủ trương thuyết cố định và cho rằng, chúng ta chấp vào lời nói thì thật nguy hiểm vô cùng! Tư tưởng này cũng đã được triển khai rộng rãi trước đây rồi. Chính tư tưởng Thiên trong Lâm Tế lại là chỗ cùng cực điểm ấy. Về sau tư tưởng ấy đã không thành thuyết cố định mà lại có tính cách cụ thể, vẫn tiếp tục phát triển. Đó là lý do tại sao công án Thiên trong tông Lâm Tế đều dựa theo tư tưởng ấy.

VIỆC TU HÀNH

Việc tu hành của tông Lâm Tế là chọn pháp thoại đầu làm đề tài chính trong việc suy niệm. Gọi đó là công án, vì phải suy xét cho thật kỹ càng lời nói, tìm ra sự thật bao hàm nguyên lý phổ quát, ứng hợp với câu hỏi đã nêu ra. Vì hỏi tức muốn tìm ra sự thật, đem khám phá sự thật để biết rõ được sự thật ấy. Chữ “KHÁN” có nghĩa là suy xét hay thể nghiệm, bao hàm ý niệm trừu tượng và cũng nằm trong nguyên tắc cụ thể, về cảm giác và sự kiểm soát toàn diện nữa. Đó chính là ý nghĩa của việc dùng chữ “khán” vậy. Cái hiện thật của chúng ta, một mặt giống như cái vô số đã đề cập đến trước kia; mặt khác, chúng vẫn có sự khác nhau nơi tính cách cá biệt. Cái NGÃ là sự thật hiển nhiên đã được minh xác, không có gì mới lạ cả, có điều là do từ việc khán câu thoại đầu mà thành. Trước kia có đề cập cái vô số mà trong đó có phần nào gương ép. Mãi cho đến đời nhà Tống, việc khán thoại đầu mới tận dụng được hoàn hảo qua công án: “Triệu Châu Vô Tự” (Zyoshu Muji). Theo nghĩa hẹp của việc khán câu thoại đầu chính là phải tận lực xem xét công án vậy. Triệu Châu vô tự của tông Lâm Tế bắt đầu từ ngài Triệu Châu Tùng Thẩm (Zyoshu Zushin: 778-897). Có vị Tăng hỏi và cuộc đối đáp diễn ra, khi vị Tăng ấy đến thăm ngài Triệu Châu như câu chuyện sau đây:

H: Con chó có Phật tánh không?

Đ: Không.

H: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, sao thầy lại bảo con chó không có Phật tánh?

Đ: Biết như thế là xưa rồi! (Có nghĩa là không ai còn lạ gì điều này nữa cả).

Nhưng pháp khán thoại đầu được sửa đổi lại khi truyền tới Nhật Bản, ngài Bạch Ân Huệ Hạc (Hakuin-Ekaku: 1686-1769) sửa lại thành công án mà tông Lâm Tế sử dụng cho tới nay. Công án vì thế đã trở nên quan trọng, và đó chính là nhờ công ơn ngài Bạch Ân vậy.

VIỆC DUY TRÌ

Lâm Tế là một tông thuộc Phật giáo Nhật Bản, nếu xét về lịch sử thì ngôi chùa cổ nhất là Kiến Nhân tự và một số những ngôi chùa khác như: Kiến Trường, Viên Giác, Nam Thiên v.v. gồm có 15 ngôi tổ đình cả thầy và có khoảng 5.800 ngôi chùa chi nhánh khác. Ngoài ra, còn có khoảng 30 đạo tràng, Đại Học Hanazono (Hoa Viên) và một số trường trung học khác.

Đặc biệt phái chùa Diệu Tâm có ảnh hưởng rất đáng kể trong công cuộc truyền giáo. Phái này có vào khoảng 3431 ngôi chùa và số lượng Tăng Ni độ 3348 người và vào khoảng 1.628.000 tín đồ. Ngoài ra, phái Hoàng Bá sử dụng chùa Vạn Phước tại Vũ Trị làm ngôi Tổ Đình chính, với vào khoảng 478 ngôi chùa chi nhánh khác. Tăng Ni độ 390 người và số tín đồ vào khoảng 18.000 người. Ngay tại mỗi ngôi tổ đình còn có một đạo tràng rộng lớn. Về Đại Học, cùng hợp tác đầu tư vào trường Hanazono do phái Diệu Tâm thiết lập. Riêng về lãnh vực hành chánh, hầu như đều có sự hợp tác chắc chắn với phái Lâm Tế.

Nói một cách tổng quát, tông Lâm Tế thành công rất sớm trong thời cận đại; còn riêng tại hải ngoại, việc truyền đạo cũng đã được đặc biệt lưu tâm tới. Như tại Âu Mỹ đều có thiết lập các Thiền đường cho người bản xứ. Hiện nay tại những nơi đó, chính người Âu Châu tự thiết lập nên các Tăng viện mà phần đông đều áp dụng theo phương pháp khán câu thoại đầu của Thiền Lâm Tế vậy.

TÔNG TÀO ĐỘNG

(Soto - Shu)

TỔ KHAI SÁNG

Tông Tào Động tại Nhật Bản do hai vị Tổ sáng lập: bậc Cao Tổ là ngài Đạo Nguyên (Dogen, Thừa Dương Đại Sư: 1200-1253) và bậc Thái Tổ là ngài Oánh Sơn (Keizan, Thường Tế Đại Sư: 1266-1325). Theo ngài Đạo Nguyên, tông Tào Động là một tông thừa truyền theo đúng Phật pháp chánh tông, từ Ngài truyền đến đời Tổ thứ tư là ngài Oánh Sơn Thiệu Căn (Keizan Zyokin). Ngài Oánh Sơn cũng thừa nhận Phật Pháp chánh tông của ngài Đạo Nguyên là một tông đã thành hình theo Phật Pháp chánh truyền, được tiếp nối từ tông Tào Động tại Trung Quốc và Ngài Đạo Nguyên chính là bậc Tổ của Thiên Tào Động Nhật Bản.

Hai vị Tổ đề xướng Thiên Tào Động tại Nhật Bản đều có điểm khác biệt với các tông khác ở chỗ, Phật Pháp chánh truyền với ngài Đạo Nguyên thì không có ý định lập nên giáo hội, nhưng với ngài Oánh Sơn thì có giáo hội, như sử liệu còn ghi rõ. Như vậy người sáng lập nên tôn chỉ của Thiên Tào Động Nhật Bản, ngài Đạo Nguyên được tôn sùng như bậc Cao Tổ; còn người khai sinh ra giáo hội, ngài Oánh Sơn được ngưỡng mộ như bậc Thái Tổ vậy.

DANH XƯNG

Tông Tào Động khởi nguyên từ Trung Quốc và có 2 thuyết khác nhau: thuyết thứ nhất cho rằng, ngài Đông Sơn Lương Giới (807-869) có đệ tử là ngài Tào Sơn Bản Tịch (840-901), do lấy chữ đầu tên của hai người ghép chung lại thành. Còn thuyết thứ hai lại cho rằng, lấy từ chữ đầu tên ngài Tào Khê Huệ Năng (Sokei-Eno: 638-713) và ngài Đông Sơn Lương Giới mà thành Tào Động. Nếu căn cứ vào thuyết thứ nhất thì, tông Tào Động tại Trung Quốc do ngài Đông Sơn khai sáng và là một trong số năm nhà lập riêng thành một phái. Năm nhà đó vào cuối đời Đường đến đời Ngũ Đại (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu) lập thành 5 phái Thiền là Lâm Tế (Linzai), Qui Ngưỡng (Igyo), Tào Động (Soto), Vân Môn (Unmon) và Pháp Nhãn (Hogen), hay còn gọi là 5 tông nữa. Năm tông hay 5 phái Thiền Trung Quốc do 5 nhà thành lập rất khác với tông Lâm Tế Nhật Bản. Sự khác nhau về ý nghĩa lập tông, cũng như có sự khác nhau về giáo pháp rất xa, nhất là việc chia thành các phái, tông Tào Động tại Nhật đặc biệt không có, như trong giáo pháp có chỉ rõ chỗ khác biệt của việc phân chia này. Trong 5 nhà, mỗi nhà đều có đường hướng khác nhau trong các hướng dẫn Thiền nơi mỗi phái, nhưng tựu trung. Thiền chỉ là một mà không hề có sự sai khác.

Tông Lâm Tế tại Trung Quốc trong số 5 nhà mệnh danh là “Lâm Tế thông khoái”, ngược lại, tông Tào Động được gọi là “Tào Động Tế mật”, sự khác biệt này chỉ mới có từ thời Nam Tống. Lâm Tế dùng công án làm công phu tu tập Thiền thoạt đầu hay còn gọi Thiền Vấn Đáp, đã sớm phát triển; trong khi đó tông Tào Động lại giữ yên lặng trong lúc tọa Thiền gọi là “Mặc Chiều Thiền”. Đó là lý do của sự khác nhau về tôn chỉ rất rõ rệt. Nhưng sự khác biệt này chỉ có trên phương thức chỉ đạo Thiền tại Trung Quốc, còn việc dạy Thiền đều giống nhau không khác.

Năm phái Thiền Trung Quốc, trong đó có Lâm Tế và Tào Động đã truyền sang Nhật Bản vào thời kỳ Kamakura. Từ đó, hai tông có cơ hội thành hình và phát triển tại Nhật. Người khai sáng tông Tào Động Nhật Bản là ngài Đạo Nguyên. Ngài sang Trung Quốc vào đời nhà Tống học Tào Động với ngài Thiên Đồng Như Tịnh (1163-1228) và đó cũng là lý do tông Tào Động Trung Quốc được truyền sang Nhật Bản. Nhưng ngài Đạo Nguyên biết triển khai những đặc điểm của Thiền Tào Động Trung Quốc làm phong phú cho Thiền Tào Động Nhật Bản.

ĐỨC PHẬT TÔN THỜ

Phật pháp chánh truyền do từ đức Phật Thích Ca Mâu Ni đạt ngộ được chân lý dưới cội Bồ Đề thuyết ra. Giáo pháp của Ngài được lưu truyền mãi và lan rộng đến mọi nơi. Do đó đức Phật tông Tào Động tôn thờ là đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni. Theo như trong giáo pháp, chúng ta phải hiểu đức Phật Thích Ca phân thành 3 thân khác nhau là Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân để thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Pháp thân là cái thể hằng còn-Chân Lý, Báo thân là do nhiều đời trong quá khứ gieo trồng phước đức nên được thân Phật và Ứng thân là hiện thân Phật ra đời dẫn dắt chúng sanh đang trầm luân trong bể khổ.

Tông Tào Động tôn sùng đức Phật Thích Ca là do căn cứ nơi giáo pháp rồi triển khai thêm ba thân mà thân Phật hay chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện ra đời.

KINH ĐIỂN

Sách do ngài Đạo Nguyên soạn là “Chánh Pháp Nhãn Tạng” (Shobo Genzo) gồm 95 quyển, bao hàm các kinh điển căn bản của Đại Thừa. Để phù hợp với thời hiện đại, vào năm Minh Trị thứ 23 (1890) được soạn lại và đổi thành “Tu Chứng Nghi” (Shu-shogi) làm tiêu điểm cho việc hành trì. Bộ Tu Chứng Nghi rút tĩa lời văn mạch ý từ trong bộ Chánh Pháp Nhãn Tạng và chia thành các chương như: Sám Hối diệt tội (Sange Etsuzai), Thọ Giới nhập vị (Yukai-Nyu-i), Phát Nguyện lợi sanh (Hotsugan Risho), Hành Trì báo ân (Gyochi-Ho-on) và thêm vào lời tựa.

LỊCH SỬ

Ngài Đạo Nguyên sau khi trở về nước đã lưu lại chùa Hưng Thánh (Kyoto) thuộc vùng Thâm Thảo (Fukasai), sau Ngài di chuyển đến chùa Vĩnh Bình (Ehei-ji) tại Việt Tiền (Ichizen). Tại đây Ngài bắt đầu đề xướng lý tưởng Phật Pháp chánh tông và đã được những vị kế thừa nỗ lực duy trì. Ngài Đạo Nguyên truyền đến đời thứ hai là ngài Cô Vân Hoài Tráng (Ko-un-Ezyo: 1198-1280). Đến đời ngài Hoài Tráng, Phật Pháp Chánh Truyền do tăng đoàn chùa Vĩnh Bình lèo lái, nhưng đệ tử ngài Hoài Tráng là ngài Triệt Thông Nghĩa Giới (1219-1280) và đệ tử ngài

Nghĩa Giới là ngài Oánh Sơn Thiệu Cẩn lại tách biệt ra để bảo tồn cho được Phật Pháp Chánh truyền của ngài Đạo Nguyên. Vì cho rằng Phật Pháp chánh truyền của tông Tào Động phải do chính tông môn xây dựng nền tảng mới vững chắc được. Ngài Oánh Sơn khai sáng chùa Vĩnh Quang và chùa Tổng Trì. Đệ tử Ngài là ngài Minh Phong Tố Triết (Meiho-Sotetsu: 1277-1350) và ngài Nga Sơn Thiệu Thạc (Gazan-Jyoseki: 1276-1366). Cả hai Ngài đều là những nhân vật đặc biệt ưu tú. Dưới ngài Nga Sơn còn có 25 học giả ưu việt khác hợp lực. Lúc bấy giờ tông Tào Động đã thiết lập được nhiều ngôi chùa ở khắp các nơi trong toàn quốc, nhờ đó giáo pháp bành trướng được sâu rộng trong quảng đại quần chúng. Từ đó trở đi tông Tào Động Nhật Bản mới phục hưng trở lại. Một mặt theo con đường Phật Pháp chánh truyền của ngài Đạo Nguyên, mặt khác, lại giữ nguyên cốt cách Thiền Tào Động Trung Quốc, nhưng triển khai thêm cho phù hợp với tông Tào Động Nhật Bản. Tại Nhật, tông Tào Động còn gọi là “Lâm Tế Tướng Quân”, do sự gần gũi, tiếp xúc với các võ tướng, các nhà hào tộc, với phái văn học Ngũ Sơn, với hội họa và trà đạo v.v... đã làm nảy sinh tính chất hết sức đặc biệt trong văn hóa. Ngược lại có “Tào Động Thổ Dân” đã thấm thấu đến mọi sinh hoạt trong giới bình dân. Giáo pháp đã phát triển một cách vượt bậc và kết quả là đã có sự hợp tác trong lãnh vực văn hóa một cách đáng kể.

Ngoài ra giới học tăng còn chọn trong bộ sách “Vạn Quyển” cho ngài Diên Sơn Đoan Phương (1683-1769) cùng tranh luận với ngài Thiên Quế Truyền Tôn (1648-1735), và đồng thời liền sau đó còn có một số các ca sĩ ưu tú, cùng với ngài bút xuất sắc được nhiều người biết đến là Đại Ngu Lương Khoan (1758-1831) cũng đều phát xuất từ tông Tào Động.

GIÁO THUYẾT

Thiền chỉ dạy phương pháp tọa Thiền để thông suốt được vũ trụ vạn hữu, đều chi phối do các định luật phù hợp với chân lý. Tọa Thiền để phá ngã chấp, hầu đạt tới cái chân ngã. Khi cái ngã đã trừ mới có thể phát khởi lòng từ làm việc lợi tha được. Cả ba việc trước mắt (tham thiền, phá ngã chấp, làm việc lợi tha).

Thiền phái quán triệt tận căn nguyên của vấn đề. Đặc điểm của ngài Đạo Nguyên chỉ dạy, trước hết, Thiền Lâm Tế Nhật Bản do kế thừa từ Thiền Lâm Tế Trung Quốc. Ngược lại, tôn chỉ Thiền Tào Động hoàn toàn không thể nào kế thừa được cái “Tự Giác”. Theo như bộ “Chánh Pháp Nhân Tạng” do ngài Đạo Nguyên viết thì việc xưng tông của 5 nhà đối với trong Phật Pháp đã có sự lạm dụng sai lầm. Ngài cho rằng, cả 5 nhà đều cùng trong một phái, nhưng lại không theo tôn chỉ Thiền Tào Động Trung Quốc. Chính ngài Đạo Nguyên đã bài bác việc lạm xưng Thiền tông ấy, và đưa ra lập trường: Phật Pháp chánh truyền mới do nỗ lực, còn việc phân phái của phái Thiền phục cổ trở về trước thuộc về 5 nhà đều do những gì đã có sẵn. Phật pháp chánh truyền từ đức Thế Tôn truyền đến tổ Đạt Ma rồi truyền sang Trung Quốc. Từ đó, tổ tổ kế tục truyền thừa cho đến Ngài Đạo Nguyên và trong Phật pháp chỉ có một mà thôi. Thiền tông cũng như tông Tào Động, vì thế trong việc giáo huấn không hạn định, chắc hẳn theo đúng với những gì của Phật pháp chánh truyền vậy. Thứ đến, còn một đặc điểm nữa nơi tôn chỉ ngài Đạo Nguyên đề xướng là “Chỉ Quán Đả Tọa” (Shikan Taza). Chỉ Quán đả tọa, có nghĩa chỉ rõ cách thức trong lúc ngồi tọa thiền. Về điểm này, ngài Đạo Nguyên cho rằng tông Lâm Tế Nhật Bản dựa theo công án Thiền Lâm Tế Trung Quốc trong việc dụng công tu tập Thiền thoại đầu. Ngược lại, theo truyền thống Thiền tại Trung Quốc, ta thấy chỉ có Mặc Chiếu Thiền mà thôi. Còn việc ngồi hay tọa Thiền nhằm mục đích gì đều không thấy đề cập tới. Song việc ngồi Thiền là chỗ dụng công cho việc giác ngộ trong sự tu tập. Ngài Đạo Nguyên lấy tọa thiền làm chính trong việc tu chứng. Giữa sự tu và chứng được xem như không có bắt đầu, cũng như không có chung cục và cũng chính điểm đặc biệt này, ngài Đạo Nguyên đã chỉ dạy. Theo Ngài Đạo Nguyên, bản chất Thiền phái nguyên vẹn và thuần túy, vì Thiền không ngoài sự vận động mà có. Để đạt được điều này, cả Lâm Tế cũng như Tào Động, ngay từ trong bản chất đều không có sự sai biệt trong việc giáo hóa. Sự khác biệt giữa hai tông là cùng giống nhau về tôn chỉ Thiền, nhưng tùy theo sự đạt ngộ của mỗi người mà theo một phương pháp khác nhau, cũng chưa hẳn có sự đại biệt.

PHÂN PHÁI

Tông Tào Động Nhật Bản, theo tôn chỉ của người khai sáng, ngài Đạo Nguyên được sùng kính như bậc Cao Tổ; còn người lập ra tông môn, ngài Oánh Sơn được ngưỡng mộ như bậc Thái Tổ. Cả hai Ngài đều được tôn sùng như nhau. Ngài Đạo Nguyên lập chùa Vĩnh Bình tại tỉnh Fukui, quận Yoshida; còn ngài Oánh Sơn lập chùa Tổng Trì (Sochi-ji) tại tỉnh Ishikawa, nhưng vào đời Minh Trị năm thứ 31 (1898) chùa được dời về khu vực gần Tokyo (Yokohama shi, Tsurumi-ku) đều là hai đại tổ đình rộng lớn thích hợp cho việc lễ bái học đạo.

Tông Tào Động có trên 700 năm lịch sử, đôi lúc cũng không tránh khỏi có sự phân chia giữa hai ngôi chùa, nhưng trong hiện tại, cả hai đều cùng hợp nhất, nhờ đó mà mãi tới nay không còn có sự phân phái trong tông Tào Động nữa.

VIỆC DUY TRÌ

Tông Tào Động hiện có hai ngôi Tổ đình, một cơ quan hành chánh đứng đầu với hơn 140.000 ngôi chùa, dưới sự chỉ đạo của Đại tông đoàn.

Ngoài hai đại tổ đình do ngài Đạo Nguyên và ngài Oánh Sơn sáng lập, còn có một cơ quan hành chánh đặt riêng tại Shiba, Minato-ku-Tokyo. Vị Quản Trưởng trong hiện tại, nhiệm kỳ hai năm bầu lại một lần, lo việc coi sóc quán xuyên cả hai ngôi tổ đình. Dưới quyền vị Quản Trưởng còn có các cơ quan hành chánh thiết lập trong toàn quốc, theo từng khu vực, để đôn đốc các hoạt động. Đó là phần vụ của cơ quan lo việc hành chánh đảm trách.

Số Tăng sĩ có vào khoảng 1,500,867 người và số tín đồ khoảng chừng 684,000 người (theo tài liệu của Bộ Văn Hóa giáo dục trong tập Niên Giám Tôn Giáo, ấn hành năm 1971). Các lễ nghi chính của những ngôi chùa thuộc tông Tào Động là hai lễ giỗ Tổ và 3 ngày lễ vía Phật. Hai lễ giỗ Tổ hiệp kỳ vào ngày 29 tháng 9 và 3 lễ vía Phật là Phật Đản (Trăng tròn tháng tư), Phật nhập Niết Bàn (Rằm tháng hai) và Phật thành đạo (mồng 8 tháng 12).

Vào những dịp lễ tiết này, tại các chùa thuộc tông Tào Động đều tổ chức trọng thể để kỷ niệm.

Hoạt động giáo dục; tông Tào Động thành lập được các đại học như: Komazawa (Cầu Trạch), Aichi gakku-en (Ái Tri học viện) và Tohoku Fukushi (Đông Bắc phước chỉ). Ngoài ra, tại Tokyo, Nagoya (Danh Cổ Ốc), Sen Dai (Tiên Đài), Yamaguchi (Sơn Khẩu), đều có thiết lập các trường trung học. Riêng tại Hokkaido (Bắc Hải đạo) còn có phân khoa thuộc đại học Komazawa nữa. Ngoài những cơ sở trên, cả hai đại Tổ đình đều có bỏ vốn kinh doanh vào các trường Đại Học, đại học đoản kỳ hay các bệnh viện nữa.

Về mặt văn hóa, cơ quan hành chánh xuất bản tờ báo “Tào Động” mỗi tháng một kỳ và tờ “Thiền Hữu” (Zen no Tomo) được phân phối đến các chùa cho tín đồ đọc.

TÔNG NHỰT LIÊN (Nichiren- Shu)

TỔ KHAI SÁNG

Tông Nhựt Liên y cứ vào bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tiếp tục công việc đòi mạng pháp, là thời kỳ việc ác đầy đầy; để cứu khổ cho con người, cũng như thực hiện lý tưởng hòa bình là mục đích Nhựt Liên thành lập.

Ngài Nhựt Liên ở vào thời kỳ Kamakura sinh ngày 16-12-1222 tại Kominato (hiện tại thuộc tỉnh Chi Ba) trong một gia đình ngư phủ. Ngài tịch (mất) ngày 13-10-1282 vào đời Hoằng An năm thứ 5 tại Ikegami (Trì Thượng)-Tokyo. Hải cốt của Ngài, theo như di chúc là để tại Minobusan (Thân Diên Sơn) thuộc tỉnh Yamanashi hiện nay.

Năm 12 tuổi, Ngài lên núi Thanh Trùng ở gần nhà thợ giáo ngài Đạo Thiện Phòng thuộc tông Thiên Thai. Vào mùa thu năm lên 16 tuổi, Ngài xuất gia làm đệ tử ngài Đạo Thiện Phòng. Thế danh Ngài là Thị Thánh, sau đổi thành Phòng Liên Trường. Ngài theo học tại nhiều nơi như Kamakura, núi Tỷ Duệ, chùa Viên Thành tại Tam Tỉnh (My-I), Nại Lương (Nara), Cao Dã Sơn (Koya-san) trong hơn 10 năm, có nghiên cứu các tông phái và kết quả là vào những ngày vắng niên Ngài thấu suốt được tinh yếu những lời chỉ dạy của đức Thế Tôn qua tinh thần bộ kinh Pháp Hoa. Niên hiệu Kiến Trường thứ 5 (1253) vào mùa xuân, Ngài trở về núi Thanh Trùng và chủ trương việc xưng niệm “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” (Namyō Myōhōrengei Kyō) đến ngày 28/4 sau khi ngộ được tinh túy của kinh Pháp Hoa, Ngài tuyên bố thành lập tông Nhựt Liên, và Nhựt Liên tông bắt đầu từ đó. Cuộc

đời ngài Nhựt Liên như gắn liền theo kinh Pháp Hoa cả miệng, thân và tâm. Theo kinh Pháp Hoa thuyết minh, sự chân thật là thân phải thật chứng, không còn tiếc thân mạng và cảnh giới Phật phải thiết lập ngay trong sự cố gắng nỗ lực. Ngài được tôn sùng như vị Bồ Tát hóa thân. Vào năm Đại Chánh (Taisho) thứ 11 (1922) Ngài được sắc phong là Lập Chánh Đại Sư. Hiện nơi Ngài sanh còn ngôi tổ đình gọi là Đản Sanh tự, cũng như nơi Ngài truyền đạo với ngôi chùa Thanh Trừng và nơi Ngài thị tịch cũng có ngôi tổ đình Ikegami Honmon-ji (Trì Thượng Bản Môn tự). Ngôi Tổ đình này được xem như cơ quan chính của tông Nhựt Liên. Vào những năm sau cùng, Ngài Nhựt Liên còn viết sách dạy chúng đệ tử, cũng như giáo hóa tín đồ ngay tại núi Diên Sơn-chùa Cửu Viễn (Kuon-ji) và nơi đây cũng là đại tổ đình của tông Nhựt Liên.

KINH ĐIỂN

Kinh điển chính của tông Nhựt Liên là bộ kinh Pháp Hoa, nhưng có thêm phẩm tựa (phần khai kinh), kinh Vô Lượng Nghĩa và phần sau là kinh Quán Phổ Hiền, gọi là Tam Bộ Pháp Hoa. Ngoài ra, ngài Nhựt Liên còn viết tác phẩm “Nhựt Liên Thánh Nhân di văn” (Nichiren Shonin bun), vừa để dạy đạo vừa làm phương châm hành trì. Trong sách có hai phần quan trọng, đặc biệt đáng chú ý hơn cả là phần “Khai Mục sao” và “Quán Tâm bản tôn sao”. Ngoài hai phần ấy, còn có thêm phần luận “Lập chánh an quốc” gọi chung là 5 Đại Bộ kinh. Tam Bộ Pháp Hoa, về sau có thêm hai phần nữa là “Tuyên Thời sao” và “Báo Ân” gọi là 5 đại bộ kinh vậy.

GIÁO THUYẾT

Con người đang sống trong thời kỳ mạt pháp, muốn chuyển từ mê đến giác, chỉ còn cách khuyến khích họ lý tưởng hòa bình (lòng thương yêu) theo như trong ngũ cương là 5 điều chỉ dẫn rõ ràng, với ba bí pháp (Sanpi) được xem như là ba phương pháp thực tiễn mà tông Nhựt Liên đặt nền tảng thuyết giáo. Ngũ cương là giáo, cơ, thời, quốc, sư (giáo lý, căn cơ trình độ, thời kỳ hay thời gian, nơi chốn, người chỉ đạo).

Trước hết về giáo, là Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Đức Thế Tôn dạy phẩm tinh túy đều ẩn sâu trong phẩm Như Lai Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa. Trong ấy có thuyết minh chân lý bí mật (Một niệm có thể thông suốt đến 3 nghìn thế giới) trong 7 chữ là “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” hay trong 5 chữ “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa” rất thích hợp trong việc hướng dẫn con người ở đời mạt pháp. Phần kể là “Cơ” tức trình độ của mỗi người, nhất là ở vào thời kỳ mạt pháp, phải làm sao cho người nghe dễ thực hành để đạt ngộ. “Thời” là thời đại hay thời gian. Từ thời ngài Nhựt Liên về sau là đời mạt pháp, con người sanh nhiều tệ ác nên gọi là thời vậy. Cũng như thời kỳ mạt pháp sau khi đức Thế Tôn nhập diệt, nhằm vào thời kỳ binh khí, con người mang phải nhiều cơn bệnh ngặt nghèo, chỉ còn phương thần dược là dạy họ thuộc nằm lòng “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” và ngoài ra không còn gì khác hơn nữa cả. “Quốc” nói rộng là nơi chốn hay địa bàn hoạt động mà Nhật Bản có thể là nơi khai nguyên cho toàn thế giới. Sau cùng là “Su” tức tự mình lý giải được cả 4 phần trên hay nói một cách khác, ngay trong thực tế, hành giả phải tự nỗ lực thực hành, đó chính là sư vậy. Cho dù có dạy đến bao nhiêu đi nữa, con người cũng phải nỗ lực tinh cần để cho những lời dạy ấy được rộng khắp. Ngài Nhựt Liên mượn chữ “Khế Cơ” đã có trong kinh điển để xiển dương kinh Pháp Hoa trong đời mạt pháp. Đức Thế Tôn phó chúc cho Thượng Hạnh Bồ Tát tự giác ngộ và ngài Nhựt Liên đề cập tới chữ “Khế Cơ” trong ý nghĩa này. Còn chữ “Su” trong phẩm tựa của kinh Pháp Hoa, theo lịch sử truyền thừa được phổ cập khắp mọi nơi đã được nhiều người biết đến. Hiểu rõ được phần đầu bộ kinh Pháp Hoa, cũng có nghĩa là việc giáo hóa đã chu biến được khắp nơi và đó cũng là “Su” vậy.

Nói tóm lại, kết quả của việc khảo sát qua 5 lãnh vực trên là “giáo”. Chỉ cái khổ cho đại chúng thấy rõ là “cơ”. Đời mạt pháp xấu ác là “Thời”. Nhật Bản có thể là nơi mở đầu cho toàn thế giới là “Quốc” và sự tự giác của ngài Thượng Hạnh Bồ Tát, theo ngài Nhựt Liên, là “Su”, tất cả bao hàm trong chữ “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” v.v...

Sau đây nói về ba đại mạt pháp hay ba phương pháp thực tiễn gồm những lời dạy trong chữ “NAM MÔ DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH”, rút tĩa ra cả một quá trình tu chứng, phân ra thành

ba cho rõ ràng. Ba ấy gồm có: mật pháp của đức Phật, mật pháp của đề mục và mật pháp của giới đàn. Gọi chữ Bản Môn là do ngài Thiên Thai đã chia bộ kinh Pháp Hoa ra hai phần: nửa cuốn trước gồm 14 chương và 14 chương của nửa cuốn sau. Trong 14 chương trước gọi là “Tích Môn” (Shyaku mon) và 14 chương sau là “Bản Môn” (Honmon) và đó cũng chỉ là cách xếp đặt mà thôi.

Đức Phật hay đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã giác ngộ từ trong quá khứ xa xưa với tuổi thọ mạng vô cùng hiển phát Phật trí sáng tỏ gọi là Bản Môn, Đức Phật như thế cứu độ cho nhiều người như đức Thích Ca Mâu Ni, còn lưu lại một quá trình giác ngộ là Tích Môn. Như vậy trong thời kỳ mật pháp-Đức Bản Tôn-không phải chỉ có đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà Phật đã giác ngộ từ trong quá khứ xa xưa; còn đức Phật Thích Ca thuộc về quá khứ cũng cùng trong một ý nghĩa ấy. Như thế, đức Phật ra đời cứu độ chúng sinh trong đối tượng thực tiễn. Nhứt Liên tôn sùng đức Bản Tôn là tông tổ vậy.

Ba Mật pháp: Mật Pháp của đề mục, y cứ theo mật pháp Bản Tôn. Chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết qua “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh”. Năm lấy Mật Pháp ấy, lòng phải tin, miệng niệm, thân thực hành mới có thể thành Phật. Mật pháp của giới đàn là trường hợp đã chấp nhận đề mục nêu ra trên. Chúng ta hướng về đức Bản Tôn phải xưng lên đề mục; còn lúc thân, miệng và tâm thọ trì, giữa ta và đức Bản Tôn có thể thành đồng nhất thể. Như vậy, ta cùng đồng một thể với đức Bản Tôn, cùng nhau khuyến tấn tại một nơi, nơi đó chính là giới đàn vậy. Có thể nói giới đàn là nơi truyền giới luật; và giới luật để dứt ác, tu thiện. Theo tông Nhứt Liên, dứt tức dứt bỏ những gì tin sai lầm; còn việc thiện là nhân đề mục rồi truyền rộng ra đến khắp mọi người. Về điểm này, không những ta chỉ thọ nhận không mà còn phải san sẻ đến người khác để thực hiện hạnh lợi tha (Ritagyō). So ra đề mục lúc thọ trì và khi thành Phật, thì ngay trên địa cầu này cũng có thể thực hiện được để trở thành Phật quốc. Hơn nữa, Tam Mật ấy về mặt thực tiễn không chỉ rõ có phân thành ba mà chỉ dạy niệm “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” cho được liên tục là đủ. Vì niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh một niệm suốt đến 3 nghìn cõi (Ichinen Sanzen). Gọi một niệm 3 nghìn là do ngài Thiên Thai khi thuyết kinh Hoa Nghiêm (Kegon gyō) có đề cập

tới từ cảnh giới mê mờ là địa ngục cho đến cảnh giác ngộ là Phật cảnh chia thành 10 thể loại khác nhau hay Thập Pháp giới (Jippokai). Còn theo như kinh Pháp Hoa, vạn vật sinh tồn theo một lực tự tại trong Thập Như Thị (*) và bộ Đại Trí Độ luận (Daichi doron) còn phân biệt trong đời hiện tại chia thành ba loại thế gian (**) nối tiếp nhau tồn tại, cũng cho thấy được cách thể hiện hữu của sự vật. Nơi một niệm ba nghìn là cách biểu hiện chân lý; còn theo sự biểu hiện ấy chỉ cho cái gì thật hiện hữu của sự vật mới tồn tại. Ba nghìn là con số, còn 10 cảnh giới lại bao hàm 10 cõi khác nhau. Mười nhân lên 10 thành 100, trong số 100 đều có sự hiện hữu của sự vật từ số 10 trong cái Một của “THẬP NHƯ THỊ” cho đến số một nghìn cũng đều như vậy. Cái Một ấy chu biến khắp trong ba thế giới, cộng lại thành 3 nghìn thế giới. Như thế, ba nghìn thế giới cũng chỉ trong một khoảnh khắc do tâm tạo, nên nói một niệm ba nghìn là vậy.

Theo tông Thiên Thai, cái Tâm này chính là tâm mê muội của chúng ta, nên phải đấp đổi lên xuống trong 10 cõi khác và cái Tâm ấy cũng đồng với tâm Phật (niệm một hiệu Phật là niệm ba nghìn thế giới) đều căn cứ theo lý luận ấy để tận lực thực hiện trong khả năng mà tu hành là làm hiển lộ cho được cái thế giới ấy. Do đó ngài Nhựt Liên mới gọi là một niệm trọn đủ ba nghìn là như thế. Chính từ Ngài thuyết ra “Một niệm ba nghìn”. Về điểm này, kinh Pháp Hoa nửa cuốn sau phần BỔN

(*) THẬP NHƯ THỊ hay MƯỜI TƯỚNG TRẠNG của vạn sự vạn vật trong vũ trụ: TƯỚNG như vậy, TÁNH như vậy, THỂ như vậy, LỰC như vậy, TÁC như vậy, NHÂN như vậy, DUYÊN như vậy, QUẢ như vậy, BÁO như vậy, TRƯỚC SAU rớt ráo như vậy (Như thị TƯỚNG, như thị TÁNH, như thị THỂ, như thị LỰC, như thị TÁC, như thị NHÂN, như thị DUYÊN, như thị QUẢ, như thị BÁO, như thị BỔN MAT cứu cánh đẳng...).

(**) Ba loại thế gian: HỮU TÌNH THẾ GIAN, chỉ chung cho những loài có tình thức hay tánh biết, VÔ TÌNH THẾ GIAN, bao hàm những sinh thực vật không có tình thức và KHÍ THẾ GIAN, tức bao gồm sơn hà, đại địa...

Môn tiếp tục hiển phát tư tưởng này. Phần then chốt (Bổn Môn) nhằm tới vĩnh viễn lâu xa là làm sáng tỏ phần chính yếu ấy, và niệm đức Phật Thích Ca một niệm là niệm cả ba nghìn thế giới (Vì cảnh Phật là cảnh giới giác ngộ) và cũng chính là niệm cái hiện hữu xưa nay. Ngoài cảnh giới Phật, còn 9 cõi khác nhau vẫn hiện hữu. Từ cõi Phật vĩnh viễn ấy bao hàm trong 9 cõi, lập nên 10 cảnh giới có tương quan với nhau. Từ đó giữa chúng ta với chư Phật quá khứ đều đồng nhất thể trong lập trường Vĩnh Viễn và chắc chắn có sự tự giác. Vì một niệm của ta và một niệm của Phật đều đồng nhất, nên có sự dung thông đến 3000 thế giới là cảnh Phật. Điểm then chốt của một niệm ba nghìn là một sự thật vĩnh viễn có tương quan tương liên đến 10 cõi cũng đều từ một niệm ấy mà thành. Ngài Nhựt Liên y cứ vào một niệm ba nghìn thế giới rồi tóm lược cảnh giới giác ngộ của Phật hàm chứa trong bộ kinh Pháp Hoa như là ngọc minh châu vậy.

Nói một cách khác, một niệm 3 nghìn thế giới là tiếp tục làm hiển phát Đại Mạn Đà La (Daiman dara). Dĩ nhiên kinh Diệu Pháp Liên Hoa gọi theo cách thông thường là kinh Pháp Hoa; còn trong trường hợp 5 chữ “Diệu Pháp Liên Hoa kinh” hoặc 7 chữ “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” đây không còn là tên kinh Pháp Hoa thông thường mà đã biểu trưng cái tinh túy của kinh điển. Thế nên, tên kinh cũng đã biểu hiện được luôn cho cả cái thể nữa. Song điểm cốt tủy của kinh Pháp Hoa nằm ở phẩm Thọ Lượng, đã hàm chứa “Một niệm 3 nghìn”. Theo đó đối với người nào ý thức được vấn đề “Một niệm 3 nghìn” là phát khởi Phật Đại Bi (Diệu Pháp), trong 5 chữ (như cái túi) hàm chứa viên ngọc báu trong bầu áo của gã cùng tử, và chính trong “Quán Tâm Bổn Tôn sao” cũng có thuật câu chuyện trên.

Trường hợp đề kinh 5 chữ không đơn thuần như ta nghĩ, vì trong một niệm thông suốt đến 3 nghìn cõi đã hàm chứa đầy đủ được tất cả. Phần chính yếu của phẩm “Thọ Lượng” có thể nằm trọn trong 5 chữ Diệu Pháp Liên Hoa kinh”. Như vậy, một niệm 3 nghìn, cũng như 5 chữ bao nhiếp phần chính của phẩm Thọ Lượng đều không thể tách biệt hẳn được, vì trong một niệm 3 nghìn biểu hiện phần giáo lý. Theo giáo lý, dù 5 chữ hay 7 chữ cũng đều biểu hiện cái chân thật do quán chiếu tự tâm đưa lại các pháp thực tiễn cụ thể giúp ta rất nhiều trong thời kỳ mạt pháp.

Chúng ta thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, lòng phải tin, miệng niệm và thân phải thực hành. Cho nên chữ “Quy y” (Ki-e) hàm ý trong 2 tiếng “Nam Mô” đã có trong câu “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh”. Trên đây nhắc tới những điểm chính hướng tới đức Bồ Tôn có đầy đủ trong “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh”, lòng tin tưởng, miệng niệm và phải thọ trì; ngoài ra còn khuyến nhắc mọi người cùng thực hành, chắc chắn cái khổ của cá nhân không những tiêu trừ mà lý tưởng xã hội (của giới đàn) tức cảnh Phật (Cõi Phật) cũng có thể thực hiện được.

Các tông phái Phật giáo đều nhắc tới 4 phần quan trọng là: giáo (răn dạy), lý (giáo pháp), hành (thực hành) và chứng (chứng ngộ hay đạt đến lý tưởng). Đối với tông Nhật Liên, ngài Nhật Liên tin tưởng đã hiểu thấu suốt tính cách thực tiễn của kinh Pháp Hoa qua giáo, lý, hành và chứng mà trong ngũ cương cũng có ghi rõ phần giáo và lý; còn trong “Tam Mật” có hành và chứng vậy.

NIÊN BIỂU LƯỢC SỬ PHẬT GIÁO NHẬT BẢN

Năm Sự kiện Phật giáo	Sự kiện tổng quát	Thế giới sử
538 Thánh Minh Vương công bố PG (còn một thuyết vào năm 552)		Nhà Tùy thống nhất T.Q (589)
593	Thánh Đức Thái Tử (574-622). Suy Cổ Thiên Hoàng lên	
594 Vua ban chiếu hưng long T.Bảo		
604	Lập bản hiến pháp 17 điều	
607 Lập chùa Pháp Long (Kyoto)	Tiểu Giả Muội Tử sang Tùy	Đạo Islam th.lập (610)
615 Hoàn thành bộ “Tam kinh Nghĩa Sớ”		Mở đầu nhà Đường (618)
645	Cải cách toàn diện mọi mặt	Ngài Huyền Trang sang Ấn Độ (633-645)
657 Đại Hội Vu Lan (Rằm tháng 7) Công cuộc biên kinh bắt đầu		
680 Lập chùa Dược Sư (hoàn tất 697)		
700 Ngài Đạo Chiếu tịch (lần đầu tiên hỏa thiêu)		
710	Dời đô đến Nara	
712	Thành hình tập “Cổ Sự ký”	
713	Thành hình tập “Phong Thổ ký”	
717 Ngài Hành Cơ hoạt động nổi bật		
720	Lập thư tịch Nhật Bản	P.G Tây Tạng truyền sang
741 Sắc chiếu lập chùa Quốc Phân và Quốc Phân Ni tự (xong độ 770)		
752 Lễ khai quang pho tượng Phật chùa Đông Đại Tự (Nara)	Thành hình “Vạn Diệp tập”	
754 Ngài Giám Chân sang Nhật		
755 Đại giới đàn tại chùa Đông Đại tự		
759 Lập chùa Đường Chiêu Đề		

794		Dời đô tới Kyoto	
805	Ngài Tồi Trùng từ T.Q. trở về		
806	Ngài Không Hải từ T.Q. về, thành lập tông Chân Ngôn		
822	Sắc chỉ mở đại giới đàn Bồ tát	Thành hình “N.B.Linh Dị ký”	
847	Ngài Viên Nhân từ T.Q. trở về		
905		Thành hình “Cổ Kim hòa ca”	Đường diệt. Đời Ngũ Đại thay thế
938	Ngài Không Dã đề xướng pháp môn Niệm Phật		
985	Ngài Nguyên Tín thành hình tập “Vãng Sanh yếu tập”		Bắt đầu nhà Tống-960
1006		Thành hình 2 tập “Nguyên thị Vật Ngữ và Châm Thảo Chi”	
1052	Khởi đầu thời mạt pháp năm t.l		Đệ I Thập Tự quân
1053	Hoàn thành Viện Bình Đẳng thuộc chùa A Di Đà tại Vũ Trị		
1086		Thiên Hoàng Bạch Hà nhiếp chính	
1124	Ngài Lương Nhẫn lập tông Dung Thông Niệm Phật		Lập đền Angkor-Cambot
1126	Lập chùa Trung Tôn		
1156		Loạn Bảo Nguyên	
1159		Loạn Bình Trị	
1164	Phụng nạp chép kinh tại thần xã Bình Thanh Thạnh và Nghiêm Đào		
1175	Ngài Pháp Nhiên thuyết về pháp Chuyên tu niệm Phật		
1185		Bình Gia (Hirakei) diệt vong	
1191	Ngài Vinh Tây từ Tống quốc trở về	Trong khoảng này Tây Hành hoạt động khởi sắc	
1192		Nguyên Lại triều, loạn tướng quân	
1205		Thành hình tập “Tân Cổ kim hòa ca”	PG Ấn suy. Islam chi phối B.Ấn
1224	Ngài Thân Loan viết bộ: “Giáo Hạnh Tín Chứng”		Jingiskan Th.nhất M.Cổ
1227	Ngài Đạo Nguyên từ T.Q. trở về		
1224		Thành hình tập “Bình Gia Vật ngữ”	
1252	Khánh thành đại Phật Kamakura		
1253	Ngài Nhật Liên lập tông Nh.Liên		M.Cổ thấu hồi q.hiệu
1274		Mông Cổ quấy nhiễu (loạn Văn Vĩnh)	

- 1276 Ngài Nhất Biên lập Thời Tông với pháp “Kinh hành niệm Phật”
- 1281 Mông Cổ nhiễu loạn (loạn Hoàng An)
- 1290 Ngài Nhựt Hưng lập chùa Đại Thạch
- 1322 Ngài Oánh Sơn Thiệu Căn lập C.Tổng Trì
- 1329 Kiến Võ trung hưng. Thành hình Tập “Đồ Nhiên Thảo” trong thời này
- 1337 Lập chùa Diệu Tâm
- 1338 Túc Lợi Tôn lập “Thất Đinh Mạc phủ”
- 1339 Lập Hoa Viên chùa Tây Phương
- 1392 Thống nhất Nam Bắc triều Nguyên diệt. Minh thay
- 1398 Lập chùa Kim Các
- 1467 Loạn Ứng Nhân khởi loạn
- 1471 Ngài Liên Như truyền giáo tại vùng Yoshi zaki (Việt Tiền)
- 1474 Ngài Nhứt Hưu Tông Thuần trụ trì chùa Đại Đức
- 1482 Lập chùa Ngân Các
- 1488 Chức “Nhứt Hướng Nhứt Quý” Columbus tìm ra C. Mỹ
- 1499 Lập đình viên chùa Long An
- 1549 Portgal đến đảo Kozima
- 1549 Zabiere truyền bá đạo Thiên Chúa
- 1573 Tín Trương thiêu núi Tỷ Duệ
- 1585 Thất Đinh mạc phủ diệt vong
- 1591 Thiên Lợi Hưu tạt sát
- 1600 Chiến nạn Kangenbara
- 1602 Chia hai phái Đông-Tây Bồn Nguyên
- 1603 Mở đầu thời Đức Xuyên Mạc Phủ
- 1617 Lập Đông Chiếu cung Nikko
- 1625 Lập chùa Khoan Vĩnh-Ueno
- 1635 Đặt việc tế tự tại Thần Xã
- 1637 Loạn Shimabara
- 1638 Ngài Trạch Am Tông Ảnh Đất nước hoàn toàn bị nô lệ
Lập chùa Đông Hải
- 1640 Lập chế độ đàn gia
- 1648 Ấn hành kinh điển do XB.Tenkai
- 1650 Lập chi nhánh các chùa nhiều nơi
- 1654 Ngài Ấn Nguyên Long Kỹ từ T. Q. truyền tông Hoàng Bá sang Nhật

1681	Ngài Thiết Nhãn Đạo Quang ấn bản kinh, truyền tông Hoàng Bá		
1768	Ngài Bạch Ẩn Huệ Hạc mất		
1774	Ngài Lương Khoan xuất gia tu Phật		Mỹ tuyên ngôn đ.lập
1798		Thành hình bộ truyện “Cổ Sự ký”	CM Pháp
1814		Hắc Trụ tông Trung với Hắc Trụ giáo	
1838		Trung Sơn Mi Ky lập Thiên Lý giáo	
1841		Cách Mạng Thiên Bảo	Chiến tranh nha phiến
1853		Pely đến Bồ Hạ	Mark-tuyên ngôn CS
1859		Đạo Tin Lành truyền nhập	
1868	Ra lệnh tách biệt Thần với Phật, nạn bài xích PG bắt đầu	Vua Minh Trị duy tân	
1872	Nhóm Shimazikuroi du lịch Âu Châu	Sử dụng lịch Tây	Chiến tranh Nam Bắc
1876	Tăng sĩ được ăn mặn lấy vợ. Các tông phái PG vận động độc lập	Cấm đạo Thiên Chúa	
1885	Ấn bản hoàn thành “Đại Tạng kinh”		
1889		Hiến pháp đế quốc lập	
1892		Deguchi-Nao lập Đại Bản giáo	
1894		Nhật-Thanh chiến tranh	
1903	Đại Cốc Quang Đoan thám hiểm trung bộ Á Châu trở về nước		
1904		Nhật-Lộ chiến tranh	
1910		Nhật-Hàn hiệp ước	
1912	Ấn hành “Đại NB.PG toàn thư” (160 q)		T.H.Dân quốc th.lập
1913		Đại hội PG thế giới (tại San Francisco)	
1914		Thế chiến thứ nhất	
1916		Hyakuzan Kamata viết “Người xuất gia và đệ tử”	
1921	Hoàn thành bộ “Đại Tạng kinh” (gồm 100 quyển)		
1925	Okubo và Otani tổ chức lại Linh Hữu Hội		

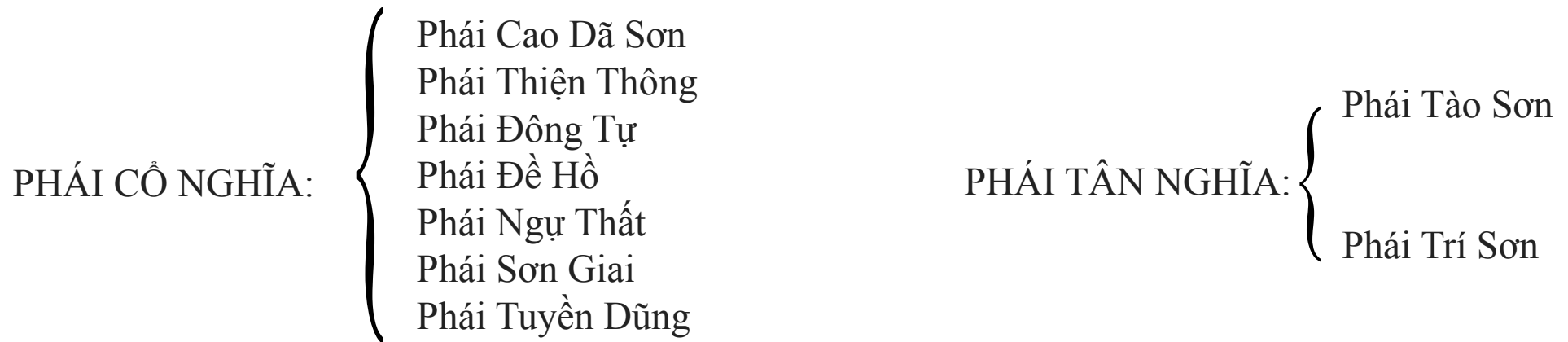
- 1930 Jozino Mukuguchi lập Shokagakkai
- 1932 Mãn Châu lập quốc
- 1938 Nichikei Niwano và Myoko
Naganu thành lập Rissho kosekai
(Lập Chánh Giáo Thành Hội)
- 1941 NB dự đệ nhị thế chiến
- 1945 Đệ II thế chiến chấm dứt Ấn Độ-Pakistan độc lập.
Th.lập CH.ND.T.H.
- 1951 Công bố điều lệ pháp nhân tôn giáo
- 1952 Đại hội PG thế giới kỳ II tại Tokyo
- 1953 Đại hội PGNB lần thứ nhất tại Koyasan Ch. Tranh Triều Tiên
- 1954 Thống Nhất Phật Giáo Nhật Bản
- 1965 Thành lập hội truyền bá Phật giáo NB
- 1978 Đại hội PG thế giới kỳ 12 tại Tokyo

TÔNG THIÊN THAI (NGÀI TỐI TRÙNG: 806)

Tông Thiên Thai	Phái Tự Môn (Viên Trân: 993)	Phái Chân Thanh (Chân Thanh (1486)
1- Tông Thiên Thai Chùa Diên Lịch	2- Tịnh Độ Chân tông Viện Di Ngưỡng	3- Kim Phong tu nghiêm bốn tông Chùa tô đình Kim Phong Sơn
4- Niệm Pháp Chân Giáo	5- An Mã Hoàng Giáo Chùa An Mã	6- Tông Viên Tịnh Chùa Thanh Sơn
7- Hòa tông Chùa Tứ Thiên Vương	8- Tông Diệu Kiến Chùa Bốn Am	9- Vĩ Trương Koyasan Chùa Nham Ốc
10-Phân Hà Quan Âm Chùa Phân Hà	11-Tu Nghiêm Đạo Viện Ngũ Lưu Tôn Thác	12- Tông Đại Hòa
13-Tông Kim Cương	14-Tông Tây Sơn Chùa Tam Niêm	15- Thánh Quan Âm tông Chùa Thiên Thảo
16-Thiên Thai phái Tự Môn Chùa Viên Thành	17- Tu Nghiêm tông Viện Thánh Hộ	18- Tông Thạch Thổ Chùa Thạch Trung
19-Tông Nghiêm Thừa (tại Hiroshima)	20- Tông Chân Thạnh Chùa Tây Giáo.	

Tông Chân Ngôn thuộc hai phái Cổ Nghĩa và Tân Nghĩa. Phái Cổ Nghĩa chia ra 7 tông phái và phái Tân Nghĩa phân ra hai phái. Cho đến nay Chân Ngôn có tất cả là 55 tông phái khác nhau.

TÔNG CHÂN NGÔN (NGÀI KHÔNG HẢI: 816)



- | | | |
|--|---|--|
| 1- Phái Cao Dã Sơn
chùa Kim Cang Phong | 2- Phái Khuyển Minh
chùa Thất Bảo Thác | 3- Phái Trung Sơn
thân ngũ chánh tông |
| 4- Phái Phì Châu
Cao Dã Sơn Ch.Tâm ngôn | 5- Phái chùa Đại Giác | 6- Phái Tu Nghiệm
chùa Oai Đức |
| 7- Phái Linh Vân | 8- Phái chùa Tu Ma | 9- Phái chùa Linh Sơn |
| 10-Nhứt Thiết tông
Giáo Hội đại sư Cao DS | 11-Tín Quý Sơn
ch.Triều Hộ Tôn | 12- Bất Động Giáo |
| 13-Tỳ Lô Xá Na
chùa Thiên Thủ | 14-Chân Ngôn Mật tông
ch.Kim Cang Bất hoại | 15-Tân Chân Ngôn
ch.Trường Vinh |
| 16-Tân PG tông Không Hải
chùa Tây Nam | 17-Giáo Đoàn Ngũ Trí
chùa Phương Lai | 18-Thiên tông |

19-Phái Thiện Thông
chùa Thiện Thông

20-Phái chùa Kim Cương
chùa Bồn Giác

21-Phái chùa Đông Tụ
ch.Giáo Vương Hộ Quốc

22-Phái Đề Hồ
chùa Đề Hồ

23-Hội Giải Thoát

24-Chân Như Uyển

25-Tông Thánh Thiên
chùa Phước Điền

26-Phái Phượng Các
chùa Phượng Các

27-Phái Ngự Thất
chùa Nhân Hòa

28-Phái Vinh Minh
chùa Vinh Minh

29-Tông Tam Bảo
chùa Thành Trung

30-Tông Thạch Chùy sơn
chùa Cực Lạc

31-Giáo đoàn Cửu Châu
chùa Đông Trường

32-Phái Viện Hoa Sơn
Viện Hoa Sơn

33-Phái Thạch Chùy
chùa Tiền Thần

34-Phái Trung Sơn
chùa Trung Sơn

35-Phái Tây Quốc
chùa Tây Quốc

36-Phái Sơn Giai
chùa Khuyển Tu

37-Tông Quan Âm
ch.Quan Âm Đại Thánh

38-Tông Quang Minh
Viện Quang Minh Bảo

39-Hội Minh Toán
Viện Tạng viện

40- Phái Quốc Phân
chùa Quốc Phân

41- Tông Quan Âm cứu thế
Viện Hộ Quốc

42- Phái Dân Chủ Nhi Ngọc
Viện Từ Chiếu

43- Phái Tuyên Dũng
chùa Tuyên Dũng

44- Phái Tào Sơn
chùa Trường Cốc

45- Phái Đại Nhựt

46 P.Thang Điện sơn Tạn N.
chùa Trụ Liên

47- Giáo Đoàn Chân Ngôn
chùa Kê Túc

48- Phái Thất Sanh
chùa Thất Sanh

49- Phái Trí Sơn
Viện Trí Tích

50- Phái Tân Nghĩa
chùa Căn Lai

51- Giáo đoàn chữ Vạn
Bát Diệp các (C.D.S)

52- Bát tông kiêm học
Chân tu giáo

53- Phái Tân Giác Pháp
chùa Tân Giác Pháp

54- Phái Đại Sư

55- Phái Thọ Chiếu
chùa Thọ Chiếu

56- Tông Biện Thiên
chùa Như Ý

57- Biện Thiên tông
chùa Minh Ứng

Tông Tịnh Độ chia thành 12 phái, khởi đầu từ ngài Pháp Nhiên (1175). Trong số các tông phái ấy còn chia ra 32 phái khác nữa, như lược biểu sau đây:

TÔNG TỊNH ĐỘ

- | | | |
|------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1- Tông Tịnh Độ | 2- Phái Tây Sơn Tịnh Độ | 3- Phái T.Đ.Chân Tông |
| 4- Phái Cao Điền | 5- Phái Ba Môn Đồ | 6- Phái Mộc Biên |

Phái Tịnh Độ của Ngài Pháp Nhiên lập còn chia ra thành 3 tông phái khác nữa:

- | | | |
|--------------------------|-----------------|--------------------|
| 1- Tông Tịnh Độ Bốn phái | 2- Tịnh Độ tông | 3- Hắc Cốc Tịnh Độ |
|--------------------------|-----------------|--------------------|

và 3 tông phái khác từ những phái trên chia thành như sau:

- | | | |
|------------------------------|-----------------------------|----------------------|
| 1- Tông Tịnh Độ -Viện Tri Ân | 2-Phái Xã Thế-Viện Nhứt Tâm | 3- Thích Tôn Thái tử |
|------------------------------|-----------------------------|----------------------|

Tịnh Độ Phái Tây Sơn chia thành 3 phái: phái Tây Sơn - chùa Quang Minh với Ngài Chứng Không (1242), phái Tây Sơn - chùa Thiên Lâm với Ngài Tĩnh Am (mất 1271) và Tịnh Độ phái Thiên Thảo. Phái Tịnh Độ Tây Sơn còn chia thành 5 phái nữa, như bảng dưới đây:

Tịnh Độ phái Tây Sơn

- 1-Tây Sơn-chùa Quang Minh 2-Tây Sơn-chùa Thiên Lâm 3-Phái Thiên Thảo-chùa Thệ Nguyễn
4-Thiên Thảo Tịnh Độ 5-Phái chùa Mạn Đà La

Chân tông Tịnh Độ, theo hệ phái của Ngài Thân Loan (Shinran: 1224) còn chia thành 10 phái khác nữa như sau:

CHÂN TÔNG (NGÀI THÂN LOAN)

- A-1-Phái chùa Bôn Nguyễn 2-T.Đ.Chân tông chùa Tây Bôn Nguyễn 3-Chân Tông P.Giáo**
- B-1-Phái Đại Cốc 2-Chân Tông Đại Cốc-chùa Đông B.Nguyễn 3-Phái Tịnh Hưng**
ngài Giáo Như: 1602 Tổ đình – Kyoto chùa T.Hưng
- 4-Phái Trường Sanh 5-Giáo Đoàn Đồng Minh-Viện Bình Đăng 6-Nguyên Thủy CT

C-Phái Cao Điền có 2 hệ phái: 1-Phái Cao Điền-chùa Chuyên Tu 2-Phái Bắc Bồn Nguyễn

D-Phái 3 Môn Đồ: Ngài Như Đạo: 1290 - chùa Chuyên Chiếu (không chia phái)

E-Phái Mộc Biên: Ngài Từ Không (mất năm 1330) - chùa Cẩm Chúc (không chia phái)

G-Phái chùa Phật Quang: Ngài Liễu Nguyên: 1330, còn chia thành hai hệ phái khác:

1-Phái Phật Quang-chùa Phật Quang

2-Phái Chân Tín-chùa Tịnh Quang

H-Phái Xuất Vân Lộ: Ngài Thừa Chuyên: 1331- chùa Hào Nhiếp (không chia phái)

I-Phái Sơn Nguyên: Ngài Thân Loan: thế kỷ 13 - chùa Chứng Thành

K-Phái Thành Chiếu - chùa Thành Chiếu: Ngài Như Giác, thế kỷ 15

L-Phái Hưng Chánh: Ngài Kinh Hào: 1476, chia thành hai phái khác nữa:

1-Phái Hưng Chánh - chùa Hưng Chánh

2-Phái Nhứt Vị Môn Đồ

Ngoài ra các phái thuộc hệ Chân Tông còn có 3 phái khác nữa như sau:

M-Hệ Chân Tông: 1-Phật Nhân ch.Linh Thứu 2- Giáo Hội Đại Pháp Luân Quang Diệu 3- Giáo Hội Hòa Hiệp

Tông Dung Thông Niệm Phật (Ngài Lương Nhẫn: Ryonin: 1117) chùa Đại Niệm Phật.

Thời Tông (Ngài Nhứt Biến: Ippen: 1276 - chùa Thanh Tịnh Quang

Tông Lâm Tế chia thành hai nhánh: phái chùa Kiến Nhân và phái chùa Quốc Thái. Phái chùa Kiến Nhân do Ngài Minh Tây khai sáng, chia thành 12 phái khác nữa:

Phái chùa Kiến Nhân (Ngài Eisai: 1202)

1-Chùa Kiến Trường	2-Chùa Đông Phước	3-Chùa Viên Giác
4-Chùa Nam Thiên	5-Chùa Đại Đức	6-Chùa Diệu Tâm
7-Chùa Thiên Long	8-Chùa Vĩnh Nguyên	9-Chùa Hương Nhạc
10-Chùa Tướng Quốc	11-Chùa Phương Quảng	12-Chùa Phật Thông

Phái Kiến Nhân còn phân ra thành 17 hệ phái khác nhau nữa, như bảng dưới đây:

- | | | |
|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1-Chùa Kiến Nhân | 2-Chùa Kiến Trường | 3-Chùa Đông Phước |
| 4-Chùa Viên Giác | 5-Giáo đoàn nhân gian Thiền | 6-Lưỡng vọng Hiệp Hội Thiền |
| 7-Chùa Nam Thiên | 8-Chùa Đại Đức | 9-Chùa Diệu Tâm |
| 10-GĐ Nhứt Điền Dược Sư | 11-Chùa Thiên Long | 12-Chùa Vĩnh Nguyên |
| 13-Chùa Hương Nhạc | 14-Chùa Tướng Quốc | 15-Chùa Hưng Thánh |
| 16-Chùa Phương Quảng | 17-Chùa Phật Thông | |

Tông Tào Động do ngài Đạo Nguyên khai sáng, có hai đại Tổ đình là chùa Vĩnh Bình (Ehei-ji) tại tỉnh Fukui và chùa Tổng Trì (Soji-ji) tại Tokyo. Tuy không chia phân nhiều phái như các tông khác, Tào Động vẫn có các vị kế thừa tổ đạo. Kế ngài Đạo Nguyên (Dogen: 1244), Ngài Oánh Sơn Thiệu Căn (1321) lập chùa Vĩnh Bình. Từ tổ đình chùa Vĩnh Bình còn phân thành:

- | | | |
|------------------------------------|-----------------------------|----------------------|
| 1-Giáo Đoàn Tam Bảo
-Am Tam Bảo | 2-Tông Như Lai Tả Tánh Viện | 3-Giáo Đoàn Nhứt Tôn |
|------------------------------------|-----------------------------|----------------------|

Tông Hoàng Bá (Ngài Ân Nguyên: ingen: 1654), ngôi Tổ đình là chùa Vạn Phước-Manfukuji.

Tông Nhựt Liên, do ngài Nhựt Liên sáng lập, chia thành 10 tông phái khác nhau như bảng sau đây:

TÔNG NHỰT LIÊN (NGÀI NHỰT LIÊN: NICHIREN: 1253)

- | | | |
|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| 1-Bồn Môn Nhựt Liên (Ngài Nhựt Hưng) | 2-Hiền Bồn Pháp Hoa | 3-Nhựt Liên Chánh tông |
| 4-Tông Pháp Hoa, ngài Nhựt Trân: 1369 | 5-Bồn Môn Pháp Hoa | 6-Bồn Diệu Pháp Hoa |
| 7-Phái Bất thọ bất thí, ngài Nhựt Áo | 8-Bất thọ bất thí giảng môn | |
| 9-Hội Quốc Trụ, Ngài Trí Học (1885) | 10-Linh Hữu Hội (Reiyukai) | |

Tông Nhựt Liên – Những ngôi Tổ đình thuộc các hệ phái khác nhau như sau:

Tông Nhựt Liên - Chùa Cửu Viễn (Kuon-ji)

- Tông Nhựt Liên, đại Tổ đình, chùa Kinh Pháp Hoa
- Nhựt Liên Bồn tông - chùa Yếu Pháp
- Pháp Hoa Chân tông Tổng Bồn Viện
- Pháp Hoa Nhựt Liên tông - chùa Bảo Long
- Đại Tăng Già Nhật Bản - chùa Diệu Pháp

B-Bất Thọ Bất Thí: Bất Thọ Bất Thí Giảng Môn – Bồn Hóa Chánh tông (chia thành 2 phái):

1-Nhựt Liên Bất thọ bất thí – Bồn Hóa Nhựt Liên 2-Nhựt Liên Giảng Môn

C-Hội Quốc Trụ chia thành hai: 1-Bồn Hóa Diệu Tông liên minh 2-Hội Chánh Pháp

D-Linh Hữu Hội (Reiyukai) có 3 phân hội và 8 phái khác nữa, như bảng dưới đây:

1-Hiểu Đạo giáo đoàn 2-Tư Thân Hội 3-Hỷ Tâm Hội 4-Lập Chánh Giáo Thành Hội

1-Linh Hữu Hội	2-Hội Diệu Trí	3-Hội Pháp Sư
4-Hội Sở Hộ Niệm Phật	5-Hội Chánh Nghĩa	6-Hội Diệu Đạo
7-Đại Huệ Giáo Đoàn	8-Hội Đại Từ	9-Hiểu Đạo Giáo Đoàn
10-Hội Tư Thân còn phân thành Hội Bồ Tâm		11-Lập Chánh Giáo Thành Hội

Các hệ phái thuộc ngài Nhựt Liên còn chia thành như sau:

1-Đại Thừa Giáo	2-Hội Linh Pháp	3-Giáo Hội Phật đạo Diệu Kiến khai vận
4-Nhựt Liên Thánh tông	5-Giáo đoàn Đại Thừa	6-Giáo đoàn Nhựt Quang
7-Bồn Bộ Báo Thân giáo	8-Tông Lập Chánh	9-Đại Nhựt Liên tông
10-Thiên Hiến giáo	11-Hội Đoàn Pháp	

B-Bất Thọ Bất Thí: Bất Thọ Bất Thí Giảng Môn – Bồn Hóa Chánh tông (chia thành 2 phái):

1-Nhựt Liên Bất thọ bất thí – Bồn Hóa Nhựt Liên 2-Nhựt Liên Giảng Môn

C-Hội Quốc Trụ chia thành hai: 1-Bồn Hóa Diệu Tông liên minh 2-Hội Chánh Pháp

D-Linh Hữu Hội (Reiyukai) có 3 phân hội và 8 phái khác nữa, như bảng dưới đây:

1-Hiếu Đạo giáo đoàn 2-Tư Thân Hội 3-Hỷ Tâm Hội 4-Lập Chánh Giáo Thành Hội

1-Linh Hữu Hội	2-Hội Diệu Trí	3-Hội Pháp Sư
4-Hội Sở Hộ Niệm Phật	5-Hội Chánh Nghĩa	6-Hội Diệu Đạo
7-Đại Huệ Giáo Đoàn	8-Hội Đại Từ	9-Hiếu Đạo Giáo Đoàn
10-Hội Tư Thân còn phân thành Hội Bồ Tâm		11-Lập Chánh Giáo Thành Hội

Các hệ phái thuộc ngài Nhựt Liên còn chia thành như sau:

1-Đại Thừa Giáo	2-Hội Linh Pháp	3-Giáo Hội Phật đạo Diệu Kiến khai vận
4-Nhựt Liên Thánh tông	5-Giáo đoàn Đại Thừa	6-Giáo đoàn Nhựt Quang
7-Bồn Bộ Báo Thân giáo	8-Tông Lập Chánh	9-Đại Nhựt Liên tông
10-Thiên Hiển giáo	11-Hội Đoan Pháp	

Tông Pháp Tướng do Ngài Đạo Chiếu lập, có 5 phái khác nhau là:

1-Pháp Tướng - chùa Nam Đô Hưng Phước và chùa Dược Sư

2-Tông Thánh Đức (Shotoku-Taishi) - chùa Pháp Long

3-Tông Bất Động - chùa Bất Động

4-Tông Diệu Pháp - Viện Diệu Pháp

5-Bắc Pháp Tướng- chùa Thanh Thủy.

Tông Hoa Nghiêm (Ngài Thâm Tướng: 740) - Chùa Đông Đại Tự tại Nara.

Luật Tông, Ngài Giám Chân (759) – Đại Tổ đình: chùa Đường Chiêu Đế tại Nara.

Chân Ngôn Luật tông - Chùa Tây Đại Tự.

Ngoài ra còn hai giáo phái khác cũng thuộc hệ Chân Ngôn là: Gedatsu giảng và Phước Điền Hải tại tỉnh Okayama.

TỔNG SỐ CÁC TÔNG PHÁI VÀ TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO NHẬT BẢN (Bản thống kê 31 tháng 12 năm 1977)

	<i>SỐ TỔ CHỨC</i>	<i>H.Đ. HỢP PHÁP</i>	<i>SỐ GIÁO SU</i>	<i>TÍN ĐỒ</i>
<i>TỔNG SỐ CÁC TÔNG PHÁI</i>	83,819	75,062	171,017	84,349,532

HỆ PHÁI TÔNG THIÊN THAI

<i>TÔNG THIÊN THAI</i>	3305	3085	3842	610,135
<i>THIÊN THAI PHÁI TỰ MÔN</i>	283	195	957	387,030
<i>THIÊN THAI PHÁI CHÂN THẠNH</i>	419	419	471	63,800
<i>TU NGHIÊM TÔNG</i>	230	137	547	97,752
<i>TU NGHIÊM ĐẠO</i>	194	62	803	104,128
<i>NGHIÊM THỪA TÔNG</i>	17	8	79	4629
<i>TU NGHIÊM BỒN TÔNG KIM PHONG SƠN</i>	272	101	2492	171,660
<i>KIM CANG TÔNG</i>	17	3	43	76,450
<i>TÔNG THẠCH THỔ</i>	50	22	336	29,100
<i>TÔNG VIÊN TỊNH</i>	10	3	135	13,200
<i>HÒA TÔNG</i>	30	29	92	2,220,820

<i>HỆ PHÁI CHÂN NGÔN</i>	<i>SỐ TÔNG PHÁI</i>	<i>H.Đ. HỢP PHÁP</i>	<i>SỐ GIÁO SƯ</i>	<i>TÍN ĐỒ</i>
<i>PHÁI CAO DÃ SƠN</i>	<i>3,572</i>	<i>3,517</i>	<i>5,632</i>	<i>4,276,900</i>
<i>PHÁI ĐỀ HỒ</i>	<i>1,086</i>	<i>865</i>	<i>1,970</i>	<i>341,185</i>
<i>PHÁI CHÙA ĐÔNG TỰ</i>	<i>113</i>	<i>113</i>	<i>203</i>	
<i>ĐÔNG TỰ CHÂN NGÔN</i>	<i>152</i>	<i>153</i>	<i>153</i>	<i>171,000</i>
<i>PHÁI TUYÊN DŨNG</i>	<i>55</i>	<i>54</i>	<i>70</i>	<i>42,900</i>
<i>PHÁI SƠN GIAI</i>	<i>145</i>	<i>136</i>	<i>275</i>	<i>54,700</i>
<i>PHÁI NGỰ THẤT</i>	<i>789</i>	<i>776</i>	<i>1246</i>	<i>231,870</i>
<i>PHÁI ĐẠI GIÁC</i>	<i>384</i>	<i>377</i>	<i>625</i>	<i>43,100</i>
<i>PHÁI THIỆN THÔNG</i>	<i>239</i>	<i>200</i>	<i>849</i>	<i>286,620</i>
<i>PHÁI TRÍ SƠN</i>	<i>2870</i>	<i>2870</i>	<i>3456</i>	<i>1,528,536</i>
<i>PHÁI TÀO SƠN</i>	<i>2477</i>	<i>2477</i>	<i>2548</i>	<i>1,188,727</i>
<i>PHÁI TÂN NGHĨA</i>	<i>209</i>	<i>209</i>	<i>186</i>	<i>26,368</i>
<i>PHÁI LINH VÂN</i>	<i>32</i>	<i>32</i>	<i>42</i>	<i>8,900</i>
<i>PHÁI CHÙA TU MA</i>	<i>30</i>	<i>10</i>	<i>37</i>	<i>61,800</i>

<i>HỆ PHÁI CHÂN NGÔN</i>	<i>SỐ TÔNG PHÁI</i>	<i>H.Đ. HỢP PHÁP</i>	<i>SỐ GIÁO SƯ</i>	<i>TÍN ĐỒ</i>
<i>PHÁI CAO DÃ SƠN</i>	<i>3,572</i>	<i>3,517</i>	<i>5,632</i>	<i>4,276,900</i>
<i>PHÁI ĐỀ HỒ</i>	<i>1,086</i>	<i>865</i>	<i>1,970</i>	<i>341,185</i>
<i>PHÁI CHÙA ĐÔNG TỰ</i>	<i>113</i>	<i>113</i>	<i>203</i>	
<i>ĐÔNG TỰ CHÂN NGÔN</i>	<i>152</i>	<i>153</i>	<i>153</i>	<i>171,000</i>
<i>PHÁI TUYỀN DŨNG</i>	<i>55</i>	<i>54</i>	<i>70</i>	<i>42,900</i>
<i>PHÁI SƠN GIAI</i>	<i>145</i>	<i>136</i>	<i>275</i>	<i>54,700</i>
<i>PHÁI NGỰ THẤT</i>	<i>789</i>	<i>776</i>	<i>1246</i>	<i>231,870</i>
<i>PHÁI ĐẠI GIÁC</i>	<i>384</i>	<i>377</i>	<i>625</i>	<i>43,100</i>
<i>PHÁI THIÊN THÔNG</i>	<i>239</i>	<i>200</i>	<i>849</i>	<i>286,620</i>
<i>PHÁI TRÍ SƠN</i>	<i>2870</i>	<i>2870</i>	<i>3456</i>	<i>1,528,536</i>
<i>PHÁI TÀO SƠN</i>	<i>2477</i>	<i>2477</i>	<i>2548</i>	<i>1,188,727</i>
<i>PHÁI TÂN NGHĨA</i>	<i>209</i>	<i>209</i>	<i>186</i>	<i>26,368</i>
<i>PHÁI LINH VÂN</i>	<i>32</i>	<i>32</i>	<i>42</i>	<i>8,900</i>
<i>PHÁI CHÙA TU MA</i>	<i>30</i>	<i>10</i>	<i>37</i>	<i>61,800</i>

<i>PHÁI KHUYỄN MINH</i>	828	8	649	23,258
<i>PHÁI QUỐC PHÂN</i>	111	41	971	219,718
<i>PHÁI PHƯỢNG CÁC</i>	134	11	151	19,360
<i>PHÁI KIM CƯƠNG</i>	179	15	1075	66,900
<i>PHÁI ĐẠI NHỰT</i>	5	5	6	15,000
<i>PHÁI THẠCH CHÙY</i>	87	12	322	36,800
<i>NGŨ TRÍ GIÁO ĐOÀN</i>	9	9	8	3,000
<i>GIÁO ĐOÀN CŨU CHÂU</i>	42	30	196	20,141
<i>TÍN QUÝ SƠN CHÂN NGÔN</i>	224	10	179	532,991
<i>PHÁI LINH SƠN</i>	4	4	92	14,167
<i>PHÁI TÂN CHÂN NGÔN</i>	3	3	6	4,000
<i>PHÁI QUANG MINH</i>	7	2	8	106,621
<i>MINH TOÀN CHÂN NGÔN</i>	5	5	7	12,800
<i>PHÁI THẠCH CHÙY SƠN</i>	79	7	134	76,800
<i>CHÂN NGÔN MẬT GIÁO</i>	15	2	2	28,730
<i>TÔNG THÁNH THIÊN</i>	2	1	9	1,748
<i>TAM BẢO CHÂN TÔNG</i>	7	7	29	168,849

<i>TÔNG TỖ LÔ XÁ NA</i>	4	4	4	7,668
<i>CHÂN NGÔN GIÁO ĐOÀN</i>	25	15	16	10,810
<i>THIÊN TÔNG</i>	5	2	16	6,640
<i>NHỨT THIẾT TÔNG</i>	41	7	131	136,270
<i>TÔNG QUAN ÂM</i>	2	2	28	497,900
<i>QUAN ÂM CỨU THẾ</i>	16	16	30	15,300
<i>TR.S. THÂN NGŨ CHÁNH TÔNG</i>	314	117	1044	427,480
<i>Q.M.NIỆM PHẬT THÂN NGŨ THÁNH T.</i>	475	7	3338	708,458
<i>BẮT ĐỘNG GIÁO</i>	5	1	15	3,800
<i>BẮT T.KIÊM HỌC CHÂN TU GIÁO</i>	44	9	80	20,060
<i>HỘI GIẢI THOÁT Q</i>	11	4	447	209,425
<i>HỘI CHÂN NHƯ</i>	334	13	2092	454,564
<i>GIÁO ĐOÀN CHỮ VẠN</i>	393	43	731	476,300

HỆ PHÁI TÔNG TỊNH ĐỘ

TÔNG TỊNH ĐỘ	7,047	6,960	8,877	5,967,000
PHÁI XÃ THẾ	6	6	9	3,920
PHÁI TÂY SƠN THÂM THẢO	278	275	326	83,000
PHÁI THIÊN LÂM	373	373	500	178,500
PHÁI TÂY SƠN TỊNH ĐỘ	612	607	824	150,150
PHÁI CHÙA BỒN NGUYỄN	10,517	10,468	23,830	6,907,440
PHÁI ĐẠI CỐC	9,471	9,124	14,744	6,150,141
PHÁI CAO ĐIỀN	644	633	871	268,681
PHÁI HÙNG CHÁNH	529	528	883	148,742
PHÁI CHÙA PHẬT QUANG	390	372	441	141,300
PHÁI BA MÔN ĐỒ	40	40	56	21,600
PHÁI XUẤT VÂN LỘ	68	62	113	13,290
PHÁI SƠN NGUYỄN	21	21	16	2,254
PHÁI CHÙA THÀNH CHIẾU	78	56	63	28,586
PHÁI CHÙA TỊNH HÙNG	14	14	12	700
PHÁI TRƯỜNG SANH	28	5	133	851
PHÁI BẮC BỒN NGUYỄN	7	6	14	8,315
ĐỒNG BẰNG GIÁO ĐOÀN	6	3	16	1,230
PHÁI CHÂN TÍN TỊNH QUANG	36	6	68	169,544
PHẬT GIÁO CHÂN TÔNG	3	3	8	4,200
CH.T. PHÁI HOẰNG NGUYỄN	38	7	42	2,653
THỜI TÔNG	414	414	444	335,253
DUNG THÔNG NIỆM PHẬT	358	358	368	115,976

HỆ PHÁI THIÊN

<i>LÂM TẾ PHÁI DIỆU TÂM</i>	3,427	3,427	3,709	693,070
<i>L.T.CHÙA KIẾN TRƯỜNG</i>	405	404	452	199,677
<i>L.T. CHÙA VIÊN GIÁC</i>	216	209	122	63,000
<i>L.T.CHÙA NAM THIÊN</i>	429	429	781	88,151
<i>L.T.CHÙA PHƯƠNG QUẢNG</i>	241	172	168	69,220
<i>L.T.CHÙA VĨNH NGUYÊN</i>	130	121	142	13,740
<i>L.T.CHÙA PHẬT THÔNG</i>	51	51	56	100,300
<i>LT.CHÙA ĐÔNG PHƯỚC</i>	366	366	352	50,500
<i>L.T.CHÙA TƯỚNG QUỐC</i>	118	118	94	6,400
<i>L.T.CHÙA KIẾN NHÂN</i>	71	71	78	26,350
<i>L.T.CHÙA THIÊN LONG</i>	104	104	107	86,600
<i>L.T.CHÙA HƯƠNG NHẠC</i>	62	62	30	28,850
<i>L.I. CHÙA ĐẠI ĐỨC</i>	198	198	210	51,510
<i>L.T.CHÙA QUỐC THÁI</i>	35	35	41	1,680
<i>L.T.CHÙA HÙNG THẠNH</i>	9	9	9	3,285
<i>L.T. G.Đ.NHỨT ĐIỀN DƯỢC SƯ</i>	63	9	109	156,561
<i>GIÁO ĐOÀN TÂY TÂM</i>	7	1	298	50,466
<i>TÔNG TÀO ĐỘNG</i>	14,767	14,690	227,448	7,531,546
<i>NHƯ LAI GIÁO</i>	77	70	88	33,990
<i>NHỨT TÔN GIÁO ĐOÀN</i>	4	4	2	1,835
<i>TAM BẢO GIÁO ĐOÀN</i>	13	6	10	3,360
<i>TÔNG HOÀNG BẢ</i>	463	463	782	321,405

HỆ PHÁI TÔNG NHỰT LIÊN

<i>TÔNG NHỰT LIÊN</i>	<i>5,181</i>	<i>4,931</i>	<i>8,030</i>	<i>2,281,368</i>
<i>NHỰT LIÊN CHÁNH TÔNG</i>	<i>436</i>	<i>370</i>	<i>636</i>	<i>16,362,224</i>
<i>HIỀN BỒN PHÁP HOA TÔNG</i>	<i>215</i>	<i>212</i>	<i>146</i>	<i>101,640</i>
<i>TÔNG PHÁP HOA (Bổn MÔN LƯU</i>	<i>511</i>	<i>418</i>	<i>703</i>	<i>561,240</i>
<i>TÔNG PHÁP HOA (TRẦN MÔN LƯU)</i>	<i>180</i>	<i>177</i>	<i>264</i>	<i>162,505</i>
<i>TÔNG PHÁP HOA (CHÂN MÔN LƯU)</i>	<i>212</i>	<i>161</i>	<i>309</i>	<i>68,625</i>
<i>BỒN MÔN PHÁP HOA</i>	<i>103</i>	<i>96</i>	<i>331</i>	<i>39,950</i>
<i>PHÁI BÁT THỌ BÁT THÍ</i>	<i>20</i>	<i>16</i>	<i>25</i>	<i>28,453</i>
<i>TÔNG GIẢNG MÔN</i>	<i>8</i>	<i>6</i>	<i>11</i>	<i>26,258</i>
<i>NHỰT LIÊN BỒN TÔNG</i>	<i>50</i>	<i>50</i>	<i>100</i>	<i>54,910</i>
<i>TÔNG PHÁP HOA</i>	<i>38</i>	<i>14</i>	<i>56</i>	<i>16,136</i>
<i>NHỰT LIÊN BỒN PHÁI</i>	<i>17</i>	<i>15</i>	<i>147</i>	<i>16,537</i>
<i>NHỰT LIÊN TÔNG PHÁP HOA</i>	<i>42</i>	<i>12</i>	<i>86</i>	<i>57,500</i>
<i>BỒN HÓA NHỰT LIÊN (tại Kyoto)</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>6</i>	<i>575</i>
<i>BỒN HÓA NHỰT LIÊN (tại Bình Khố)</i>	<i>7</i>	<i>6</i>	<i>45</i>	<i>622</i>
<i>PHÁP HOA CHÁNH PHÁP</i>	<i>47</i>	<i>3</i>	<i>210</i>	<i>23,989</i>
<i>PHÁP HOA CHÂN TÔNG</i>	<i>17</i>	<i>10</i>	<i>30</i>	<i>2,065</i>
<i>BỒN MÔN KINH VƯƠNG</i>	<i>9</i>	<i>2</i>	<i>6</i>	<i>3,858</i>

<i>TÔI THƯỢNG GIÁ HÀ GIÁO</i>	87	16	352	285,715
<i>NHỤT LIÊN TÔI THƯỢNG GIÁO</i>	26	10	155	9,614
<i>ĐẠI THỪA GIÁO</i>	61	39	842	306,258
<i>BỒN MÔN PHẬT LẬP TÔNG</i>	290	267	760	510,098
<i>CHỦ NGHĨA PHẬT LẬP GIÁNG</i>	2	-	11	2,182
<i>HỘI TỊNH PHONG TẠI GIA</i>	18	13	285	28,300
<i>HỘI QUỐC TRỤ</i>	79	7	56	23,305
<i>HỘI CHÁNH PHÁP</i>	16	4	22	21,955
<i>BỒN HÓA DIỆU TÔNG LIÊN MINH</i>	22	2	57	2,971
<i>ĐẠI TẶNG GIÁ CHÙA DIỆU PHÁP</i>	150	112	185	1,060
<i>LINH HỮU HỘI</i>	20	3	2642	2,700,124
<i>DIỆU ĐẠO GIÁO ĐOÀN</i>	376	1	2226	219,240
<i>DIỆU TRÍ GIÁO ĐOÀN</i>	314	2	2346	679,150
<i>NIỆM PHẬT SỞ HỘ GIÁO ĐOÀN</i>	9	7	3416	1,474,317
<i>PHÁP SƯ GIÁO ĐOÀN</i>	541	-	309	144,835
<i>CHÁNH NGHĨA GIÁO ĐOÀN</i>	8	-	50	13,566
<i>ĐẠI HUỆ GIÁO ĐOÀN</i>	45	-	307	71,733
<i>LẬP CHÁNH GIÁO THÀNH HỘI</i>	584	3	9003	4,741,818
<i>HỘI TƯ THÂN</i>	168	5	284	93,553

CÁC HỆ PHÁI TẠI NARA

<i>LUẬT TÔNG</i>	43	26	36	26,855
<i>CHÂN NGÔN LUẬT</i>	91	91	184	475,200
<i>TÔNG PHÁP TƯỚNG</i>	263	85	459	594,931
<i>TÔNG THÁNH ĐỨC</i>	24	23	15	18,040
<i>BẤT ĐỘNG TÔNG</i>	88	12	522	3,559,208
<i>TÔNG DIỆU PHÁP</i>	30	8	43	6,900
<i>TÔNG PHÁP HOA</i>	142	58	906	44,179

CÁC HỆ PHÁI KHÁC

<i>PHƯỚC ĐIỀN HẢI</i>	8	5	22	2,402
<i>GEDATSU GIẢNG</i>	11	-	205	174,504
<i>TÔNG P.H.CHÁNH PHÁP SỰ MÔN</i>	8	6	31	10,767

NHỮNG HỆ PHÁI HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC QUẬN HUYỆN HAY THÀNH PHỐ

<i>C.N.PHÁI CHÙA TRUNG SƠN</i>	7	7	21	14,774
<i>C.N.PHÁI ĐẠI SƯ</i>	3	3	4	980
<i>C.N.PHÁI THỌ CHIẾU</i>	2	2	3	677
<i>N.L.HIỆN CHỨNG C.NGHĨA P.L.GIẢN</i>	-	2	5	380
<i>NHỤT QUANG GIÁO ĐOÀN</i>	2	2	4	300
<i>ĐẠI NHỤT LIÊN</i>	9	8	15	5,900
<i>BẮC PHÁP TƯỚNG</i>	8	8	18	435,000

(Ghi chú: căn cứ tài liệu “TÔN GIÁO NIÊN GIÁM” do Bộ Văn Hóa Giáo Dục ấn hành).

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1) Phật Giáo Nhật Bản sau đệ nhị thế chiến được phân chia như thế nào? Cho biết các tông phái theo thứ tự?
- 2) Thánh Đức Thái Tử có công gì đối với Phật Giáo Nhật Bản?
- 3) Cho biết những nét đặc biệt của Phật Giáo ở những thời Heian, Kamakura là gì?
- 4) Tại sao trong Phật Giáo lại phân chia ra thành nhiều tông phái khác nhau?
- 5) Tổ khai sáng tông Thiên Thai Phật Giáo Nhật Bản là ai? Giữa tông Thiên Thai PGNB và PGTQ có sự liên hệ nào?
- 6) Tông Thiên Thai y cứ vào đâu để thành lập?
- 7) Ngài Hoàng Pháp Đại Sư Không Hải là tông Tổ thuộc hệ phái Phật Giáo nào tại Nhật Bản?
- 8) Nguồn gốc Mật Giáo khởi nguyên từ đâu? Cho biết điểm khác nhau giữa Mật Giáo với Thiên trong Phật Giáo?
- 9) Ngài Pháp Nhiên đề xướng pháp môn gì? Những bộ kinh chính của tông Tịnh Độ là gì?
- 10) Sự phát triển của PGNB phái Tịnh Độ tại hải ngoại ra sao?
- 11) Điểm khác biệt giữa Thời tông với Tịnh Độ tông là gì?
- 12) Cho biết chủ trương của ngài Lương Nhẫn với tông Dung Thông Niệm Phật?
- 13) Ngài Thân Loan có ý muốn cải cách toàn bộ Phật Giáo phái Chân Tông không?
- 14) Chủ trương của ngài Thân Loan có những đặc điểm gì?
- 15) Tông Lâm Tế Nhật Bản có hoàn toàn biệt lập với tông Lâm Tế Trung Quốc? Tại sao?
- 16) Ai là Sơ Tổ phái Thiên trong Phật Giáo?
- 17) Câu chuyện vấn đáp giữa ngài Triệu Châu (778-897) với vị khách Tăng có điểm nào đặc biệt đáng lưu tâm?
- 18) Ngài Đạo Nguyên với phái Thiên Tào Động Nhật Bản.

- 19) Bộ sách “Chánh Pháp Nhân Tạng” do ai soạn? Sách viết vào thời kỳ nào trong lịch sử PGNB?
- 20) Phương pháp Thiền đạt được gì? Kể những việc cụ thể mà hành giả phải thực hành trong việc Thiền quán?
- 21) Sự khác biệt giữa Thiền Tào Động Trung Quốc với Tào Động Nhật Bản ra sao?
- 22) Ngôi Tổ đình chính của tông Tào Động Nhật Bản là gì? Chùa này do ai lập?
- 23) Giáo thuyết của tông Nhựt Liên có những đặc điểm nào?
- 24) Vị Tăng sĩ nào được sắc phong Lập Chánh Đại Sư? Ngài có công gì trong Phật Giáo?
- 25) Chủ trương của tông Nhựt Liên y cứ vào đâu thành lập?
- 26) 10 tướng trạng của vạn sự vạn vật trong vũ trụ, theo kinh Pháp Hoa là gì?
- 27) Ba điểm chính yếu – theo Nhựt Liên – người thọ trì kinh Pháp Hoa cần lưu tâm đặc biệt là gì?
- 28) Phật Giáo Nhật Bản có từ bao giờ?
- 29) Vị Tăng sĩ nào tịch được hỏa táng đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Nhật Bản?
- 30) Bộ Đại Tạng kinh 100 quyển thực hiện vào năm nào?
- 31) Đại Hội Phật Giáo toàn Nhật Bản đầu tiên tổ chức tại đâu? Vào năm?
- 32) Các tông thuộc hệ Thiên Thai như thế nào?
- 33) Tông Chân Ngôn gồm những hệ phái nào?
- 34) Tông Tịnh Độ phái Tây Sơn còn chia ra bao nhiêu phái khác?
- 35) Các phái thuộc tông Pháp Tướng.
- 36) Chùa Đông Đại Tự là Tổ Đình của tông phái nào?
- 37) Tổng số tín đồ Phật Giáo Nhật Bản là bao nhiêu người?
- 38) Tông Thiên Thai có bao nhiêu tổ chức hợp pháp hoạt động?
- 39) Cho biết số tín đồ thuộc phái Chân Ngôn?
- 40) Tông Tịnh Độ với số tín đồ là bao nhiêu?

VẤN ĐỀ
TỒN TẠI
và
THỜI GIAN

THÍCH BẢO LẠC

VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ THỜI GIAN

Thiên khảo luận sau đây chia làm hai phần: bàn về sự tồn tại (của vạn hữu) và luận về thời gian. Phần thứ nhất, bàn về sự tồn tại, chia thành bốn điểm:

I-PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VÀ VẤN ĐỀ TỒN TẠI THEO LUẬN A TỶ ĐẠT MA

Đức Phật Thích Ca khai sáng Phật Giáo tại Ấn Độ vào khoảng năm 470-480 trước kỷ nguyên Tây lịch. Sau khi Phật diệt độ, giáo pháp của Ngài được truyền lại cho các hàng đệ tử qua những thời kỳ kiệt tập kinh điển do hàng Tăng lữ và những nhà chuyên tâm về Phật học chủ xướng. Mặt khác, hàng ngũ chư Tăng (sau khi Phật diệt độ) vì mất sự thống nhất nên chia ra làm nhiều bộ phái khác nhau, nhưng tất cả đều căn cứ vào bộ kinh cốt cán là bộ A Hàm làm kim chỉ nam cho việc truyền thừa Phật Giáo. Theo như kinh A Hàm, điểm được bàn tới nhiều nhất là lý vô thường, sự khổ não và vô ngã. Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn hiểu lý kinh A Hàm cho thực chính xác để phán đoán vạn sự vạn vật về Vô Thường, Khổ, Vô Ngã, tất nhiên các dục vọng, ái trước (nhiễm ô), mê lầm tự thân phải xả bỏ để có thể thoát ra được sự khổ. Một khi ta thấy biết được chính xác vấn đề khổ rồi, bèn xa lìa lòng ái dục, hẵn cái khổ triền miên của kiếp người sẽ lần lượt vượt qua. Ngoài ra, ta còn có thể so sánh với các kinh điển bàn về “Nhất thiết vạn hữu” hay “Sum la vạn tượng”⁽¹⁾ để chỉ cho sự tồn tại của mỗi cá nhân nơi trần thế theo kinh nghiệm cuộc sống, nói một cách tổng quát hơn trong ý niệm trừu tượng về kiếp nhân sinh và vạn hữu. Sự phân biệt của chúng ta do năm uẩn⁽²⁾ là sắc, thọ, tưởng, hành và thức hay nói một cách khác là màu sắc, thọ nhận, tưởng nghĩ, hành động và nhận thức, hợp lực với sáu căn hay còn gọi là sáu NỘI XỬ⁽³⁾ là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cùng duyên với sáu trần là màu sắc, âm thanh, mùi, vị, tiếp xúc hay đụng chạm và các pháp hay còn gọi là sáu NGOẠI XỬ⁽⁴⁾ hình thành 12 xứ. Nếu nói rộng ra còn có cả nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân và ý thức của sáu thức hợp thành MƯỜI TÁM GIỚI⁽⁵⁾ mà thành thế giới hiện hữu.

Trong năm uẩn chia thành hai lãnh vực: TÂM và VẬT. Theo đó, thọ, tưởng, hành và thức thuộc về TÂM hay nội giới, còn sắc thuộc về VẬT tức ngoại giới.

Sự thực về kiếp nhân sinh tồn tại theo Phật Giáo nguyên thủy, có thể dựa vào năm uẩn, mười hai xứ và mười tám giới để hiểu tự nhiên giới và đồng thời chính tự thể do thấy, nghe, tưởng tượng về sự hữu hạn của thế giới mà thành hình vạn sự vạn vật ở thế gian này. Chữ HÀNH tức là hành vi, động tác, và cũng chính là nghiệp lực dẫn dắt con người tới những hậu quả tốt hoặc xấu. Hành có công năng dẫn đầu trong mọi trường hợp và là một trong năm uẩn vậy. Ngoài ra, theo như kinh điển còn cho ta thấy các pháp hữu vi và vô vi ⁽⁶⁾ đều vô ngã, tức không có thực tướng cũng như trạng thái tịch tĩnh (yên lặng) khi tâm thức không còn bị các trần cấu ô nhiễm xen tạp, chính đó cảnh Niết Bàn thị hiện.

Các pháp hữu vi (các hiện tượng trong vũ trụ) đều vô thường, vì thế hữu vi làm duyên khởi cho các pháp khác sinh ra mà nguyên nhân của vô thường phát khởi chính do kết quả của các pháp hợp thành. Cả hai pháp hữu vi (các hiện tượng) và vô vi (siêu hiện tượng) được thành hình đều do hữu vi làm duyên khởi trong lý vô thường. Tiếng hữu vi và vô vi có liên hệ trực tiếp tới hữu lậu và vô lậu ⁽⁷⁾. Lậu có nghĩa là rỉ, xì chảy tràn lan, thấm vào vật khác... mà ở đây chỉ cho sự phiền não. Đồng nghĩa với chữ lậu còn có các tiếng như: Kết (thắt chặt), Cái (ràng rịt), Thủ (giữ chặt hay bám víu), Ách (vướn mắc), Bộc Luru hay Bôn Luru (dòng nước chảy xiết)... đều cùng có nghĩa là LẬU cả. Một khi các phiền não đều đoạn trừ là vô lậu vậy.

Mọi hình tướng quan hệ nhân quả với nhau, vì các pháp hữu vi đều bị sanh diệt trong từng sát na ⁽⁸⁾ và chính tự trong bản chất của nó cũng đã có sự hủy diệt rồi. Do đó, vạn sự vạn vật đã có NHÂN ắt có QUẢ phát sinh, và rồi do sự liên hoàn chắc chắn của nhân quả làm duyên khởi cho thế giới hữu vi và thế giới của “chư hành vô thường”.

II-LUẬN VỀ SỰ TỒN TẠI THEO ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Theo Phật Giáo Đại Thừa, muốn luận về sự tồn tại đích thực của vật chất phải dựa trên nguyên lý căn bản nào?

Nguyên nhân thứ nhất là sự khởi nguyên và cấu tạo nên vũ trụ dựa theo quan hệ vũ trụ luận để bàn vấn đề hay theo các pháp tự nhiên, thì phải khảo sát theo thuyết động lực, về nguyên tử luận có

liên quan tới triết học tự nhiên. Mặt khác, nếu luận về sự tồn tại, thì sự tồn tại của một vị thần được chứng minh theo phương pháp thần học cũng chiếm một địa vị khá quan trọng trong thế giới tự nhiên. Ở đây chúng ta có thể hiểu xuyên qua thuyết “hình nhi thượng học” (siêu hình học) của Khổng giáo và triết lý vô vi của Lão Trang, với triết lý Tánh Không của Phật Giáo về nguyên lý sáng tạo nên vũ trụ, cũng như đối chiếu qua triết học cổ điển của kinh Vệ Đà thời tối sơ, nói về sáng tạo vũ trụ thì KHÔNG CŨNG KHÔNG, CÓ CŨNG KHÔNG, KHÔNG GIỚI CŨNG KHÔNG, THIÊN THƯỢNG CŨNG KHÔNG, CHẾT CŨNG KHÔNG và KHÔNG CHẾT CŨNG KHÔNG cho đến ngày và đêm CŨNG KHÔNG nốt. Nếu luận như thế thì còn gì để bàn về sự tồn tại có liên quan đến thế giới thực tại. Theo như triết học Tây Phương, chữ KHÔNG là một vấn đề khá bao quát, nhưng nếu ta hiểu KHÔNG như HƯ KHÔNG hoặc TRỐNG RÕNG thì vấn đề tánh tồn tại không đủ để giải quyết được gì theo quan niệm thực tại cả. Theo Phật Giáo, tư tưởng KHÔNG trong tự thể có hàm khuynh hướng HỮU nên không vượt ra ngoài quan niệm về sự tồn tại của thế giới hiện tượng. Do đó, có sự khác biệt nhau giữa triết học và tôn giáo trong tính cách nhị trùng này. Phật Giáo có “TRÍ” và “PHƯƠNG TIỆN”, “TRÍ” và “HÀNH” hợp nhất mà mục tiêu là giải thoát mọi khổ não để đạt đến trạng thái vắng lặng là cảnh Niết Bàn tịch tĩnh làm phương châm dẫn đạo. Vì CÁI BIẾT của Phật Đà là VÔ PHÂN BIỆT TRÍ để đạt đến chân lý và HÀNH theo Phật Giáo là điều có thể xác định mọi biến thái của vũ trụ vạn hữu. Đây là một trong những phương pháp tu hành trong Phật Giáo bao hàm cả các sinh hoạt đạo đức hoàn mỹ về mặt thế tục, cũng như đã hàm chứa sự bảo trì giới luật trong luân lý theo nghĩa chính xác mà trọng tâm của kinh Du Già gọi là Thiên Định vậy. Cái vô hạn tuyệt đối mang ý nghĩa KHÔNG theo kinh Bát Nhã thì đối với Vô Tướng là Tướng; còn đối với Chân Không tức Diệu Hữu. Cái KHÔNG được bàn ở đây không là Hư Không mang tính cách thần bí hoặc cái KHÔNG như sự nhàn rỗi để giải thích, chắc chắn không thể nào ổn thỏa được. Kinh Bát Nhã gọi SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC cũng cùng một lập luận theo lý chân không này vậy. Theo như kinh Kim Cang Bát Nhã (tiết thứ 8), những lời giáo huấn của Phật Đà thật ra không phải là những lời giáo huấn của Phật Đà; kinh Duy Ma Cật luận về cảnh giới của Bồ Tát thì cảnh giới phàm phu cũng không hẳn phàm phu và cảnh giới của Thánh Hiền cũng không hẳn cảnh giới của Thánh Hiền. Vì thế, luân hồi hay phiền não đều không, cũng như ngộ được Niết Bàn thì hoàn toàn không còn có cảnh giới Niết

Bàn nào để nhập diệt. Cảnh giới của hàng Bồ Tát không phải ở giữa cảnh giới của Thánh Hiền và phàm phu, lại cũng không phải ở giữa Niết Bàn với luân hồi nữa mà là siêu việt trên tất cả các quan niệm thường nghiệm.

III-LUẬN VỀ SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁP GIỚI DUYÊN KHỞI

Dẫn lời của Đàm Thiên, tác giả cuốn “Vong thị phi luận” đời Tùy và “Nhiếp Đại Thừa luận”, cùng các kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín luận thuộc hệ kinh điển Đại Thừa Phật Giáo và luận rằng, theo “Vong thị phi luận”: nếu thị phi hoàn toàn trở nên “PHI”, và như vậy, vô thị phi trở nên “THỊ” thì lập luận THỊ PHI đều bị phá đổ ngay. Như thế thì, không có thể giới đối lập và chính cái thế giới vô đối lập đó là điều chúng ta cần phải suy nghĩ, vì cái THỊ PHI ở đây trở thành vô nghĩa. Theo đó ta có thể nói Thị Phi là cái thế giới đối lập hoàn toàn với Vô Thị Phi. Như thế, thế giới của thị phi là thế giới mê mờ, còn thế giới của vô thị phi có thể hiểu là thế giới của Niết Bàn (Nirvana) tức cảnh giới giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc thế gian.

Song, nếu bỏ đi cái thế giới thị phi và chỉ còn lại thế giới của vô thị phi, là điều sai lầm tai hại-không thể chấp nhận được-vì mọi vật đều có sự hỗ trợ sinh tồn, cho dù trong ý chí quyền lực hay trong sự xung khắc đấu tranh, cái sinh mệnh của Phật vẫn là của sự chân thật. Vì thế, Đàm Thiên đã vạch ra điểm sai lầm trên thật chính xác.

Trong khi đó, chỗ cứu cánh mà tông Hoa Nghiêm chủ trương là PHÁP GIỚI TRỪNG TRỪNG DUYÊN KHỞI, được quan niệm như một vấn đề then chốt của thế giới hiện thật. Theo quan niệm duyên khởi của Phật Giáo nguyên thủy về “HỮU”, so sánh với sự “TỒN TẠI” thì hoàn toàn không có vật tồn tại độc nhất, riêng rẽ mà chủ trương phải có sự tương quan tương duyên với nhau thành thế giới hiện thật.

Theo quan niệm sự lý “VÔ NGẠI”, thì tất cả chúng sanh đều thành chánh giác, vì giữa Phật và Chúng Sanh vốn “BÌNH ĐẲNG VÔ TƯỞNG”, nên không thể phân biệt tách rời. Dù Phật hay chúng sanh vẫn không Tăng không Giảm, nếu so sánh theo lý, đó là điều chân thật của Vô Tướng. Thật tướng của pháp giới “Sự Vô Ngại” theo phái Hoa Nghiêm chủ trương, có chia ra thành “Thập huyền duyên khởi vô ngại pháp môn” hay “Thập Huyền Môn”⁽⁹⁾ mà đệ nhị tổ của tông Hoa Nghiêm là ngài Trí Nghiêm gọi là Nhất Thừa Thập Huyền Môn. Tiếp theo đệ tam tổ là ngài Pháp Tạng trong bộ “Hoa

Nghiêm ngũ giáo chương” gọi là “Thám Huyền Ký” và sau đó còn có ngài Huệ Uyển trong tập “San Định Ký” cũng có bàn về đức tướng và nghiệp dụng trong nhị trùng của Thập Huyền Môn, vẫn có cùng một lập luận: trong một vi trần ⁽¹⁰⁾ gồm có tất cả các pháp. Trong trường hợp vi trần A có trước, vi trần B có sau, vi trần A tạm gọi là chủ, nhưng vi trần B không thể bảo là khách được, vì hoàn toàn không thể nào phân chia ra được đầu đuôi, sau trước. Có thể lấy thêm một thí dụ khác, giả sử có hai vật A và B ta không thể nào lẫn lộn chúng với nhau được, vì A lúc nào cũng vẫn là A và không thể nào trở thành B được mà phải nói A nương B để hình thành trong quan niệm của “Pháp Giới Duyên Khởi”, và A có khả năng thay B trong lập trường “Nhứt tức nhứt thiết” và “Nhứt thiết tức nhứt” ⁽¹¹⁾ là điểm thứ tư trong lập luận của Thập Huyền Môn.

IV-SỰ TỒN TẠI THEO QUAN NIỆM CỦA MẬT GIÁO

Mật Giáo thành hình vào khoảng thế kỷ thứ 7, căn cứ vào bộ Kinh “Đại Tỳ Lô Giá Na thành Phật thân biến gia trì” và bộ “Đại Nhật kinh” dựa theo bốn pháp môn làm tiêu chuẩn là: Đà La Ni (Chân Ngôn), Ấn Khế, Mạn Đà La (Quán Đảnh) và Pháp Cúng Dường. Ngoài ra, theo hai trào lưu Phật Giáo của hai phái TRUNG QUÁN và phái DUY THỨC DU GIẢ HÀNH vào thời kỳ ngài Long Thọ Bồ Tát (150-250) và ngài Di Lặc (270-350) cũng đã có sự tranh luận và trao đổi tư tưởng thuộc hai hệ phái Phật Giáo rất sôi nổi.

Mật Giáo căn cứ vào nguyên lý về lập trường “KHÔNG” theo như kinh Bát Nhã “SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC” và triển khai chỗ thâm áo của tư tưởng này để thành lập tông. Ở đây, tác giả lập luận rằng, đức Phật Tỳ Lô Giá Na thị hiện trong thế giới này do sự thần biến, vì chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cũng có thể gọi là Người và các vị Thần trên các cõi trời cũng như người thường của chúng ta ở thế gian không khác, hoặc đối với sự tồn tại của thế giới nọ quý hay địa ngục, nếu đem so sánh cái dục của con người và của các vị thần đó đều biểu hiện nơi hành vi và có thể nói, đó là do cách hóa hiện khác nhau mà thôi.

Có sự khác biệt xâu xa giữa sự tồn tại theo quan niệm Phật giáo với sự tồn tại theo quan niệm Tây Phương. Đó là quan niệm về siêu hình học của Aristote với sự tồn tại theo quan niệm của Thiên Chúa giáo về thời Trung Cổ và thuyết hiện tượng học để bàn về tính đối tượng của ý thức. Theo siêu hình học của triết học biện chứng Hégel, của Heidegger, Sartre và của Jaspers mà trong đó đã có luận về thực tại, và đây coi như bốn hệ phái đại biểu cho triết học

Tây phương. Như vậy, tất cả tôn tại và sự vật tôn tại theo cái “Ngã” hoặc theo “Tánh Thật Thể” đã bị phủ nhận; còn theo như Phật giáo có hai điểm đáng chú ý là Nhơn Vô Ngã và Pháp Vô Ngã.

Theo Đại Nhật kinh, các pháp môn bí yếu theo quan niệm của Mật Giáo là đạt đến giác ngộ bằng phương pháp đốn ngộ, và như thế thì TÂM trụ vào đâu? Cho dù ở trong, ở ngoài, giữa, trung gian, hay xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn... cho đến dục giới, sắc giới, vô sắc giới.. thiên, long, dạ xoa và ngay cả nhãn giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới... cho đến sự phán đoán, hiển sắc, hay ngay cả đến 18 giới, 12 xứ đều không tất cả, nhưng tất cả đều nằm trong phán đoán, và như thế, căn cứ vào sự chấp trước TÂM không chỗ đắc, và thật tánh của nó vốn bản lai “Không sanh không diệt” hay tất cả đều thanh tịnh rốt ráo vậy. Và sau đây, phần thứ hai, luận về thời gian cũng có bốn điểm:

I-PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY LUẬN VỀ THỜI GIAN THEO LUẬN A TỶ ĐẠT MA

Nói một cách dễ hiểu, thời gian căn cứ vào chiếc kim đồng hồ lăn đi giáp một vòng qua 12 số thứ tự là đơn vị MỘT giờ - theo quan niệm thông thường – nhưng trên thực tế, khi nói về thời gian lại khác, vì từ sự thay đổi của một vật được ghi nhận là điểm thời gian dùng làm đơn vị đo lường, và đó là thời gian do sự biến hóa của một vật do nhận thức mà hình thành. Ngoài ra, chúng ta cũng nên biết rằng sự thay đổi ngoại giới hoàn toàn – đôi khi – cũng không thể nào giải thích được, nhưng phải hiểu cái qua đi nhanh chóng của thời gian. Trong trường hợp này, thời gian không thể nào biết được trực tiếp như lúc bụng đang đói hay thân thể bị mệt mỏi (do sự thay đổi của cơ thể) thì thời gian là sự thay đổi thuộc về sinh lý. Tuy nhiên, sự biến đổi sinh lý có trường hợp cũng không thể nhận thức được như dòng ý thức luân lưu chẳng hạn.

Trong trường hợp dòng ý thức bị ngưng đọng lại, nhận thức về thời gian không còn ý nghĩa. Ví dụ, ta phải đối diện với sự nguy hiểm, vì tánh mạng đang bị đe dọa thì ngay trong trường hợp này, sự hoạt động của tâm thức bị ngưng đọng, và lúc đó chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi mà ta cứ tưởng là một chuỗi thời gian dài lê thê không khác. Cho nên sự biến đổi của ý thức tùy thuộc vào thời gian để tồn tại hoặc một khi dòng ý thức mất sự quân bình, nhận thức về thời gian cũng thay đổi. Ví dụ, rượu với lúc say thì thời gian có đi qua cũng thành vô nghĩa. Vì trong lúc đang say rượu, trong suốt một đêm dài trên đường đi bộ trở về nhà mà ta cứ tưởng lầm là trong phút giây ngắn ngủi. Theo đó, sự nhận

thức về thời gian có thể xem như phải tùy thuộc hoàn toàn vào dòng ý thức. Song nếu chúng ta cho rằng có một thế giới không do sự biến đổi mà hoàn toàn do tự nhiên mà có, thì quan niệm về thời gian không còn là gì cả. Ví dụ: thế giới Cực Lạc là cõi sống lâu vô cùng. Cực Lạc cũng còn là ánh quang minh chiếu soi nên không có ban đêm và mọi người ở đó thường không bệnh mà được trẻ mãi không già, cho dù lúc sinh cũng không có sự thay đổi. Dĩ nhiên, con người ở đây vẫn mang dòng ý thức, nhưng lại là những kẻ đã giác ngộ hoàn toàn. Ta có thể nói được rằng, họ đã rời khỏi quan niệm về thời gian. Ở đó, thời gian hẳn phải tùy thuộc vào dòng ý thức, và đồng thời ý thức về thời gian không thể không xuất hiện nơi thế giới của sinh già, bệnh, chết, vì thời gian có cùng lúc với sự chết, theo cùng với sự vật mà thành hình.

Ngoài ra, y cứ vào bốn quan niệm trong Tứ Niệm Xứ là quán thân bất tịnh, thọ nhận là khổ, tâm vô thường và các pháp đều vô ngã, theo quan niệm của Phật Giáo nguyên thủy, và lập luận rằng, VÔ THƯỜNG biểu hiện trạng thái lưu động không ngừng và là cái LỰC tạo ra trạng thái kia. Riêng đối với chúng ta, cái LỰC này là vật ràng buộc cái chết. Nó, đối với pháp là phân nội tại và là một pháp quan trọng tứ niệm xứ là quán Vô Thường để nhận chân ra cái LỰC này vậy.

II-THỜI GIAN THEO ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Căn cứ theo luận A Tỳ Đạt Ma, thời gian là một vấn đề quan trọng, theo phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ ⁽¹²⁾ chủ trương cho rằng, sự tồn tại thuộc về thực thể mà không bàn về thời gian, thì không thành lập được gì cả.

Còn theo như Đại Thừa Phật Giáo, tư tưởng này đã được triển khai qua nhiều phương diện, cho nên trong trường hợp thấy được một vật, rồi đem so sánh với con mắt quan sát được, hẳn trong đó đã có hàm chứa ý niệm thời gian rồi vậy.

Thời gian theo kinh Bát Nhã là cái Vô Tự Tánh của sự vật, là ánh sáng trí tuệ Như Lai tạng hay cảnh giới Niết Bàn. Nếu ta đem so sánh thời gian với vật tồn tại theo nhận thức hay cái biết về cái VÔ TỰ TÁNH thì quan niệm về thời gian là nguyên nhân của phiền não, chấp trước, làm duyên khởi mà căn nguyên đều bắt nguồn từ vô minh.

Thời gian với tư tưởng KHÔNG trong Trung Quán luận của Ngài Long Thọ (Nagarjuna: 150-250) thì nếu đem so sánh với sự tồn tại, chúng ta sẽ thấy, theo nhận thức thông thường, tất cả đều có

nguyên nhân phát sinh và điều kiện để tồn tại theo lý duyên khởi. Nói một cách khác, nếu luận về sự tồn tại, cái Thật Thể của nó đã không có, theo nhận thức luận, có rất nhiều điều kiện quy định giả lập có sự vật tồn tại trong thuyết “CÓ” hoặc “Giả Sử CÓ”, và cho rằng tất cả đều KHÔNG. Tất nhiên chúng ta phải chọn một trong hai trường hợp và phải xa lìa sự phán đoán cả HỮU lẫn VÔ cho thật dứt khoát, rõ ràng.

Thời gian với tư tưởng KHÔNG của ngài Aryadeva (Thánh Đề Bà, tk.thứ 3), căn cứ vào bộ “TỨ BÁCH LUẬN”, chương 10: phủ nhận cái NGÃ; chương 11, phủ nhận Thời Gian và nhất là bốn đặc tính của các pháp hữu vi (hình thành sự vật) là Sanh, Trụ, Di, Diệt⁽¹³⁾ đều hướng tới chỗ phủ định tất cả. Theo đó, phủ nhận luôn cả quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng như phủ định luôn cả sự liên tục cố định trong sự tồn tại theo lý duyên khởi.

Thời gian theo tư tưởng Duy Thức, Phật Giáo Đại Thừa ở Ấn Độ chịu ảnh hưởng tư tưởng Trung Quán luận về thời gian. Ngoài ra, còn có phái Du Già Hành cũng giữ một vai trò khá quan trọng. Phái này y cứ vào tư tưởng KHÔNG trong kinh Bát Nhã làm căn cứ, và phân tích TÂM qua nhiều lãnh vực mà thức Alaya (A Lại Da thức) là phần cốt cán hơn cả. Nó là nơi chứa nhóm nên còn gọi là Tàng Thức. Do ngài Vô Trước (Asanga: khoảng 310-390) và ngài Thế Thân (Vashubandhu: khoảng 320-400) sáng lập nên, và tư tưởng này gọi là tư tưởng Duy Thức. Ngoài sáu thức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý thức ra, còn có Mạt Na thức hay Tỳ Ngã thức hoặc thức thứ bảy và thức Alaya là nơi mà các hành vi thiện ác tập thành từ quá khứ và có ảnh hưởng tiềm tàng đưa tới kết quả trong hiện tại, cũng như trong tương lai, theo một “Lực” dẫn dắt. Đó là cái Chủng Tử vậy. Do đó, tất cả vạn vật tồn tại đều nằm trong biểu tượng trong sự lưu chuyển của nhận thức.

III-THỜI GIAN THEO NGÀI ĐẠO NGUYÊN (THẾ KỶ THỨ 13)

So sánh sự tồn tại và thời gian của Heidegger với Hữu Thời Chánh Pháp Nhân Tạng của Đạo Nguyên Thiên Sư, chúng ta nhận thấy theo truyền thống triết học Tây phương không thể đem so sánh toàn diện với tư tưởng của Đạo Nguyên được. Tuy nhiên, cả hai đều lập luận có sự giống nhau kỳ diệu ở một điểm là thời gian và sự tồn tại. Theo Hữu Thời Chánh Pháp Nhân Tạng, chỉ có một thể tánh duy nhất gắn liền với nhau là tự kỹ, quang minh, tự tại của thời gian và luận rằng, thời gian gắn liền vào sự tồn tại và ngược lại.

Như vậy, theo Heidegger, bàn về tánh thời gian của quá khứ, hiện tại và tương lai thì sự tồn tại của con người do căn nguyên chiếu sáng. Và trong lập luận đối lại quan niệm này, Đạo Nguyên đã đề cập ngay từ trong căn bản đã có sự khác biệt nhau. Tác giả có dẫn lời đối đáp giữa Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744) với Mã Tổ Đạo Nhứt (709-788) qua câu chuyện như sau:

Mã Tổ theo thầy học đạo và quen với sinh hoạt thiền môn trải qua hơn mười năm, nhưng trong các sinh hoạt đó, lúc nào cũng tỏ ra bất như ý, ngay trong việc tọa thiền cũng không chuyên tâm chánh niệm. Biết được tâm ý của đệ tử, một hôm Nam Nhạc tìm cách tới viếng thiền thất của Mã Tổ. Khi đó Mã Tổ ra đón tiếp thầy và câu thoại đầu giữa hai thầy trò diễn ra như sau:

- Nam Nhạc: Trước hết Ông cho tôi biết mấy lúc này Ông đang làm gì?

* Mã Tổ: Chỉ chuyên tâm vào việc tọa Thiền vậy.

- Nam Nhạc: Tọa Thiền để tỏ ngộ được gì?

* Mã Tổ: Để được làm Phật.

Tới đây Nam Nhạc bèn mang nửa mảnh bình vỡ đi tới cạnh thiền thất của Mã Tổ, nơi đó có một hòn đá và bắt đầu mài. Mã Tổ thấy vậy bèn ngạc nhiên hỏi:

* Mã Tổ: Hòa Thượng làm gì kỳ cục vậy?

- Nam Nhạc: Đang mài chiếc bình vỡ.

* Mã Tổ: Mài bình vỡ để trở thành cái gì?

- Nam Nhạc: Để làm kiếng soi vậy.

* Mã Tổ: Mài bình vỡ làm sao có thể thành kiếng soi cho được?

- Nam Nhạc: Tọa Thiền tại sao có thể làm Phật cho được?

Đó là những lời thâm áo trong việc truyền tâm ấn giữa thầy trò trong đạo Thiền, và cũng là những lời khích lệ tất yếu trong việc tu hành, đối với hành giả nào chưa tỏ ngộ chân lý phải tự thức tỉnh để tấn tu.

Tóm lại, về những điểm vừa nêu, tác giả đã khái lược căn nguyên hình thành thế giới mà theo Đạo Nguyên, nó cùng một thể tánh với tự kỹ, quang minh, tự tại theo thời gian, cũng như khắp cả mười phương thế giới cùng với Phật tánh, thân thông, đại ngộ rạn chiếu tự tại không ngăn (không ranh giới) như đại viên cảnh trí.

IV-TƯ TƯỞNG THỜI KỲ MẠT PHÁP

Sau khi đức Phật Thích Ca diệt độ khoảng 2000 năm, còn là thời kỳ của chánh pháp và tượng pháp ^(13a), nhưng sau đó là thời kỳ Mạt Pháp – trong đời ngũ trược ác thế ⁽¹⁴⁾ – và đó là lời di chúc sau cùng của đức Phật tại Long cung cho hàng đệ tử thân tín. Ngài Thân Loan (Shinran: 1173-1262) đã diễn ý này trong một bài tán ca về ba thời kỳ: Chánh, Tượng và Mạt pháp lúc Ngài khoảng 85-86 tuổi, là thời kỳ mà Phật Giáo có thể nói đang thanh hành nhất ở vào thời đại Kamakura để báo hiệu thời kỳ ngũ trược ác thế sắp diễn ra. Và luận rằng, đức Phật Thích Ca nhập diệt từ 500 đến 1000 năm sau là thời kỳ mà chánh pháp còn đầy đủ và có nhiều người tu chứng đắc đạo. Sau 1000 năm, giáo pháp dần dần bị thất truyền là thời kỳ tượng pháp và mãi đến một vạn năm sau những lời dạy của Phật tổ không còn nữa và lúc đó Phật giáo phải diệt vong là thời kỳ Mạt pháp vậy.

Ngài Tín Hành đời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng (581) có luận về Phật Pháp tam giai, và chia Phật Giáo thành ba giai đoạn: giai đoạn một: Nhất thừa giáo ⁽¹⁵⁾; giai đoạn hai: Tam thừa giáo ⁽¹⁶⁾ và giai đoạn ba: Phổ Pháp ⁽¹⁷⁾, cũng như khoảng thời gian giữa ba giai đoạn như sau: sau Phật diệt độ khoảng 500 năm (giai đoạn một); từ 1000 năm trở đi (giai đoạn hai) và từ 1500 năm trở về sau (giai đoạn ba) sau khi đức Thích Ca tịch diệt.

Sau cùng, triển khai tư tưởng Mạt Pháp thời đại Bình An (Heian: tk thứ 8) và Phật giáo thời kỳ Kamakura tại Nhật Bản vào khoảng thế kỷ thứ tám, thứ chín mà đại diện cho thời kỳ này có ngài Tối Trừng (Saicho: 767-822) trong sách “Chánh Tượng Mạt văn” ⁽¹⁸⁾ có luận rằng, ở vào thời kỳ Chánh Pháp, tuổi thọ mạng con người lên đến 2000, rồi dần dần giảm còn 1000 rồi 500 tuổi, vào thời Tượng Pháp và cuối cùng còn độ 200 đến 100 tuổi là thời kỳ Mạt Pháp và cũng chính là thời đại của chúng ta đang sống vậy.

Tóm lại, tư tưởng Phật Giáo khởi nguyên từ Ấn Độ, sau truyền đến Trung Quốc, rồi qua Nhật Bản, Việt Nam, Triều Tiên... và được triển khai như một tôn giáo mới tại các quốc độ này, để cho phù hợp với phong tục, tánh tình của mỗi dân tộc ở từng địa phương. Tại Nhật Bản có ngành trà đạo, hoa đạo, nhu đạo, kiếm đạo...; Trung Hoa có Thiền thoại đầu hay Thiền Lâm Tế. Tại Việt Nam, Triều Tiên hay các nước theo Phật Giáo Đại Thừa đều thấm nhuần tư tưởng Viên Dung Vô Ngại để áp dụng Phật Giáo vào trong nhân gian như một triết lý sống động cho cuộc đời có nhiều bất hạnh,

khổ não, oan khiên, sa đọa... này, và chỉ có tư tưởng ĐẠI HÙNG, ĐẠI LỰC, ĐẠI TỬ BI và trí tuệ của Phật Giáo, trong thuyết nhân duyên, duyên khởi, luân hồi và nhân quả mới đủ cơ duyên đưa con người tìm tới sự an lạc trong nguồn vui giải thoát theo tinh thần phá ngã như kinh Kim Cang và vạn pháp đều Vô Tướng như kinh Bát Nhã.

CHÚ THÍCH:

- (1) Nhứt thiết vạn hữu: tất cả các pháp có hình tướng, mọi hiện tượng vũ-trụ; sum la vạn tượng: sơn hà, đại địa, cây cỏ, lùm rùng...
- (2) Năm uẩn hay còn gọi là năm ấm, tức 5 chỗ chứa nhóm như: sắc, thọ, tưởng hành, thức là các yếu tố che lấp cái chân tính con người.
- (3) Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thuộc về cơ thể nên gọi là nội xử.
- (4) Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp thuộc cảnh giới bên ngoài thuộc về ngoại xử.
- (5) Sáu giác quan nhận biết phân biệt sự vật, 6 nội xử và 6 ngoại xử hợp thành 18 giới.
- (6) Những sự vật nào ta có thể dùng mắt quan sát được đều thuộc về hữu vi; còn những gì do tâm phân biệt mới hình dung được, như Chân Không, Diệu Hữu, Niết Bàn...
- (7) Những gì thuộc thế gian và bị vô minh phiền não chi phối khiến con người phải lăn lộn trong đường sanh tử đều gọi là pháp hữu lậu (lậu: lọt, thấm ướt, chảy tràn lan...), và pháp vô lậu, khi đã đạt đến các quả Thánh không còn phiền não nhiễm ô nữa nên không phải bị đọa lạc trầm luân.
- (8) Trong khoảng thời gian một tích tắc, như hơi thở ra vào của con người, và sự tồn tại của mọi sinh vật đều thay đổi trong từng khoảnh sát na, nhưng mắt chúng ta khó hình dung ra được. Ngay cả thân xác của chúng ta cũng vậy, chứ không phải khi tuổi già sức yếu ta mới thấy rõ sự thay đổi ấy.
- (9) Đồng thời cụ túc tương ưng môn, quãng hiệp tự tại vô ngại môn, nhất đa tương dung bất đồng môn, chủ pháp tương tức tự tại môn, bí mật ẩn hiện câu thành môn, vi tế tương dung an lập môn, nhân đà la võng cảnh giới môn, thất sự hiển pháp sanh giải môn, thập thể cách pháp dị thành môn, chủ bạn viên dung cụ đức môn.
- (10) Hạt bụi là đơn vị vật chất nhỏ nhất chỉ nhìn thấy qua kính hiển vi.

- (11) Một là tất cả, tất cả tức là một, vì vạn pháp trong vũ trụ tương quan tương duyên với nhau mà tồn tại, nên cái này có thì cái kia có, cái này sanh cái kia sanh; cái này diệt cái kia diệt.
- (12) Phái đứng đầu trong Thượng Tọa bộ và là một trong 20 bộ phái chỉ hình thành sau khi đức Phật nhập diệt khoảng 200 năm.
- (13) Sinh ra, tồn tại, thay đổi và mất đi hay còn gọi theo một cách khác Thành, trụ, hoại, không.
- (13a) Giáo pháp do chính đức Phật thuyết hay Phật Pháp chánh tông; và sau khi Phật diệt độ, những lời giáo huấn của Ngài được sao chép lại và chỉ còn mang tính cách tượng trưng thôi.
- (14) Kiếp sống đầy ô uế bản thủ, chúng sanh mang đủ mọi hình tướng thô xấu, mắt chứng kiến những sự nhiễm ô như nhớp, phiền não ác nghiệp làm cho con người điêu đứng và thân mạng chứa chất những thứ bất tịnh như ô vi trùng bám rả thân xác ngày đêm không ngừng nghỉ.
- (15) Trục chỉ đạt ngộ chân lý đến thành Phật, do căn cơ tu tập đã thuần thục trong nhiều đời.
- (16) Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa, tức phải tu trải qua ba giai đoạn mới chứng đắc.
- (17) Phổ: rộng khắp; gồm có ba: phổ chân, phổ quy và phổ chánh.
- (18) Luận về 3 thời kỳ: chánh pháp, tượng pháp và Mạt pháp vậy.

TÂM LÝ HỌC
và
CON NGƯỜI
THEO QUAN NIỆM
PHẬT GIÁO

THÍCH BẢO LẠC

Tâm Lý học và Con Người

Theo Quan Niệm Phật Giáo

Thích Bảo Lạc

Thuyết luân hồi trong Phật Giáo bao hàm tất cả muôn loài hữu tình trong đó gồm có sáu loài mà, con người là trung tâm điểm trong sự tồn tại ở thế gian này. Ở đây có thể gọi là loài hoặc CON ĐƯỜNG đều được cả, vì ở mỗi một cảnh giới đều có một cách thể hiện hữu khác nhau như: trời, người, a tu la, địa ngục, ngã quỷ, súc sanh.

Giá trị đích thực của con người theo quan niệm của Phật Giáo, căn cứ vào đâu để tồn tại? Vì con người có lý tánh, để phân biệt được với loài thú và nhờ đó liên lạc quan hệ được thấu suốt với thần linh, đó là quan niệm về con người theo người Ấn Độ. Do đó, con người và thú vật đều cùng chung một thể là đều có mạng sống như nhau, nếu nói rộng hơn, vấn đề còn bao hàm được tới loài thực vật nữa. Vì thế Phật Giáo tôn trọng sinh mạng của mỗi loài cũng như không phân biệt giai cấp và triệt để áp dụng tinh thần từ bi, tức là lòng thương yêu tất cả mọi loài như nhau, không có sự phân biệt bi, thử, nhân, ngã. Đương thời (khi Đức Phật còn tại thế) tại Ấn Độ có chia ra làm bốn giai cấp khác nhau là Bà La Môn (Brahman hay là hàng Giáo Sĩ), Sát Đế Lợi (Ksatriya hay giới quý tộc), Phệ Xá (Vasya hay hạng người nghèo khổ) và Thủ Đà La (Sudra) mà trong đó hạng người sau chót bị liệt vào hàng hạ tiện nhất, tức là họ không được quyền tiếp xúc (untoucheables) với các chủng tộc khác trong mọi trường hợp. Được coi như sống một cuộc đời ô nhục bên lề của xã hội, vì mọi sinh hoạt của chủng tộc Thủ Đà La đều bị cô lập bởi các giai cấp kia. Nhân một hôm đang đi thuyết giáo Đức Thế Tôn gặp hai thanh niên, một người dòng hạ tiện và

người kia dòng dõi Bà La Môn đang đối mặt nhau qua câu chuyện tranh luận về giá trị con người đến hồi gay gắt, không bên nào chịu nhượng bộ bên nào. Phật bèn dừng lại và bảo: “này hai anh, cho dù cha hay mẹ ta cũng đều do một căn duyên thuần khiết và đều cùng ở trong thai bào mà ra cả, cho đến bảy đời cha mẹ cũng đều có liên hệ máu huyết với nhau mà chưa từng có sự phân biệt giữa sự, sang, hèn, quý, tiện, vì tất cả mọi người đều chung cùng nhịp thở và cùng một nhịp đập của con tim, nên không thể có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, cũng như trong giọt nước mắt cùng mặn. Con người không những chỉ có giá trị thực tiễn trong hiện tại thôi mà còn lưu lại đời sau tất cả những hành vi Thiện Ác của đời này nữa. Do đó, sự sang hèn, quý tiện, trai gái, trẻ già đều có một cách thể hiện hữu qua nhân phẩm nên phải được tuyệt đối tôn trọng. Ngoài ra, theo Tân Ước Thánh Kinh, trong phần luận về lòng Bác Ái có dẫn ra một câu chuyện sau đây: “giả sử có một kẻ ác tâm nào đó dùng tay đánh vào má bên phải của anh, anh nên đưa má bên trái ra cho người ta đánh, tiếp”. Câu chuyện có ý khuyên ta không nên gây thêm thù oán với người mà phải rộng lòng tha thứ và nên coi việc làm kia của kẻ đối phương là thiếu sáng suốt mà thôi. Mặt khác, ta phải biết làm việc nghĩa để phục vụ tha nhân, hầu an ủi họ trong lúc thế cùng, lực kiệt. Chẳng hạn như trong trường hợp của người bệnh, ta cố gắng tìm cách thăm nom, săn sóc họ thật chu đáo, có như vậy ta mới tỏ ra xứng đáng là một con người đúng nghĩa.

Nói một cách khác, khi nào con người biết tự trọng và biết mở rộng lòng thương với mọi loài thì cũng sẽ được người khác tôn trọng lại vậy.

- THEO PHẬT GIÁO TRUNG HOA

Theo khoa học nhân văn biện chứng thì người Trung Hoa quan niệm rằng con người là trung tâm của vũ trụ. Vì thế, thuyết nhân quả của Phật Giáo và sự kỳ nguyện, chú thuật... để mong, đời sau được chuyển nghiệp đến một cảnh giới an lạc hơn mà chỉ có tư tưởng của Phật Giáo đại thừa mới mở lối cho con người tìm tốt được con đường giải thoát mà thôi.

Đương thời, tại xã hội Trung Quốc với nền đạo lý cổ truyền là Nho Giáo, vốn chủ trương kính thờ cha mẹ, tổ tiên và xếp, đặt mỗi giềng của Xã hội theo một trật tự là QUÂN SƯ PHỤ, tức là đạo vua tôi, nghĩa thầy trò, tình cốt nhục giữa cha con với nhau mà không hề đề cập tới đời sau sẽ giải quyết ra sao, khi xác thân này tan rã. Còn như đạo Lão lại chủ trương theo phép trường sinh bất tử với thuật tu tiên, cũng không thể nào giải quyết ổn thỏa được cái khát ngưỡng của con người muốn tìm tới chỗ rốt ráo của kiếp nhân sinh trong đời sau.

Riêng về tư tưởng Đại Thừa Phật Giáo bao hàm, trong các kinh như: Ma Ha Chỉ Quán, Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Đại Trí Độ Luận (Các bộ kinh này do ngài La Thập – cuối thế kỷ thứ IV tây lịch – dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán). Tất cả những kinh điển Đại Thừa do ngài dịch còn truyền lại cho đến ngày nay và ở

phần mở đầu mỗi kinh đều có ghi câu: (Diêu Tần Tam Tạng pháp sư CƯU MA LA THẬP, phụng chiếu dịch, tức là ngài ở vào đời vua Diêu Tần và vâng theo chiếu chỉ của vua để phiên dịch) thì chủ trương có thập giới ⁽¹⁾ và tất cả chúng sanh dù MÊ hay NGỘ đều cùng ở trong một thể của CHÂN TÂM thanh tịnh, tức là tất cả mọi người đều có khả năng làm Phật, Thánh, Thiên Thần hay làm Ma Quỷ. Nếu con người biết tu sửa cái CHÂN TÂM ấy đến chỗ thuần thiện, thì sẽ được giải thoát khỏi mọi khổ não ràng buộc, còn nếu cứ lao theo VỌNG NIỆM, ĐIÊN ĐẢO sẽ bị khổ não, đọa lạc. Còn theo luận ĐẠI THỪA KHỞI TÍN thì chủ trương pháp: nhất tâm nhị môn, tức có ý nói cùng một cái TÂM thôi nhưng có hai cửa ⁽²⁾ để chọn lựa, rồi theo đó kéo theo một nghiệp lực trong đời sau. Nhưng điểm căn bản vẫn là dù Phật hay chúng sanh cũng đều nằm trong một pháp giới tâm thanh tịnh và cùng do TÂM là chủ thể sanh ra các pháp.

TÂM sanh thì PHÁP sanh, TÂM diệt PHÁP cũng diệt. Do đó chỉ trong một niệm mà tư tưởng có thể bao trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới, giữa CHÂN và VỌNG không lìa nhau, mà có sự hòa hợp lẫn nhau thành một thể tánh duy nhất, do Ý THỨC hay A LẠI DA THỨC hoặc thức thứ tám chi phối. Nói một cách khác, thức thứ tám có công năng chứa giữ như một cái kho để làm duyên khởi cho các thức trước nên còn gọi là Tạng Thức. Giữa chúng sanh và Phật không có khái niệm đối lập mà cả hai đều có sự quan hệ trực tiếp lẫn nhau, cũng như rời khỏi phiền não thì không thể có được Bồ-Đề vậy.

Khởi đi từ quan niệm hỗ tương sanh tồn này là một điểm đặc sắc trong hệ tư tưởng Phật Giáo đại thừa thuộc Phật Giáo Trung Quốc vậy.

- THEO TỊNH ĐỘ TÔNG

Đức Phật Thích Ca đã làm một cuộc đại cách mạng bản thân để chiến thắng được giấc phiền não và ma chướng và giác ngộ đạo Vô Thượng dưới cội Bồ Đề sau nhiều ngày nhẫn nhục tu tập tinh tấn mới đạt được.

Bánh xe pháp chuyển lần đầu tiên tại vườn Lộc Uyển, đức Phật đã độ cho năm anh em ông Kiều Trần Như là những người đồng tu lúc trước qua pháp Tứ Đế ⁽³⁾ và Thập Nhị Nhân Duyên ⁽⁴⁾ và sau đó tất cả đều chứng được đạo quả giải thoát.

Điểm khởi nguyên của pháp mười hai Nhân Duyên là do Vô Minh mới có ra Căn Thân và Thế Giới. Từ sự Vô Minh con người đi thọ sinh trong một kiếp khác và cứ như thế xoay vần trôi lăn mãi trong vòng luân hồi sanh tử. Do kinh nghiệm bản thân, khi còn là Thái Tử, Đức Thế Tôn đã đi dạo khắp bốn cửa thành để chứng kiến cảnh sinh già bệnh chết của kiếp nhân sinh đang bị trầm luân trong biển khổ. Ngài bèn quyết chí xuất gia tu hành khổ hạnh để tìm ra chân lý. Sau cùng Đức Phật đã chứng ngộ được

đạo màu là do quan sát các hoặc nghiệp lưu chuyển của kiếp người mà thành tựu viên mãn.

Đối với người căn tánh cạn mỏng tức là còn sơ cơ chưa thể tu tập theo pháp môn đốn ngộ để trực chỉ đạt đến viên thành đạo quả, Phật chỉ dạy pháp môn tu Tịnh Độ là con đường dễ đi và cũng dễ hành trì. Người thực hành pháp môn Tịnh Độ chỉ cần TÍN HẠNH NGUYỆN là ba món tư lương thật cần thiết. Lòng tin thật bền vững, rồi phải lập hạnh cho thật vững vàng và nguyện lực thật sâu dày quyết cầu vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc sau khi xả báo thân này ở cõi trần. Pháp môn này gồm có niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ⁽⁵⁾, trì tụng kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ... rất đơn giản, chỉ cần sự chí thành (nhất tâm bất loạn) trong lúc tự tu, tất nhiên sẽ được Đức Phật A Di Đà và chư Thánh chúng tiếp rước vãng sanh sau khi chết.

Theo Duy Thức Tam Thập Tụng về bộ Bách Pháp Minh Môn Luận của ngài Thế Thân (340-400) có luận về căn bản của phiền não do từ tham, sân, si (vô minh), mạn, nghi, ác kiến và tai hại nhất là trong ác kiến lại còn có những kiến chấp sai lầm tai hại, khiến cho tâm ta bị ràng buộc, câu thúc trong phiền não nên không thể nào giải thoát được. Như vậy, phần căn bản phiền não là đầu mối của Vô Minh che lấp chân tâm, nên chúng sanh bị trầm luân trong ba nẻo ⁽⁶⁾, sáu đường ⁽⁷⁾ không có hạn kỳ ra khỏi cảnh tối tăm trong đêm dài mờ mịt. Tất cả các phiền não gồm có thô và tế che lấp mất căn tánh thiện của chúng sanh, do đó việc đạt ngộ chân lý rất vất vả, khó khăn. Cho nên hành giả phải chuyên tâm trong chánh niệm mới mong xa lìa khỏi những hoặc nghiệp, vô minh chi phối.

Pháp môn tu Tịnh Độ tại Nhật Bản còn được các ngài Pháp Nhiên (Ho-nen: 1133-1212) và ngài Thân Loan (Shin-Ran: 1173-1262) triệt để áp dụng và khuyến khích nhiều người tu tập rất có hiệu quả chắc chắn vào cuối thời kỳ Bình An (Heian) và vào đầu thời kỳ Kiềm Thương (Kamakura: TK thứ 9-TK thứ 13). Chính ngài Pháp Nhiên là tổ khai sáng tông Tịnh Độ tại Nhật Bản và đệ tử là ngài Thân Loan kế truyền và ra sức xiển dương pháp môn tu Tịnh Độ, để dẫn dắt người tu tập theo pháp môn niệm Phật, đã được rất nhiều người quy ngưỡng, hành trì.

Ngày nay Tịnh Độ Chân Tông vẫn còn có nhiều tín đồ thực hành tại Nhật và các nước sớm chịu ảnh hưởng của Phật Giáo Đại Thừa.

- THEO PHẬT GIÁO THIỀN TÔNG

Mọi người đều có sẵn Phật tánh và tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật là một chủ trương thật bình đẳng mà Phật đã chỉ dẫn cho chúng ta. Kẻ chưa giác ngộ là chúng sanh, còn bậc đã giác ngộ được cái chân tâm thanh tịnh sáng suốt ấy gọi là Phật vậy.

Phật và chúng sanh bản tánh đều cùng một thể như nhau, nhưng Phật nhờ chuyên tâm tu tập và khắc phục được mọi phiền não mà đạt được giác ngộ, trong khi chúng sanh do sự giải đãi, phóng túng, buông lung nên tâm ý tán loạn theo ngoại cảnh, rồi bị hoàn cảnh chi phối nên không thể và chưa đủ khả năng đạt đến giải thoát rốt ráo được, bởi còn bị vướng mắc vào mọi phiền tạp của thế gian. Theo “Lục Tổ Đàn Kinh” của ngài Huệ Năng⁽⁸⁾ có bàn về lòng ái dục của con người. con người do đắm nhiễm theo 5 món dục: tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ nên khó ngộ được chân tâm. Chỉ khi nào con người lìa được lòng ái dục thì ngay trong khoảnh khắc chứng đắc được đạo chân thật, tức kiến tánh thành Phật hay giác ngộ được chân lý giải thoát vậy. Ngoài ra, kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật cũng lưu ý các thầy Tỳ Kheo là chỗ móng tâm mới quan trọng. Tâm còn tưởng nghĩ cũng thành vô ích, không thể nào thành đạo chứng quả được.

Muốn đoạn diệt được Tam Độc (tham, sân, si) thì triệt để áp dụng tam tụ tịnh giới⁽⁹⁾ theo thiên phái phương Bắc mà đại diện có các ngài Thần Tú và Huệ Năng. Còn nếu căn cứ theo tư tưởng Bát Nhã thì Tâm tức là Sắc, sắc tức là không v.v... cũng đã được áp dụng tại Ấn Độ và sau tới Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam... cũng đều nhắm tới chỗ kiến tánh, đạt tới chân lý vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Muốn đạt được giác ngộ, hành giả phải tìm về bản tâm thanh tịnh của mình trong pháp môn thiền định, quán tưởng.

- TƯ TƯỞNG TỨC THÂN THÀNH PHẬT CỦA NGÀI KHÔNG HẢI

Theo Chân Ngôn Mật Giáo, ngài Không Hải Thiền sư (774-835) chủ trương rằng tức thân thành Phật, tức là ngay trong đời hiện tại với thân mạng này cũng có thể tu chứng được Phật quả mà không cần tìm cầu đâu xa.

Tư tưởng tức thân thành Phật đã xuất hiện vào thời đại Kamakura thời kỳ mà Phật Giáo có thể nói là hưng thịnh nhất tại Nhật Bản vào khoảng giữa thế kỷ thứ 9 đến giữa thế kỷ thứ 12 do Không Hải đại sư triển khai một cách có hệ thống và chứng cứ thật sáng giá, tinh vi. Theo tư tưởng tức thân thành Phật thì việc kiến tánh, thành Phật của Mật Giáo thật vi diệu vô cùng mà ngài Không Hải là tổ khai sáng. Nếu xa lìa phiền não là chứng ngộ được đạo màu và tới lúc chết, chính do cái chết không bị phiền não chi phối liền thành Phật ngay trong đời này. Lại luận rằng con người hiện tại tuy mang cái nhục thân, nhưng trong mỗi chúng sanh đều có sẵn Phật tánh, tức là pháp thân Phật, vì Phật và chúng sanh vốn đồng một thể tánh duy nhất. Phật vốn từ chúng sanh mà thành. Do đó, chúng ta tin tưởng một cách chắc chắn rằng, nếu chuyên tâm vào việc tu niệm, tọa thiền thì ngay trong đời hiện tại, khi thân xác này hoại diệt ta có thể thành

Phật. Theo như các kinh và luận: Như Y Bảo Châu chuyên luận bí mật hiện thân thành Phật kim luân chú vương, Biện, hiện mật nhị giáo luận” và trong bộ “ Túc thân thành Phật nghĩa” của ngài Không Hải đều nhắm tới chỗ trực chỉ thành Phật. Sau đây là một vài đoạn vấn đáp qua ý nghĩa của việc chứng quả Bồ Đề, căn cứ theo bộ luận Túc Thân thành Phật:

Hỏi: Trong bài tụng nói: “Tam mật gia trì tốc tạt hiện nghĩa” là thế nào?

Đáp: Người thật hành, theo Chân ngôn có 3 pháp môn bí mật để tu chứng thành Phật ngay tức khắc trong đời này.

Hỏi: Tam Mật ấy là gì?

Đáp: Một là Thân, hai là Miệng, ba là Tâm hợp lại thành.

Hỏi: Như vậy thì chính thân, khẩu và ý gọi là tam mật được sao?

Đáp: Mỗi hành giả đều có ngay pháp tam mật nơi thân này. Thân, khẩu, ý có đủ vạn hạnh nhờ đó người tu hành nương vào đạt đến chân lý, thì cái tên của nó cũng không còn nữa nên gọi là mật vậy.

Hỏi: Như thế ngay thân xác này có đủ vạn hạnh của tam mật và cũng chính thân xác này chứng được đạo quả giải thoát chăng?

Đáp: Tay bắt ấn khế và lúc truyền thừa sự nghiệp của Như Lai thì chính nơi tư thân của ta là một phần thân của chư tôn Phật. Miệng đọc tụng chú Chân Ngôn, tiếng vang kia dội lại thì ngay tư thân là một phần của hoa sen hàm tiếu, hiện hiện pháp màu vi diệu và ý như mặt trăng tròn đầy, thấu suốt thanh tịnh. Khi đó thân xác này là một phần thân kim cương của chư Phật.

Có thể lấy thêm một ví dụ nữa để làm rõ vấn đề qua lời vấn đáp sau đây:

Hỏi: Chân ngôn tông chủ trương cho rằng tức thân thành Phật chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Điều này đã được thành lập.

Hỏi: Cách thành lập này thế nào?

Đáp: Tức thân thành Phật gồm có 3 giai đoạn.

Hỏi: Ba giai đoạn đó là những gì?

Đáp: Ba giai đoạn như sau: một là lý cụ hay tin tưởng, hai là gia trì hay thực hành pháp tu và ba là hiển đặc thành Phật tức là nguyện lực sâu bền vậy.

Hỏi: Nếu không hội đủ lý cụ mà có ý muốn hiển đặc thành Phật thì thế nào?

Đáp: Trong tất cả chúng sanh đều có kim cương thai tạng mạn đà la, nếu xa lìa nghiệp ác tức là có được lý cụ làm tư lương cho công việc tu tập đạt thành Phật quả và cũng chính do tâm chứng được chánh đẳng chánh giác, tâm chứng được đại Niết Bàn tâm phát khởi phương tiện và cũng chính do cái tâm này trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật.

Phần vấn nạn tiếp theo là nếu phiền não không đoạn trừ có thể nào tức thân để thành Phật được không? Trong lời giải đáp có luận dẫn rằng, theo ý của tông thì phiền não không đoạn diệt cũng có thể thành Phật được, theo như chủ trương: phiền não tức Bồ Đề. Trong phần vấn nạn tiếp theo nói về bốn loại pháp thân: tự tánh thân, thọ dụng thân, biến hóa thân và đẳng lưu thân để chỉ cho sự ứng hóa biến hiện cùng khắp đều từ một thân nào mà ra.

Chủ trương tức thân thành Phật không cần, phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp, hễ một khi tâm thức này vắng lặng không còn bị phiền não chi phối, chính đó là trí Phật sáng tỏa khắp mười phương vậy.

*** VỀ TÂM LÝ HỌC**

- THEO LUẬN A TỶ ĐẠT MA CỦA PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phật giáo vốn chủ trương diệt khổ bằng cách xa lìa lòng tham lam, sân hận và si mê để đạt được sự an lạc hoàn toàn.

Theo như Kinh Pháp Cú có dẫn đoạn nói về tâm lý con người như sau: trong tất cả các pháp, tâm dẫn đầu, tâm tạo tác, rồi cũng từ nơi tâm mà ra, nếu người nào có tâm tà ác, nói và làm điều ác như trâu kéo theo xe thì sự khổ não bất hạnh sẽ theo nó cũng như vậy. Trong tất cả các pháp, tâm là chủ, tâm tiên quyết và cũng từ nơi tâm phát sinh, nếu người có tâm thiện thanh tịnh, nói và làm điều lành thì hạnh phúc sẽ theo nó như bóng không rời hình vậy. Phật giáo nguyên thủy và phái A Tỳ Đạt Ma chủ trương có cảnh tứ thiền và tứ vô sắc định... Tứ thiền gồm có: sơ thiền, lia các ái dục, các pháp bất thiện để đạt đến niềm an vui chân thật hoàn toàn, nhị thiền là cõi mà mọi sự tìm cầu, mong đợi (tâm, tư) đều dừng lại nơi hơi thở, tâm tư trở nên lắng đọng trong sáng. Một khi tâm đã định rồi thì tâm, tư không còn đủ lý do để tồn tại được nữa, rồi từ cảnh định mà thành hỷ và lạc vậy; tam thiền là cảnh giới đã dứt lìa cả hỷ và lạc không còn vướng mắc trong việc nhớ nghĩ tạp nhiễm tức là xả niệm, tâm được an trụ trong niềm vui thanh thoát, nhẹ nhàng, tứ thiền là cảnh giới mà cả khổ và vui đều đoạn trừ. Sau khi mọi sự mừng lo đã diệt hết không còn khổ và vui nữa. Lúc bấy giờ trong mỗi niệm đều được thanh tịnh và trí tuệ sáng suốt. Tinh thần được thống nhất hành giả đi lại tự tại trong cảnh thiền định của bốn cõi định vô sắc. Bốn cõi định vô sắc là: không vô biên xứ là cảnh giới không còn các sắc tướng mà trụ vào trong hư không, vô biên, thức, vô biên xứ là cõi trời thứ hai thuộc vô sắc giới, hành giả thường an định tâm vào cảnh định kiên cường, vô sở hữu xứ là cõi trời thứ ba về vô sắc giới, các chúng sanh ở cõi này không còn móng tâm niệm chấp về ngã và ngã sở và sau cùng là cõi phi tướng phi

phi tướng xứ, chúng sanh ở đó trụ trong cảnh định phi tướng siêu việt.

Nếu căn cứ theo kinh A Hàm thì tâm thức có hai loại là tâm vương và tâm sở. Tâm vương chỉ cho thức thứ 8 nắm quyền chủ động tuyệt đối và tâm sở gồm có 6 thức là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và mặt na thức tức là thức thứ 7. Vì tất cả 7 thức trên đều phụ thuộc vào thức thứ 8 để thi hành mọi nhiệm vụ phân biệt. Tâm bao hàm trong 3 cõi: dục, sắc và cõi vô sắc mà phần căn bản do sáu phiền não: tham, sân, si, ngã mạn, hồ nghi và ác kiến hoặc do 10 món phiền não là: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ mà thành. Vì trong ác kiến còn chia ra năm phần mê chấp cho rằng cái thân này là thật có ngã và chủ tế (thân kiến), hoặc chấp chắc cho rằng sau khi chết rồi thì mất hẳn hay thường còn nên không quyết tâm tu hành và vì chấp một bên nên gọi là biên kiến, còn tà kiến là cố chấp những sự mơ hồ hay bác bỏ những lý nhân quả một cách thiếu chính đáng, kiến thủ là khư khư ôm giữ những sự sai lầm tai hại của mình rồi cho là đúng nên không chịu thực hành theo những gương tu chứng giải thoát của bậc hiền thánh và giới cấm thủ là việc giữ giới sai lầm thiếu chính đáng như việc tu khổ hạnh của ngoại đạo và chấp việc giữ các giới cấm thế gian mà cho rằng đó là đạo lý chân chánh có thể dứt trừ được phiền não, do sự lầm lạc mê chấp ấy nên cứ mãi bị luân hồi sanh tử. Nếu căn cứ vào luận Nhiếp À Tỳ Đạt Ma thì tâm sở có 51 món như: 5 biến hành, 5 biệt cảnh, 11 món thiện, 20 món tùy phiền não, 6 món phiền não và 4 món bất định...⁽¹⁰⁾ hợp với nhau lại thành một chuỗi liên hoàn dấy lên một phiền não chấp trước.

Tâm lý của chúng ta bị chi phối bởi hai phần là tâm vương và tâm sở tương ưng đồng thời sanh khởi và tồn tại để dẫn dắt con người thành Thánh hay thành ma trong các cõi khác nhau.

- THEO DUY THỨC HỌC

Phái Duy Thức được thành lập vào khoảng thế kỷ thứ 4-5 tây lịch, do các ngài Vô Trước (Asanga), Thế thân (Vasubandhu), Di Lặc (Maitreya) chủ xướng. Sau đó có các ngài Trần Na (Dignaga : 480-540), An Huệ (Sthiramati : 500-570), Hộ Pháp (Dharmapala: 530-561) và nhiều học giả khác cùng nhau xiển dương tư tưởng Duy Thức đến chỗ toàn bích.

Phái Duy Thức căn cứ vào các bộ luận cơ bản như: Duy thức nhị thập tụng, đại thừa bách pháp minh môn luận, đại thừa ngũ uẩn luận, duy thức tam thập tụng, thành duy thức luận, nhiếp đại thừa luận, đại thừa A Tỳ Đạt Ma tập luận, hiển dương thánh giáo luận, du già sư địa luận mà trong đó có chia ra thành hai hệ thống là Hữu Tướng duy thức và Vô Tướng duy thức cũng

như có sự đối chiếu giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa về Tâm, Tâm Vương, Tâm Sở để phân biệt sự khác nhau sâu xa giữa các hiện tượng tâm lý. Theo Đại Thừa Phật Giáo ý nghĩa thật tiễn của chủ thể được khẳng định rõ ràng qua thuyết “Tam giới duy Tâm, Vạn Pháp duy Thức”⁽¹¹⁾ và tư tưởng này thuộc về khuynh hướng nhất nguyên luận vậy. Ngoài ra, thức A Lại Da tức thức thứ tám nắm phần quyết định như là nơi phát xuất mọi hành vi thiện ác nên có thể gọi trong 3 tên khác nhau: năng tàng, sở tàng và ngã ái chấp tàng⁽¹²⁾ hay còn được gọi là chủng tử vì đó là nơi chứa nhóm hạt mầm quan trọng. Thức thứ tám còn có nhiệm vụ giữ lại, duy trì mọi liên hệ giữa cá nhân với hoàn cảnh của thế giới bên ngoài và đồng thời làm trọng tâm của chủ thể nữa. Trong khi đó Tâm Sở lại chia làm sáu loại:

- 1) Tâm sở biến hành có 5 là xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư.
- 2) Tâm sở biệt cảnh cũng có 5: dục, thắng giải, niệm, định, huệ.
- 3) Tâm sở thiện có 11: tìn, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, cần, khinh an, bất phóng dật, hành xả, thiện.
- 4) Tâm sở phiền não có 6: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.
- 5) Tùy phiền não gồm 20 món: phân, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu, vô tầm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.
- 6) Tâm sở bất định có 4: hối, thủy miên, tâm, tư.

Theo như phân tích trên ta có thể nhận ngay nơi tâm sở có hai loại: thiện và ác. Ví dụ: tìn thì đối lại với bất tín, tầm là vô tầm, bất phóng dật là phóng dật, bất hại là hại v.v... Ngoài ra giá trị thực tiễn của tâm lý còn được biểu hiện trong ba lãnh vực: tri, tình, ý mà các triết gia Tây phương như Jung (1875-1961) cũng đã đề cập tới, còn theo như Freud khi phân tích tâm lý con người cũng cho rằng có ba tầng ý thức là Hạ ngã (id), bản ngã (ego) và siêu ngã (super ego) để hợp thành một nhân cách toàn diện.

Tâm lý của con người rất phức tạp và đa diện, nếu biết hướng thiện ta sẽ tìm thấy đời sống an lạc, thoải mái, còn ngược lại con người nhận thấy kiếp nhân sinh này thật là vô vị và chán chường, mất hết nguồn sinh thú.

- THEO TINH THẦN THÀNH ĐẠO CỦA PHẬT TÒ

Phật giáo ngày nay thuộc trong nhiều lãnh vực để nghiên cứu như: tôn giáo, triết học, sinh lý học, tinh thần liệu pháp và dĩ nhiên ngành tâm lý học cũng được triển khai như một triết lý sống động trong đạo Phật.

Đức Phật Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ Đề là một quá trình thể nghiệm chuyển mê khai ngộ qua ý thức tự giác tuyệt vời mà chỉ có bậc phi phàm mới gia công thực hành được cái chân thực vĩnh cửu ấy. Ý thức và vô ý thức là hai lãnh vực bao hàm toàn diện tâm lý có khả năng bổ túc cho nhau để hoàn thiện cuộc đời và cho nhân cách con người. Với kẻ phàm phu, tâm lý tiềm tàng trong ba lãnh vực khác nhau là hạ ngã, bản ngã và siêu ngã (theo quan niệm của Freud 1856-1939); còn đối với đức Phật là tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, tức là chính mình tự soi tỏ con đường, tu chứng, nhờ sự hiểu biết chính đáng đã đạt được ấy đem hướng dẫn cho người khác cùng soi sáng tự thân về cả hai điều trên được hoàn thành một cách trọn vẹn để cùng với kẻ khác tiến bước trên đường tìm về chân lý. Phật tử đã chiến đấu trong mọi hoàn cảnh khó khăn để thắng được cả giặc phiền não nội tâm và những chương duyên bên ngoài như ma vương, ma ba tuần, ma nữ... đã dùng đủ mọi hình thức để quyến rũ và làm mê hoặc đức Phật, nhưng với lòng kiên cường trong chánh định Phật đã chứng ngộ được chân lý trong vinh quang rực rỡ mà cả trời người đều tung hoa tán ngưỡng đức đại giác ngộ, đức thiên nhơn chi đạo sư, bậc phi phàm xuất thế và là đấng cha lành của tất cả chúng sanh trong ba cõi.

- THIÊN TÂM LÝ HỌC

Thiên tâm lý học là đề tài biệt lập với ngành tâm lý học mà cách 100 năm trước đây như chưa được triển khai và khảo cứu đúng mức.

Ngày nay thiên tâm lý học đã trở nên phổ thông đối với các nhà chuyên nghiên cứu về thiên học, không những chỉ dành riêng cho các nhà khảo cứu triết học Đông phương mà ngay cả những học giả Tây phương cũng đang say sưa tìm tòi việc thực hành theo cách tu thiên thật hào hứng, hăng say. Động cơ nào đã khiến cho nhiều học giả tìm tòi chân lý của môn Thiên học? Ở các xã hội Tây phương con người sống vật lộn với vật chất quá đầy đủ, nhưng lại không cảm thấy được thoải mái an lạc, nhất là đời sống tinh thần luôn luôn bị xáo trộn. Vì lẽ đó, chúng ta không lấy làm lạ trong thời gian gần đây có nhiều học giả Âu-Mỹ đang tiến gần tới triết lý chủ đạo sống của Đông Phương mà trong đó có thể nói môn Thiên học trong Phật Giáo là đề tài hấp dẫn hơn cả được đưa lên hàng đầu cho sự nghiên cứu và tìm hiểu này.

Theo như bộ Bách Trượng thanh qui của Tổ Bách Trượng (thế kỷ 8-9) quy định những phép tắc tham thiền nhập định để cho hành giả theo đó mà tu hành cho được nghiêm túc về giới hạnh cũng như công việc chấp lao phục dịch (làm việc lao động hết khả năng) trong lúc tu thiền để cho thân và tâm điều hòa trong chánh niệm. Còn ngài Đạo Nguyên thiền sư (1200-1253) có làm ra sách “Phổ khuyến tọa thiền nghi” (chỉ rõ cách thức tọa thiền) để khuyến khích hành giả trong việc tu thiền. Để đạt

được tới chỗ sâu sắc trong việc tu thiền, hành giả trong mỗi động tác như: đi, đứng, ngồi, nằm (4 oai nghi của người xuất gia) nói năng và làm việc như gánh nước, quét nhà, nấu cơm, bửa củi, rửa chén... đều là Thiền cả, nếu ta chú tâm vào những việc đang làm với một lòng trong sáng. Trong lúc ta làm việc như thế đồng thời cũng là cơ hội tốt để nhiếp tâm và điều thân ngay trong hơi thở là những yếu tố căn bản của một quá trình tu chứng vậy.

Việc chủ trương tu thiền bằng cách quán niệm ngay trong những việc làm hàng ngày và trong mỗi động tác làm cho hành giả thấy rõ được cái hiệu quả của công việc tu hành do chính tự bản thân mình thực hành. Các bậc tổ sư đề xướng, triển khai pháp tu thiền thực tiễn này để dẫn dắt hành giả vượt qua mọi chướng trước sai lầm mà cuộc sống đa diện xô bồ này đã làm quấy động tâm tư ta không ít.

Con người và tâm lý học theo quan niệm của Phật Giáo đã được các bậc siêu phàm và chư tổ dày công tu tập và chứng ngộ. Các ngài đem kinh nghiệm tự thân đã đạt ngộ được chân lý chỉ dẫn cho chúng ta con đường tu chứng. Dù con người có phân ra đông, tây, nam, bắc, nhưng pháp tu chỉ có một là việc tỏ ngộ được chân tinh thần sáng suốt cùng với vạn vật trong vũ trụ thành một thể tánh thanh tịnh tuyệt vời như mặt nước lóng trong.

Chú Thích:

- (1) Mười cõi, tính từ cõi phàm phu đến quả Thánh gồm có: trời, người, A Tu La, địa ngục, quỷ đói, súc sanh (thuộc về sau cõi phàm), Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật (bốn quả Thánh).
- (2) Hai cửa: cửa Chân Như và cửa Sanh Diệt hay Phàm và Thánh.
- (3) Bốn chân lý chắc thật chi phối toàn diện đời sống là: khổ, tập, thuộc về thế tục; diệt đạo, thuộc về Thánh đế.
- (4) Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử (un-knowing, volition, consciousness, mindbody, sixfold sense sphere, contact, feeling, craving, grasping, becoming, birth, old and death). Nói một cách dễ hiểu hơn là thiếu sáng suốt, hành vi tạo tác, sự hiểu biết, hình danh sắc tướng mà trong ấy kể cả cơ thể, sáu căn tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài, đụng chạm hay sờ mó, thọ nhận sự vui buồn, mừng giận, ghét yêu... yêu mến, bám víu lấy, chiếm làm của riêng, sanh ra, già và chết.
- (5) Vô lượng quang, Vô lượng thọ và Vô lượng công đức. Đức Phật A Di Đà có ánh hào quang vô lượng, tuổi thọ mạng vô cùng và công đức cứu độ chúng sanh của Ngài không thể tính đếm suy lường được.
- (6) Ba nẻo hay ba cõi là cõi dục (cõi chúng ta đang sống), cõi sắc (cõi của các tiên hơn) và cõi vô sắc (nơi của các vị trời).

- (7) Địa ngục, ngã qui, súc sanh, thiên, nhân, A tu la.
- (8) Ngài Huệ Năng thuộc đời nhà Đường vào thế kỷ thứ 7, thứ 8, là Tổ thứ 6 của phái Thiền tông Trung Quốc.
- (9) Nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích chúng sanh giới (giữ gìn giới luật, thực hành các pháp lợi lành, đem nguồn vui an ổn đến tất cả chúng sanh).
- (10) Năm mươi một món Tâm Sở gồm có: 5 biến hành: xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư; 5 biệt cảnh: dục, thắng giải, niệm, định, huệ; 11 món thiện: tín, tâm, quý, vô tham, vô sân, vô si, cần, khinh an, bất phóng dật, hành xả, thiện; 6 món phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến; 20 món tùy phiền não: phân, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri; 4 món bất định: hối, miên, tâm, tư hợp nhau thành một chuỗi liên hoàn dấy lên mọi phiền não cháp trước nơi ta. Dòng tâm lý con người bị chi phối bởi hai phần: Tâm Vương và Tâm Sở này.
- (11) Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức: ba cõi này có ra đều do Tâm tạo và vạn pháp hình thành do thức biến hiện ra.
- (12) Tàng là nơi chứa nhóm như nghĩa của chữ tàng trữ, tích tụ lại vậy.
- (Tài liệu: lược khảo quyển thứ tư trong bộ “TU TƯỞNG PHẬT GIÁO” của tác giả Mitsu Yoshi Saigusa, do nhà xuất bản Rishosha Đông Kinh ấn hành năm 1975).

ĐÔI DÒNG SƠ LƯỢC VỀ DỊCH GIẢ

Thích Bảo Lạc thế danh Lê Bảo Lạc

Sinh năm 1946

Tại Quảng Nam – Đà Nẵng

Xuất gia 1958 tại Chùa Non Nước Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng

Thọ Tỳ Kheo 1964 tại Việt Nam Quốc Tự

Du học Nhật Bản cuối năm 1974

**Tốt nghiệp ngành Xã Hội Tôn Giáo, Đại Học Korazawa,
Tokyo 1980**

Được tấn phong lên hàng Thượng Tọa 1983

Hiện tại đang lo việc Phật sự tại Úc Châu

TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO

*** VIỆT NAM tại TÂY ĐỨC ***

Chùa VIÊN GIÁC

Xuất bản _ Phật lịch 2529_1985